

LED CATALOGUE



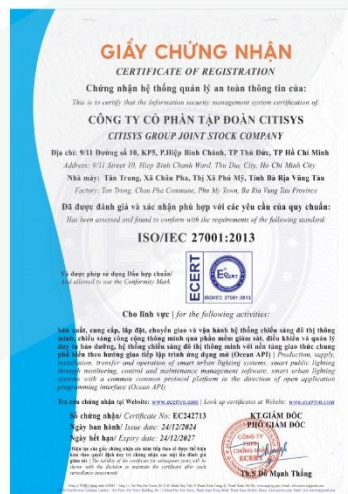
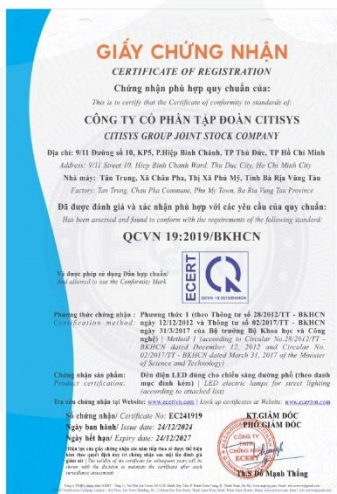
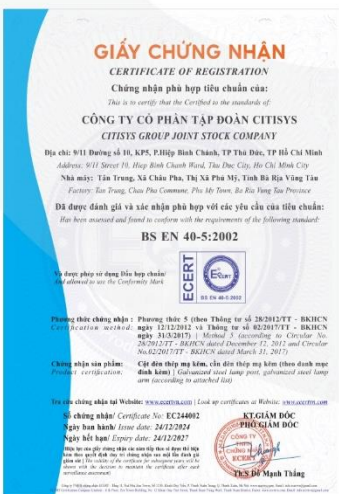
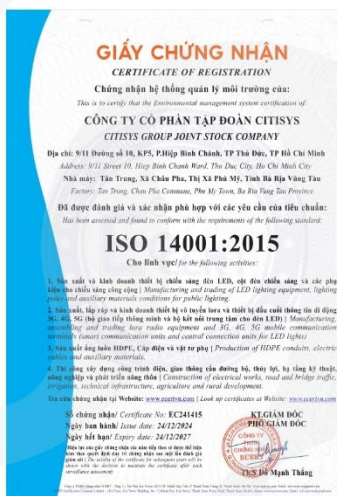
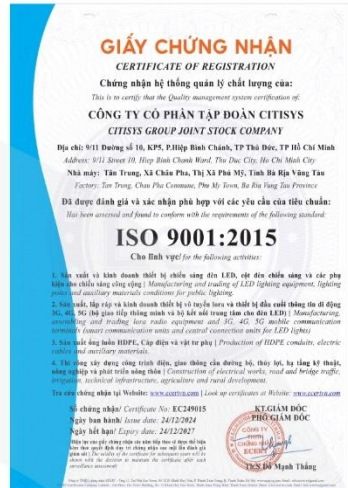
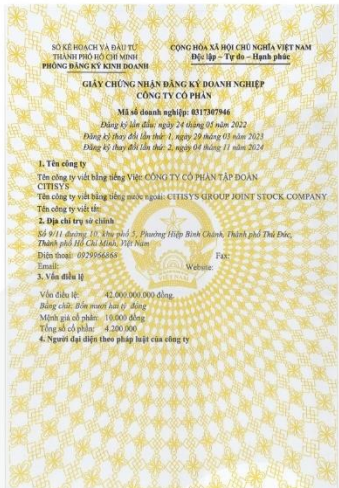
CitiSys
CITISYS GROUP

Website: www.chieusangvn.com - Website: www.chieusangvn.com.vn

Website: www.chieusangvn.com - Website: www.chieusangvn.com.vn



CitiSys
CITISYS GROUP





05 | LED Street Light | Đèn đường LED



40 | LED Garden Light | Đèn LED sân vườn



90 | LED High Bay Light | Đèn nhà xưởng



100 | LED Flood Light | Đèn pha khu vực



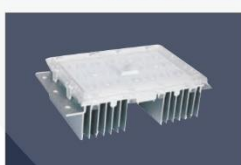
114 | LED Underground Light | Đèn LED ngầm
Control | Vehicle Control & Intelligent
Lighting System



143 | Bộ điều khiển và Hệ thống chiếu sáng
thông minh



147 | Solar LED | Đèn năng lượng mặt trời



154 | LED Module | Mô-đun LED



162 | Lighting Pole | Cột đèn



172 | Decorative Pole | Trụ đèn trang trí

LED STREET LIGHT | ĐÈN ĐƯỜNG LED

Model - SL601



Model - SL602



Model - SL603



Model - SL604



Model - SL605



Model - SL606



Model - SL607



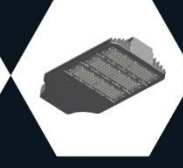
Model - SL608



Model - SL609



Model - SL610



Model - SL611



Model - SL612



Model - SL613



Model - SL614



Model - SL615



Model - SL616



Model - SL617



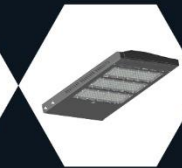
Model - SL618



Model - SL619



Model - SL620



Model - SL621



Model - SL622



Model - SL623



Model - SL624



Model - SL625



Model - SL626



Model - SL627



Model - SL628



Model - SL629



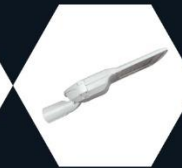
Model - SL630



Model - SL631



Model - SL632



Model - SL633



Model - SL634



Model - SL635



Model - SL636



Model - SL637



Model - SL638



Model - SL639



Model - SL640



Model - SL641



Model - SL642



Model - SL643



Model - SL644



Model - SL645



Model - SL646



Model - SL647



Model - SL648



Model - SL649



Model - SL650



Model - SL651



Model - SL652



Model - SL653



Model - SL654



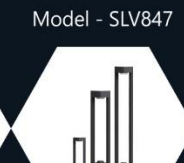
Model - SL655



Model - SL656



LED GARDEN LIGHT | ĐÈN LED SÂN VƯỜN

Model - SLV801	Model - SLV802	Model - SLV803	Model - SLV804	Model - SLV805	Model - SLV806	Model - SLV807
						
Model - SLV808	Model - SLV809	Model - SLV810	Model - SLV811	Model - SLV812	Model - SLV813	Model - SLV814
						
Model - SLV815	Model - SLV816	Model - SLV817	Model - SLV818	Model - SLV819	Model - SLV820	Model - SLV821
						
Model - SLV822	Model - SLV823	Model - SLV824	Model - SLV825	Model - SLV826	Model - SLV827	Model - SLV828
						
Model - SLV829	Model - SLV830	Model - SLV831	Model - SLV832	Model - SLV833	Model - SLV834	Model - SLV835A
						
Model - SLV835B	Model - SLV836	Model - SLV837	Model - SLV838	Model - SLV839	Model - SLV840	Model - SLV841
						
Model - SLV842	Model - SLV843	Model - SLV844	Model - SLV845	Model - SLV846	Model - SLV847	Model - SLV848
						
Model - SLV849	Model - SLV850	Model - SLV851	Model - SLV852	Model - SLV853	Model - SLV854	Model - SLV855
						

LED HIGH BAY | ĐÈN NHÀ XƯỞNG

Model - SHB901



Model - SHB902



Model - SHB903



Model - SHB904



Model - SHB905



Model - SHB906



Model - SHB907



Model - SHB908



Model - SHB909



Model - SHB910



LED FLOOD LIGHT | ĐÈN PHA KHU VỰC

Model - FL701



Model - FL702



Model - FL703



Model - FL704



Model - FL705



Model - FL706



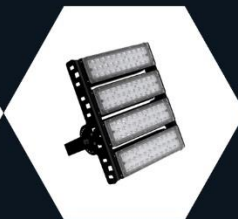
Model - FL707



Model - FL708



Model - FL709



Model - FL710



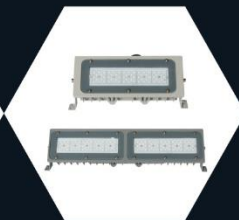
Model - FL711



Model - FL714



Model - FL715



Model - FL730



Model - FL731

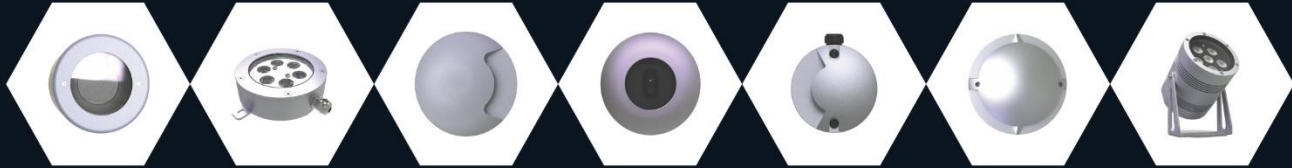


LED UNDERGROUND LIGHT | ĐÈN LED NGẦM

Model - S.UL301 Model - S.UL302 Model - S.UL303 Model - S.UL304 Model - S.UL305 Model - S.UL306 Model - S.UL307



Model - S.UL308 Model - S.UL309 Model - S.UL310 Model - S.UL311 Model - S.UL312 Model - S.UL313 Model - S.UL314



Model - S.UL315 Model - S.UL316 Model - S.UL317 Model - S.UL318 Model - S.UL319 Model - S.UL320 Model - S.UL321



Model - S.UL322 Model - S.UL323 Model - S.UL324 Model - S.UL325 Model - S.UL326 Model - S.UL327 Model - S.UL328



VEHICLE CONTROL & INTELLIGENT LIGHTING SYSTEM | BỘ ĐIỀU KHIỂN VÀ HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG THÔNG MINH

Model - S.ML401 Model - S.ML402 Model - S.ML403 Model - S.ML404



SOLAR LED | ĐÈN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Model - SNL801 Model - SNL802 Model - SNL803 Model - SNL804 Model - SNL805 Model - SNL806 Model - SNL807



LED STREET LIGHT

CitiSys | LED STREET LIGHT
CITISYS GROUP

Model - SL608



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tầm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100.000\text{h}$

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000\text{h}$

MÔ TẢ SẢN PHẨM | PRODUCT DESCRIPTION

Đèn thiết kế hiện đại, độ phát quang cao, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, tuổi thọ cao, bảo hành bảo trì dễ dàng. Ngoài ra dải công suất rộng từ 30W ÷ 280W phù hợp với nhiều loại công trình. Lamp with modern design, high luminous efficiency, energy saving, Eco-friendly, long life, easy maintenance. Power range from 30W ÷ 280W suitable for many types of projects.

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SL608-30w÷80w	$\geq 145\text{Lm/w}$	3000k-7000k	4350-11600Lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	600*260*110	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
SL608-90w÷280w	$\geq 145\text{Lm/w}$	3000k-7000k	13050-40600Lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	745*362*116	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)

THÔNG TIN CHI TIẾT VẬT PHẨM (PRODUCT DETAILS INFORMATION)

Vỏ đèn hợp kim nhôm đúc áp lực Class I, Class II, IP 66-68.
(Die-cast aluminum alloy lamp housing
Pressure Class I, Class II, IP 66-68.)

Bộ giao tiếp thông minh tại đèn.
(Smart communicator at the lamp.)

Sử dụng hệ thống chống sét lan truyền chính hãng 10kV, 10kA ÷ 30kV, 30kA.
(Using surge protection devices genuine 10kV, 10kA ÷ 30kV, 30kA.)

Sử dụng Driver Dimming 2÷8 cấp công suất chính hãng.
(Using Driver genuine with Dimming 2÷8 levels.)

Bộ phận tản nhiệt của đèn dạng lưới giúp đèn tản nhiệt nhanh.
(The lamp's mesh heat-sink helps dissipate heat quickly.)

Kính đèn cường lực, đảm bảo an toàn khi sử dụng.
(Toughened lamp glass, guaranteed safe to use.)

Thấu kính chuyên dụng góc chiếu sáng rộng, mang lại độ sáng đồng đều cao.
(Specialized lens with wide lighting angle, providing highly uniform brightness).

Sử dụng chip Led chính hãng.
(Use genuine LED chips.)
Tuổi thọ trên 100.000h.
(Lifetime over 100,000 hours.)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



PLUS



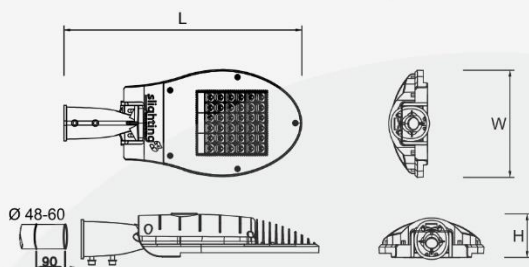
CE

RoHS

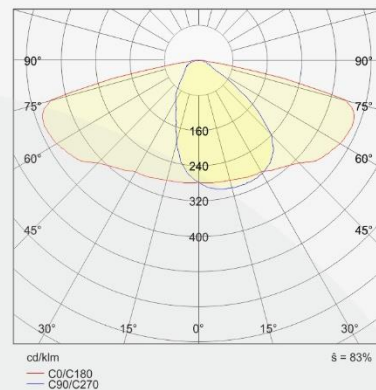
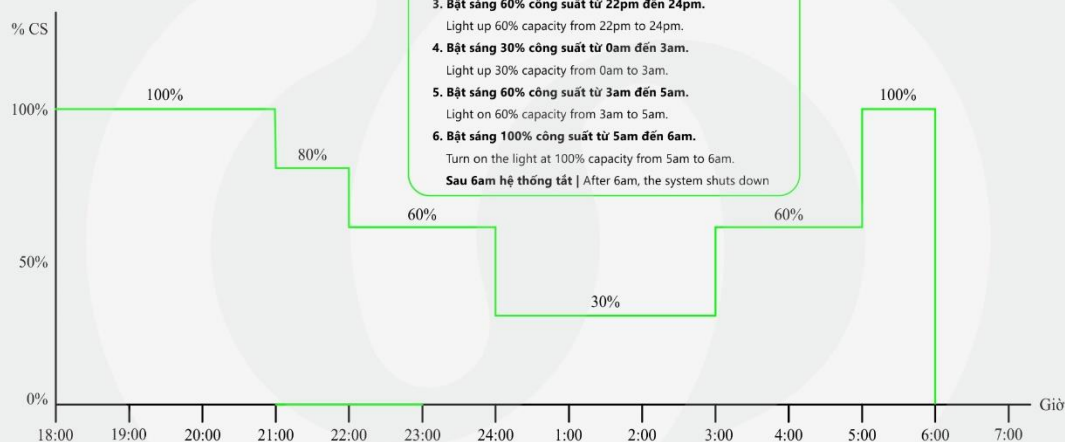
LED STREET LIGHT



CitiSys | LED STREET LIGHT

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

SƠ ĐỒ TIẾT GIẢM CÔNG SUẤT CHIẾU SÁNG
(LIGHT POWER REDUCTION SCHEDULE)**1. Bật sáng 100% công suất từ 18pm đến 21pm.**

Turn on the light at 100% capacity from 18pm to 21pm.

2. Bật sáng 80% công suất từ 21pm đến 22pm.

Light on 80% capacity from 21pm to 22pm.

3. Bật sáng 60% công suất từ 22pm đến 24pm.

Light up 60% capacity from 22pm to 24pm.

4. Bật sáng 30% công suất từ 0am đến 3am.

Light up 30% capacity from 0am to 3am.

5. Bật sáng 60% công suất từ 3am đến 5am.

Light on 60% capacity from 3am to 5am.

6. Bật sáng 100% công suất từ 5am đến 6am.

Turn on the light at 100% capacity from 5am to 6am.

Sau 6am hệ thống tắt | After 6am, the system shuts down



Model - SL601



MÔ TẢ SẢN PHẨM | PRODUCT DESCRIPTION

Đèn thiết kế hiện đại, độ phát quang cao, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, tuổi thọ cao, bảo hành bảo trì dễ dàng. Ngoài ra dải công suất rộng từ 30W ÷ 200W phù hợp với nhiều loại công trình. Lamp with modern design, high luminous efficiency, energy saving, Eco-friendly, long life, easy maintenance. Power range from 30W ÷ 200W suitable for many types of projects.

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tầm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ ≥ 100.000h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime ≥ 100,000h

MÔ TẢ SẢN PHẨM | PRODUCT DESCRIPTION

Đèn thiết kế hiện đại, độ phát quang cao, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, tuổi thọ cao, bảo hành bảo trì dễ dàng. Ngoài ra dải công suất rộng từ 30W ÷ 200W phù hợp với nhiều loại công trình. Lamp with modern design, high luminous efficiency, energy saving, Eco-friendly, long life, easy maintenance. Power range from 30W ÷ 200W suitable for many types of projects.

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SL601-30w÷150w	≥145Lm/w	3000k-7000k	4350-21750Lm	≥70	AC 80-305V/50HZ	585*210*96	≥0,95	(-25° đến 60°)
SL601-160w÷200w	≥145Lm/w	3000k-7000k	23200-29000Lm	≥70	AC 80-305V/50HZ	685*318*96	≥0,95	(-25° đến 60°)

THÔNG TIN CHI TIẾT VẬT PHẨM (PRODUCT DETAILS INFORMATION)

Vỏ đèn hợp kim nhôm đúc áp lực Class I, Class II, IP 66-68.
(Die-cast aluminum alloy lamp housing
Pressure Class I, Class II, IP 66-68.)

Bộ giao tiếp thông minh tại
đèn. (Smart communicator at
the lamp.)

Sử dụng hệ thống chống sét
lan truyền chính hãng 10kV, 10kA ÷
30kV, 30kA.
(Using surge protection devices
genuine 10kV, 10kA ÷ 30kV, 30kA.)

Sử dụng Driver Dimming 2÷8 cấp
công suất chính hãng.
(Using Driver genuine with Dimming
2÷8 levels.)

Bộ phận tản nhiệt của đèn dạng
lưới giúp đèn tản nhiệt nhanh.
(The lamp's mesh heat-sink
helps dissipate heat quickly.)

Kính đèn cường lực, đảm
bảo an toàn khi sử dụng.
(Toughened lamp glass,
guaranteed safe to use.)

Thấu kính chuyên dụng góc
chiếu sáng rộng, mang lại độ
sáng đồng đều cao.
(Specialized lens with wide
lighting angle, providing highly
uniform brightness).

Sử dụng chip Led chính hãng.
(Use genuine LED chips.)
Tuổi thọ trên 100.000h.
(Lifetime over 100,000 hours.)



ROADS & MOTOR WAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRICS



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



PLUS



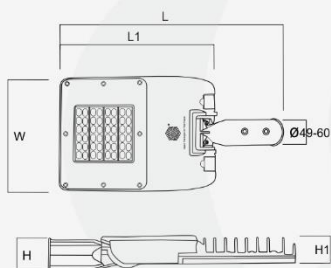
CE

RoHS

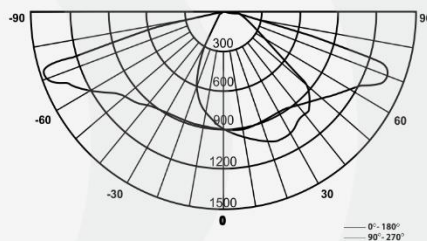
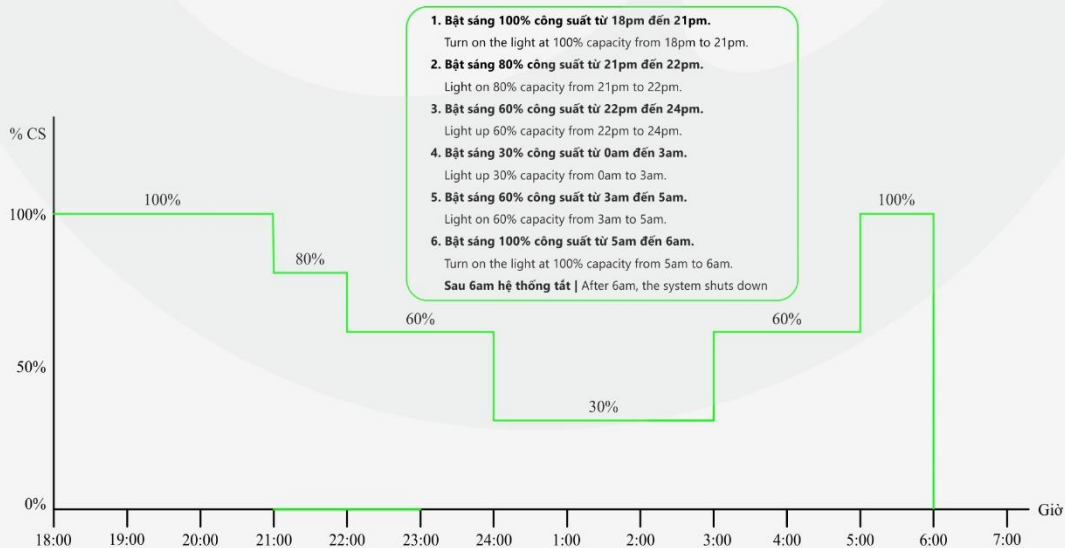
LED STREET LIGHT



CitiSys | LED STREET LIGHT

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

SƠ ĐỒ TIẾT GIẢM CÔNG SUẤT CHIẾU SÁNG
(LIGHT POWER REDUCTION SCHEDULE)

LED STREET LIGHT

CitiSys | LED STREET LIGHT
CITISYS GROUP

Model - SL602



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tầm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ ≥ 100.000h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime ≥ 100,000h

MÔ TẢ SẢN PHẨM | PRODUCT DESCRIPTION

Đèn thiết kế hiện đại, độ phát quang cao, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, tuổi thọ cao, bảo hành bảo trì dễ dàng. Ngoài ra dải công suất rộng từ 30W ÷ 240W phù hợp với nhiều loại công trình. Lamp with modern design, high luminous efficiency, energy saving, Eco-friendly, long life, easy maintenance. Power range from 30W ÷ 240W suitable for many types of projects.

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SL602-30w÷180w	≥145Lm/w	3000k-7000k	4350-26100lm	≥70	AC 80-305V/50HZ	640*264*96	≥0,95	(-25° đến 60°)
SL602-190w÷240w	≥145Lm/w	3000k-7000k	27550-34800Lm	≥70	AC 80-305V/50HZ	740*392*96	≥0,95	(-25° đến 60°)

THÔNG TIN CHI TIẾT VẬT PHẨM (PRODUCT DETAILS INFORMATION)

Vỏ đèn hợp kim nhôm đúc áp lực Class I, Class II, IP 66-68.
(Die-cast aluminum alloy lamp housing
Pressure Class I, Class II, IP 66-68.)

Bộ phận tản nhiệt của đèn dạng lưới giúp đèn tản nhiệt nhanh.
(The lamp's mesh heat-sink helps dissipate heat quickly.)

Kính đèn cường lực, đảm bảo an toàn khi sử dụng.
(Toughened lamp glass, guaranteed safe to use.)

Bộ giao tiếp thông minh tại đèn. (Smart communicator at the lamp.)

Thấu kính chuyên dụng góc chiếu sáng rộng, mang lại độ sáng đồng đều cao.
(Specialized lens with wide lighting angle, providing highly uniform brightness).

Sử dụng hệ thống chống sét lan truyền chính hãng 10kV, 10kA ÷ 30kV, 30kA.
(Using surge protection devices genuine 10kV, 10kA ÷ 30kV, 30kA.)

Sử dụng Driver Dimming 2÷8 cấp công suất chính hãng.
(Using Driver genuine with Dimming 2÷8 levels.)

Sử dụng chip Led chính hãng.
(Use genuine LED chips.)
Tuổi thọ trên 100.000h.
(Lifetime over 100,000 hours.)



ROADS & MOTOR WAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METROS



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68



IK 08-10



PLUS



CE



RoHS



RoHS



RoHS



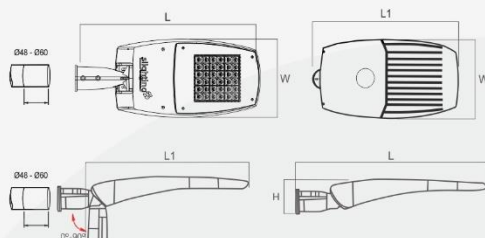
RoHS



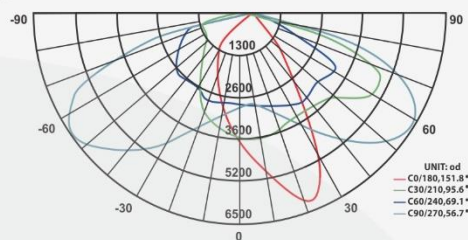
RoHS



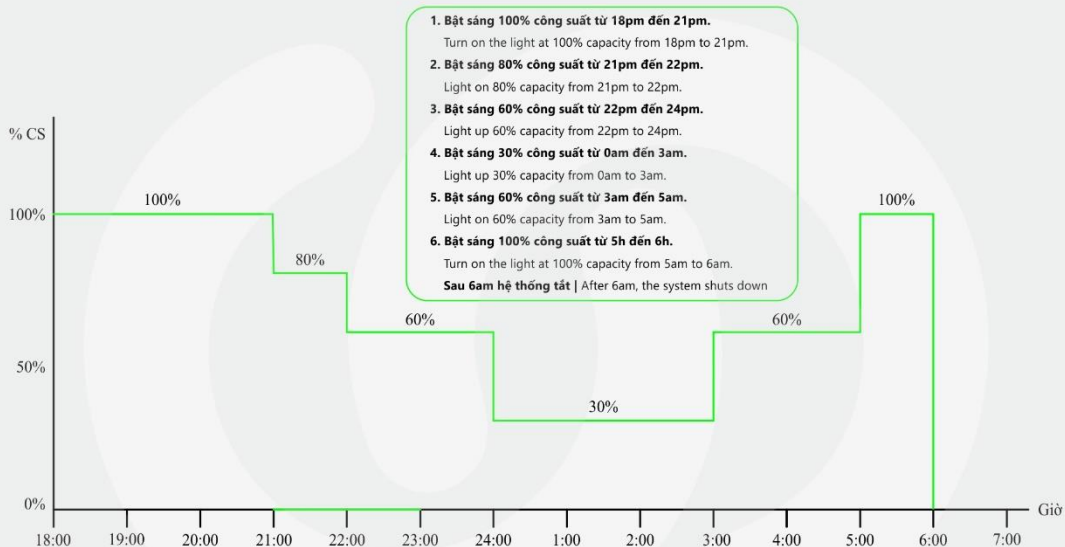
THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



SƠ ĐỒ TIẾT GIẢM CÔNG SUẤT CHIẾU SÁNG (LIGHT POWER REDUCTION SCHEDULE)



LED STREET LIGHT

citiSys

CITISYS GROUP

LED STREET LIGHT

Model - SL630



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tầm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ ≥ 100.000h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime ≥ 100,000h

MÔ TẢ SẢN PHẨM | PRODUCT DESCRIPTION

Đèn thiết kế hiện đại, độ phát quang cao, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, tuổi thọ cao, bảo hành bảo trì dễ dàng. Ngoài ra dải công suất rộng từ 30W ÷ 240W phù hợp với nhiều loại công trình. Lamp with modern design, high luminous efficiency, energy saving, Eco-friendly, long life, easy maintenance. Power range from 30W ÷ 240W suitable for many types of projects.

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SL630-30w÷100w	≥145Lm/w	3000k-7000k	4350-14500Lm	≥70	AC 80-305V/50HZ	608*261*107	≥0,95	(-25° đến 60°)
SL630-110w÷240w	≥145Lm/w	3000k-7000k	15950-34800Lm	≥70	AC 80-305V/50HZ	731*324*132	≥0,95	(-25° đến 60°)

THÔNG TIN CHI TIẾT VẬT PHẨM
(PRODUCT DETAILS INFORMATION)

Vỏ đèn hợp kim nhôm đúc áp lực Class I, Class II, IP 66-68.
(Die-cast aluminum alloy lamp housing
Pressure Class I, Class II, IP 66-68.)

Bộ giao tiếp thông minh tại đèn.
(Smart communicator at the lamp.)

Sử dụng hệ thống chống sét lan truyền chính hãng 10kV, 10kA ÷ 30kV, 30kA.
(Using surge protection devices genuine 10kV, 10kA ÷ 30kV, 30kA.)

Sử dụng Driver Dimming 2÷8 cấp công suất chính hãng.
(Using Driver genuine with Dimming 2÷8 levels.)

Bộ phận tản nhiệt của đèn dạng lưới giúp đèn tản nhiệt nhanh.
(The lamp's mesh heat-sink helps dissipate heat quickly.)

Kính đèn cường lực, đảm bảo an toàn khi sử dụng.
(Toughened lamp glass, guaranteed safe to use.)

Thấu kính chuyên dụng góc chiếu sáng rộng, mang lại độ sáng đồng đều cao.
(Specialized lens with wide lighting angle, providing highly uniform brightness.)

Sử dụng chip Led chính hãng.
(Use genuine LED chips.)
Tuổi thọ trên 100.000h.
(Lifetime over 100,000 hours.)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



PLUS



CE

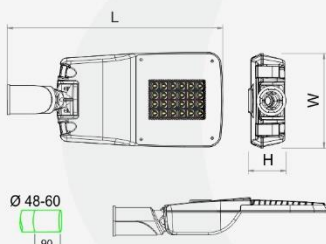
RoHS

LED STREET LIGHT

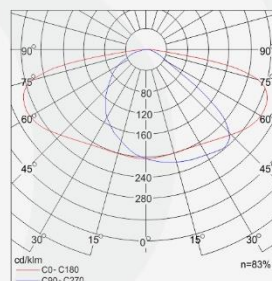
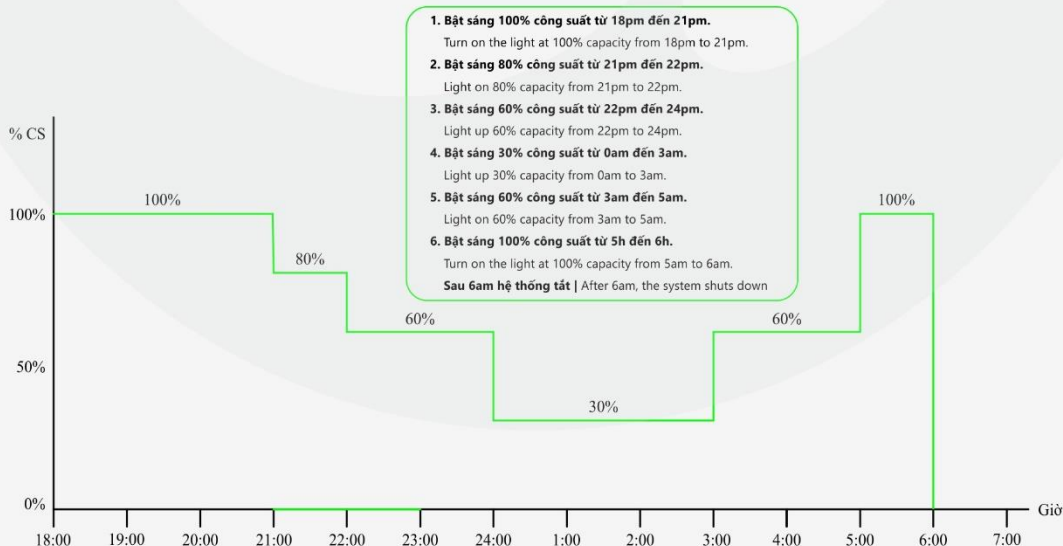


CitiSys | LED STREET LIGHT

CITISYS GROUP

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

SƠ ĐỒ TIẾT GIẢM CÔNG SUẤT CHIẾU SÁNG
(LIGHT POWER REDUCTION SCHEDULE)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRICS



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



PLUS



CE

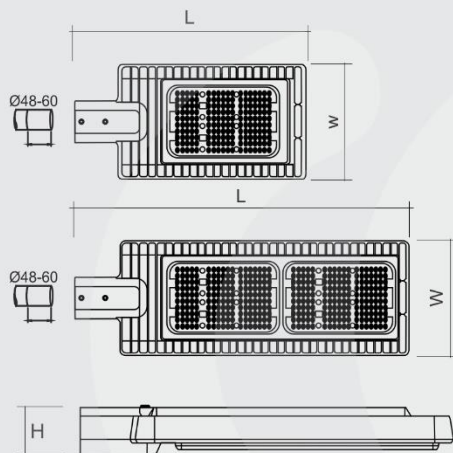
RoHS

LED STREET LIGHT

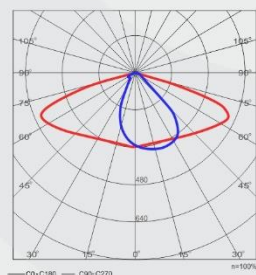


CitiSys | LED STREET LIGHT

Model - SL604

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tầm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ ≥ 100.000 h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000$ h

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SL604-30w÷170w	≥ 145 lm/w	3000k-7000k	4350-17400lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	490*210*90	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
SL604-180w÷240w	≥ 130 lm/w	3000k-7000k	26100-34800lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	870*295*90	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)

LED STREET LIGHT

CitiSys
LED STREET LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tắm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100.000\text{h}$

PRODUCT FEATURES

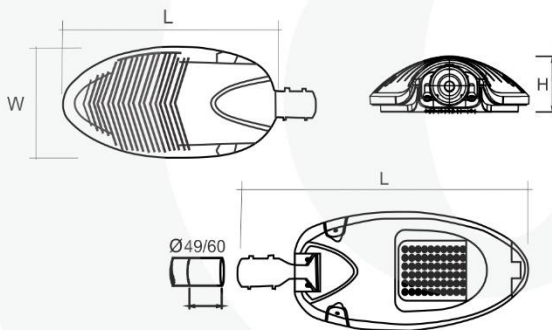
- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000\text{h}$

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


Model - SL605

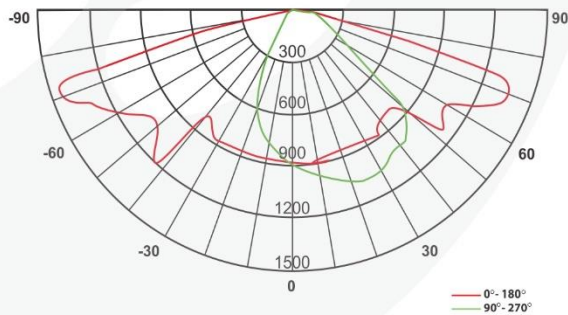

Haiyan: Thiết kế hiện đại
Haiyan: Modern design

Bảo hành, bảo trì dễ dàng
Warranty, easy maintenance

Thay thế linh kiện linh hoạt
Flexible component replacement

Sẵn sàng kết nối tương lai
Ready to connect the future replacement

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SL605-30w÷140w	$\geq 145\text{lm/w}$	3000k-7000k	4350-20300lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	691*305*134	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
SL605-150w÷200w	$\geq 145\text{lm/w}$	3000k-7000k	21750-29000lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	829*385*172	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)

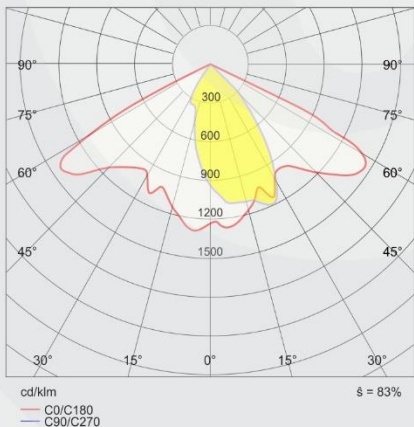
LED STREET LIGHT

CitiSys | LED STREET LIGHT
CITISYS GROUP

Model - SL609



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tầm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ ≥ 100.000 h

PRODUCT FEATURES

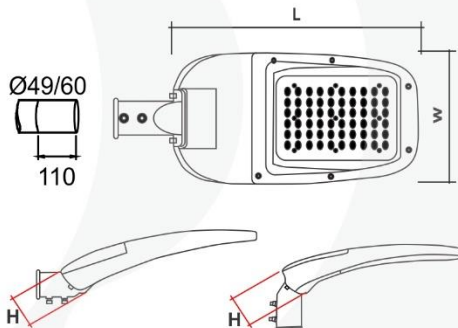
- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000$ h

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SL609-30w÷140w	≥ 145 Lm/w	3000k-7000k	4350-20300Lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	500*220*80	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
SL609-150w÷200w	≥ 145 Lm/w	3000k-7000k	21750-29000Lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	950*350*85	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



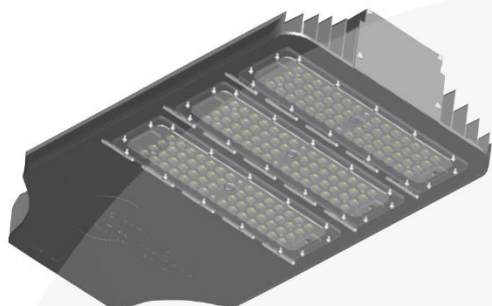
RoHS

LED STREET LIGHT



CitiSys | LED STREET LIGHT

Model - SL610



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100.000h$

PRODUCT FEATURES

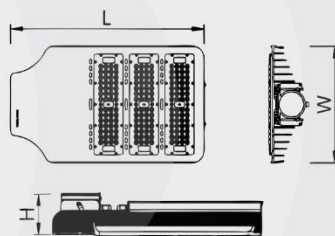
- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000h$

PHẠM VI ỨNG DỤNG

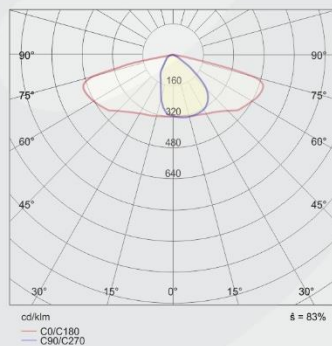
- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SL610-40w	$\geq 145\text{lm/w}$	3000k-7000k	5800Lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	320*290*110	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
SL610-80w	$\geq 145\text{lm/w}$	3000k-7000k	11600Lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	410*290*110	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
SL610-120w	$\geq 145\text{lm/w}$	3000k-7000k	17400Lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	490*290*110	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
SL610-160W	$\geq 145\text{lm/w}$	3000k-7000k	23200Lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	580*290*110	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
SL610-200W	$\geq 145\text{lm/w}$	3000k-7000k	29000Lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	680*290*110	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
SL610-240W	$\geq 145\text{lm/w}$	3000k-7000k	34800Lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	770*290*110	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



PLUS



CE

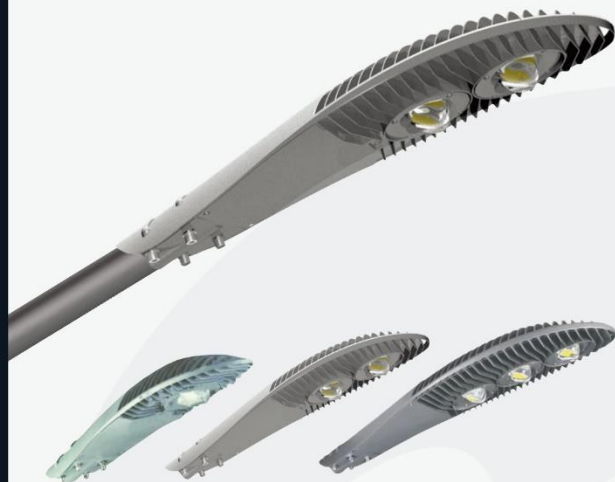
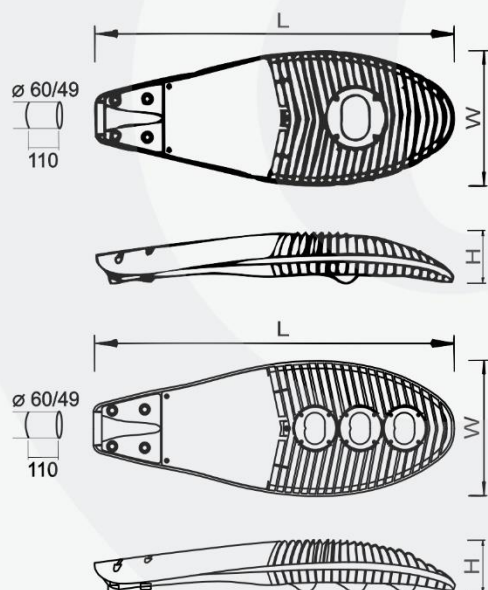
RoHS

LED STREET LIGHT



CitiSys | LED STREET LIGHT

Model - SL611

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ ≥ 100.000 h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000$ h

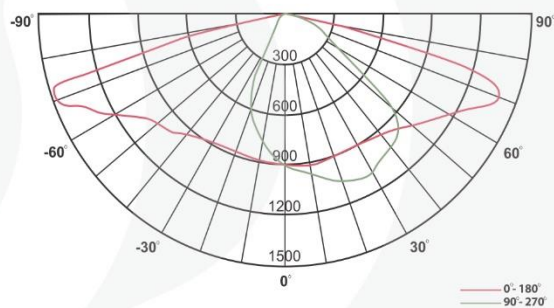
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SL611-40w	≥ 145 lm/w	3000k-7000k	5800lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	650*263*117	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
SL611-100w	≥ 145 lm/w	3000k-7000k	14500lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	800*291*132	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
SL611-150w	≥ 145 lm/w	3000k-7000k	11750lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	935*340*155	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METROS



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



RoHS

LED STREET LIGHT

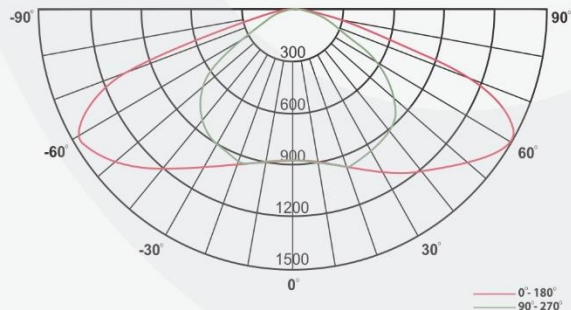


CitiSys | LED STREET LIGHT

Model - SL612



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tắm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ ≥ 100.000 h

PRODUCT FEATURES

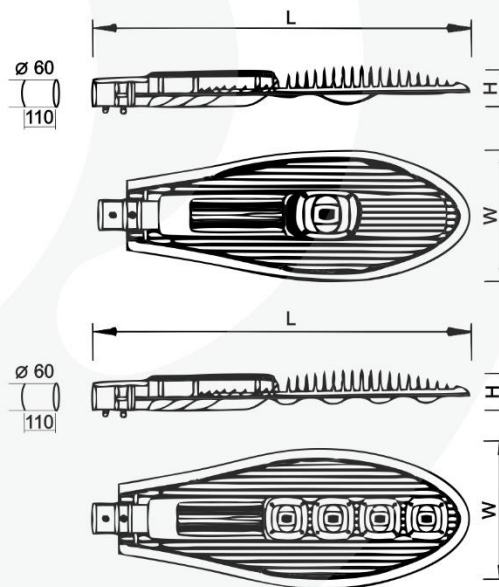
- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000$ h

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SL612-50w	$\geq 145\text{Lm/w}$	3000k-7000k	7250Lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	510*215*80	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
SL612-100w	$\geq 145\text{Lm/w}$	3000k-7000k	14500Lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	720*270*90	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
SL612-150w	$\geq 145\text{Lm/w}$	3000k-7000k	21750Lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	840*330*95	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
SL612-200W	$\geq 145\text{Lm/w}$	3000k-7000k	29000Lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	950*350*90	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



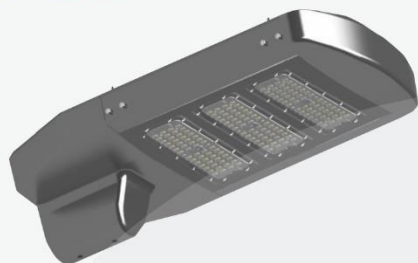
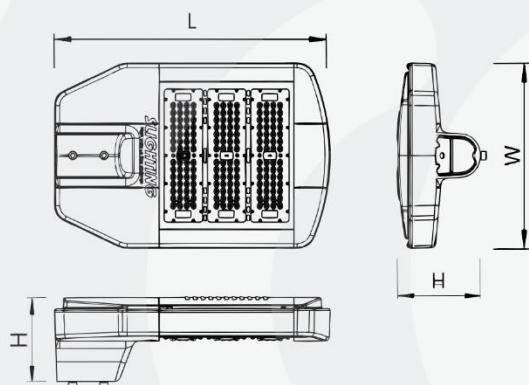
RoHS

LED STREET LIGHT



CitiSys | LED STREET LIGHT

Model - SL615

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tắm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100.000h$

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000h$

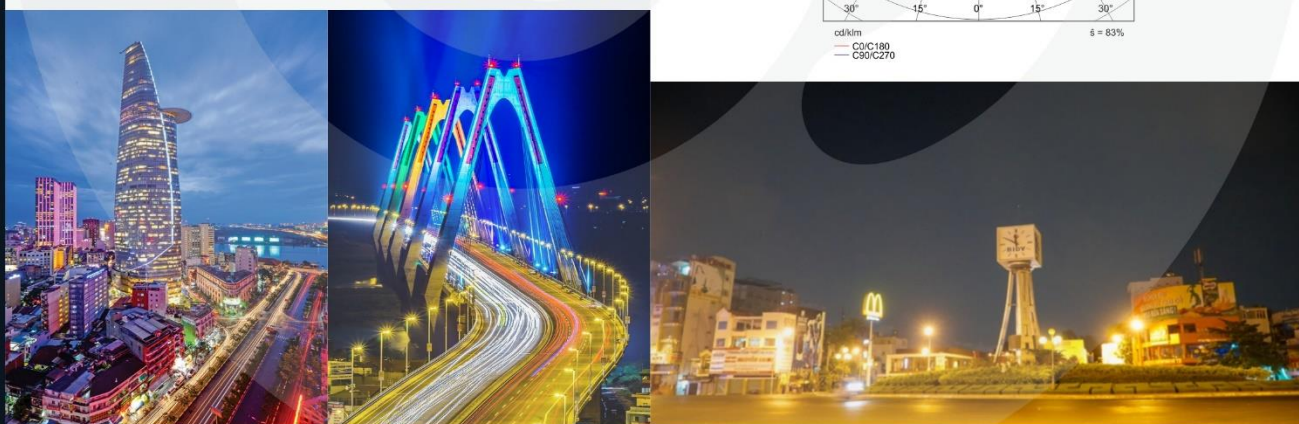
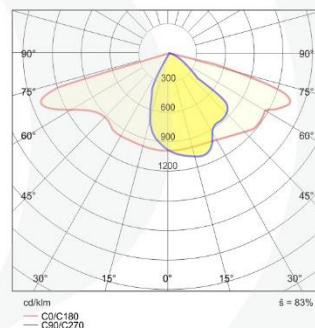
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SL615-30w÷110w	$\geq 145\text{Lm/w}$	3000k-7000k	4350-15950Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	470*355*168	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
SL615-120w÷190w	$\geq 145\text{Lm/w}$	3000k-7000k	17400-27550Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	580*355*168	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
SL615-200w÷240w	$\geq 145\text{Lm/w}$	3000k-7000k	29000-34800Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	730*355*168	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)



LED STREET LIGHT



CitiSys | LED STREET LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tắm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100.000\text{h}$

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000\text{h}$

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

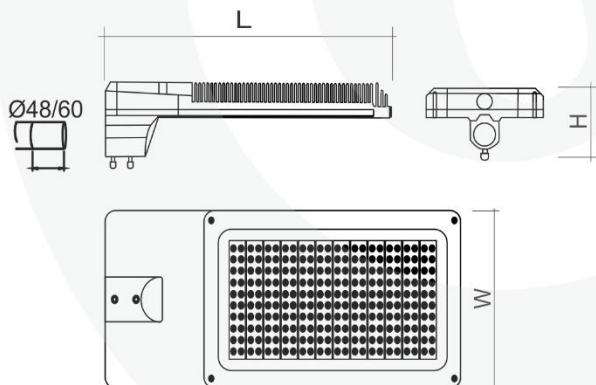
APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

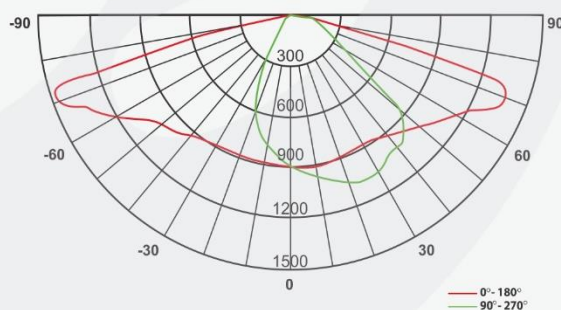
Model - SL617



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SL617-40w	$\geq 145\text{lm/w}$	3000k-7000k	5800lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	422*318*132	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
SL617-80w	$\geq 145\text{lm/w}$	3000k-7000k	11600lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	422*318*132	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
SL617-120w	$\geq 145\text{lm/w}$	3000k-7000k	17400lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	522*318*132	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
SL617-160w	$\geq 145\text{lm/w}$	3000k-7000k	23200lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	622*318*132	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
SL617-200W	$\geq 145\text{lm/w}$	3000k-7000k	29000lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	835*318*132	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



RoHS

LED STREET LIGHT

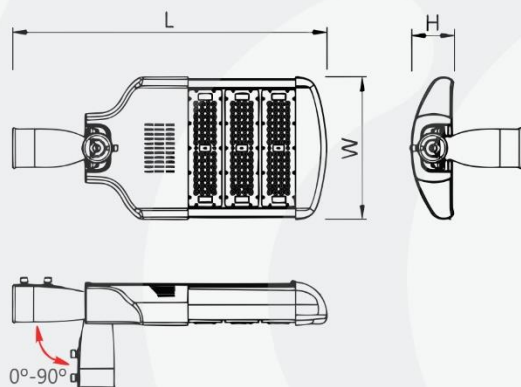


CitiSys | LED STREET LIGHT

Model - SL622



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tắm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100.000h$

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000h$

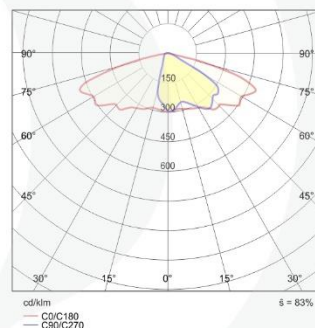
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SL622-30w÷80w	$\geq 145\text{Lm/w}$	3000k-7000k	4350-11600Lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	612*304*95	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
SL622-85w÷120w	$\geq 145\text{Lm/w}$	3000k-7000k	12325-17400Lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	701*304*95	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
SL622-125w÷160w	$\geq 145\text{Lm/w}$	3000k-7000k	18125-23200Lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	790*304*95	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
SL622-165w÷240w	$\geq 145\text{Lm/w}$	3000k-7000k	23925-34800Lm	≥ 70	AC 80-305V/50HZ	879*304*95	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



PLUS



CE

RoHS

LED STREET LIGHT



CitiSys | LED STREET LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ ≥ 100.000 h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000$ h

PHẠM VI ỨNG DỤNG

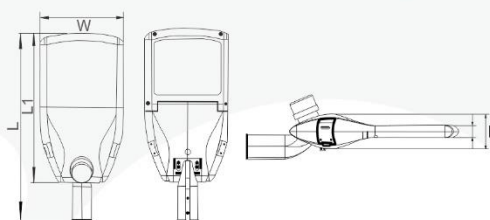
- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

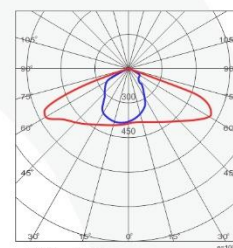
- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option



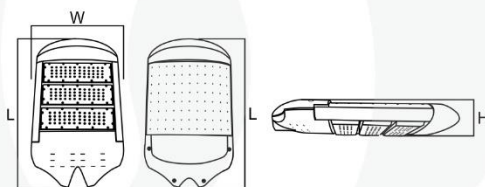
Model - SL603



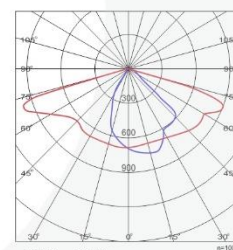
SIZE	L	W	H	Power
A	660	300	105	30-180W



Model - SL606



SIZE	L	W	H	Power
A	480	310	80	30-50W
E	780	310	80	200-250W





ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



RoHS

LED STREET LIGHT



CitiSys | LED STREET LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tầm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100,000$ h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000$ h

PHẠM VI ỨNG DỤNG

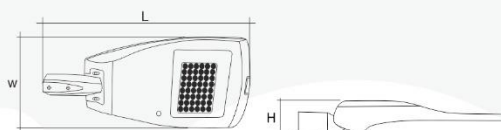
- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

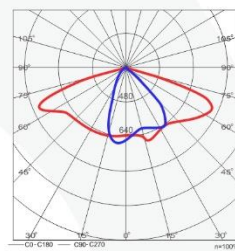
- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option



Model - SL607



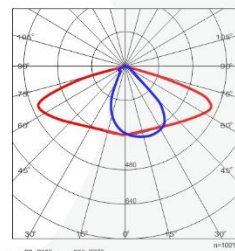
SIZE	L	W	H	Power
A	520	212	90	50W
B	700	295	170	150W
C	850	365	198	200W



Model - SL613



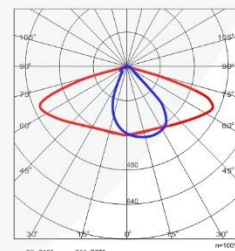
SIZE	L	W	H	Power
A	518	228	114	30-50W
B	750	322	167	60-90W
C	900	386	167	100-180W



Model - SL614



SIZE	L	W	H	Power
A	400	140	45	30W
B	450	170	50	60W
C	510	200	55	120W





ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



RoHS

LED STREET LIGHT



CitiSys | LED STREET LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tầm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100,000$ h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000$ h

PHẠM VI ỨNG DỤNG

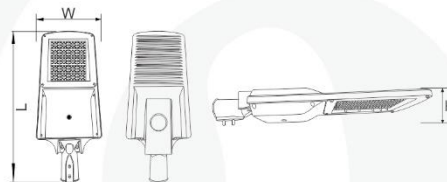
- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

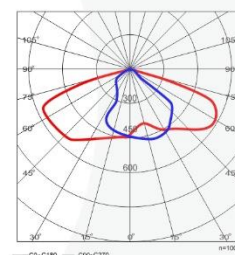
- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option



Model - SL616



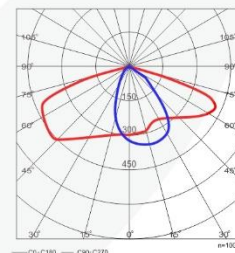
SIZE	L	W	H	Power
A	560	300	108	30-100W
B	760	300	108	150W
C	860	300	108	200W



Model - SL618



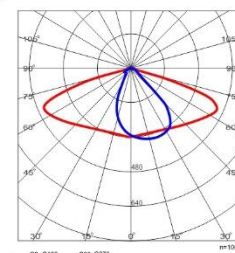
SIZE	L	W	H	Power
A	630	232	98	65W
B	665	262	98	100W
C	716	262	98	150W
D	783	322	103	200W



Model - SL619



SIZE	L	W	H	Power
A	X	X	X	30W
B	X	X	X	60W
C	X	X	X	120W





IP 66-68

IK 08-10



RoHS

LED STREET LIGHT



CitiSys | LED STREET LIGHT



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100.000h$

PRODUCT FEATURES

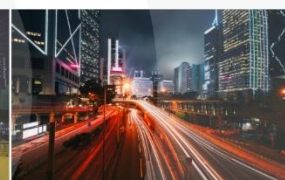
- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000h$

PHẠM VI ỨNG DỤNG

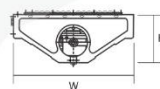
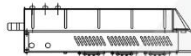
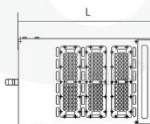
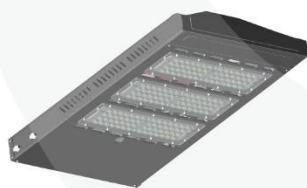
- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

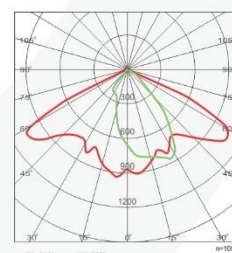
- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option



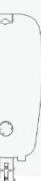
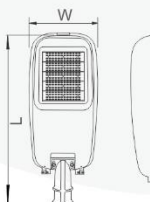
Model - SL620



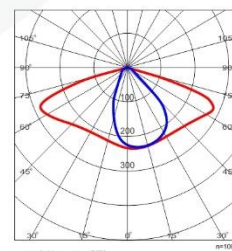
SIZE	L	W	H	Power
A	360	340	130	80W
B	460	340	130	120W
C	560	340	130	160W
D	660	340	130	200W
E	760	340	130	240W



Model - SL621



SIZE	L	W	H	Power
A	630	232	98	50w
B	783	322	103	200W





TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tầm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100.000\text{h}$

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000\text{h}$

PHẠM VI ỨNG DỤNG

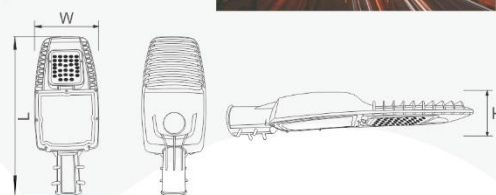
- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

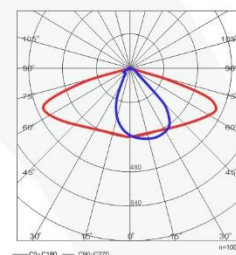
- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option



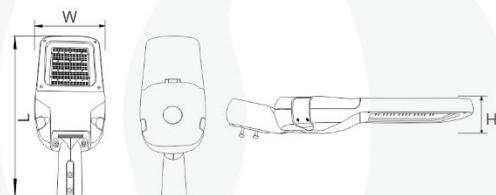
Model - SL623



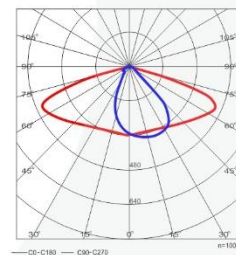
SIZE	L	W	H	Power
A	x	x	x	30W
B	x	x	x	60W
C	x	x	x	120W



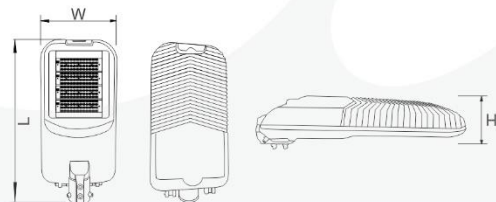
Model - SL624



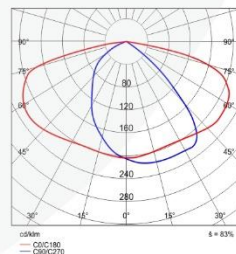
SIZE	L	W	H	Power
A	x	x	x	30-50W
B	x	x	x	60-90W
C	x	x	x	100-180W



Model - SL625



SIZE	L	W	H	Power
A	x	x	x	20-50W
B	x	x	x	60-90W
C	x	x	x	100-180W





TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100.000\text{h}$

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High light efficiency
- * Wide lighting angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000\text{h}$

PHẠM VI ỨNG DỤNG

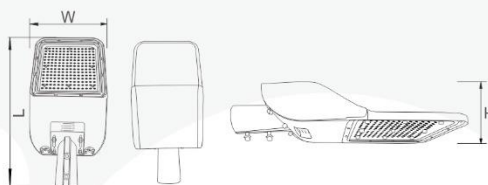
- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

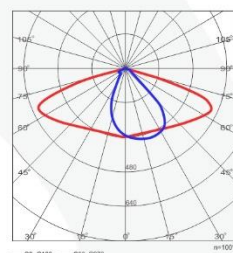
- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option



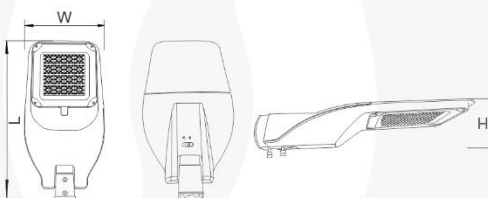
Model - SL626



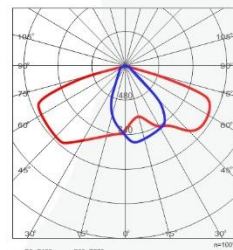
SIZE	L	W	H	Power
A	x	x	x	30-120W
B	x	x	x	120-200W



Model - SL627



SIZE	L	W	H	Power
A	720	368	122	30-180W





ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



RoHS

LED STREET LIGHT



CitiSys | LED STREET LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tầm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100,000$ h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000$ h

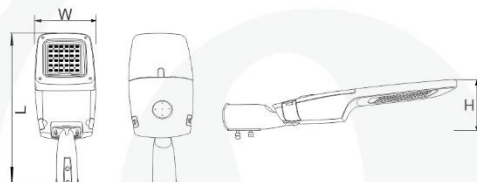
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

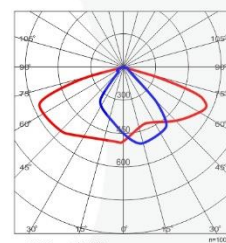
APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

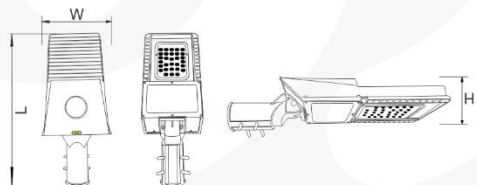
Model - SL628



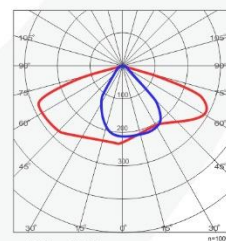
SIZE	L	W	H	Power
A	630	232	98	30-90W
B	716	262	98	150W
C	783	322	103	200W



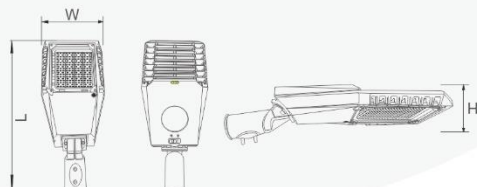
Model - SL629



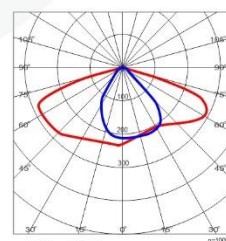
SIZE	L	W	H	Power
A	560	300	108	30-100W
B	760	300	108	150W
C	860	300	108	200W



Model - SL631



SIZE	L	W	H	Power
A	560	300	108	30-100W
B	760	300	108	150W
C	860	300	108	200W





ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRICS



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



PLUS 02



CE



RoHS

LED STREET LIGHT



CitiSys | LED STREET LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tắm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100,000$ h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000$ h

PHẠM VI ỨNG DỤNG

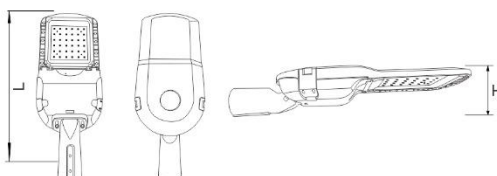
- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

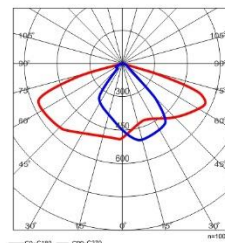
- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option



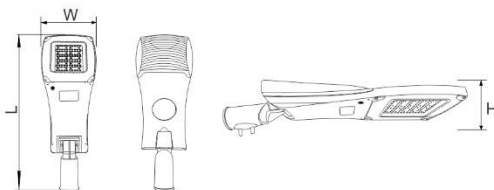
Model - SL632



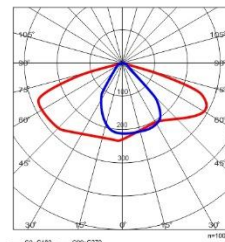
SIZE	L	W	H	Power
A	630	232	98	30-90W
B	716	262	98	150W
C	783	322	103	200W



Model - SL633



SIZE	L	W	H	Power
A	625	255	115	30-90W
B	740	285	115	100-150W





ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68



IK 08-10



PLUS 02



CE



RoHS

LED STREET LIGHT



CitiSys | LED STREET LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tầm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ ≥ 100.000 h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000$ h

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

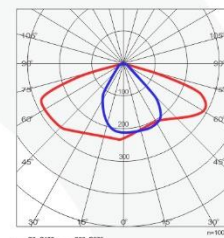
- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option



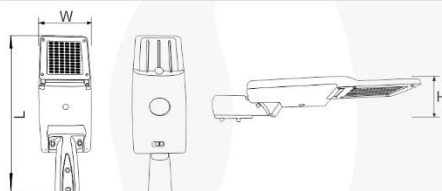
Model - SL634



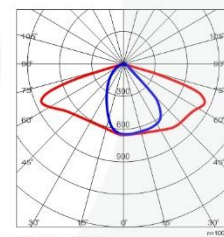
SIZE	L	W	H	Power
A	560	300	108	30-100W
B	760	300	108	150W
C	860	300	108	200W



Model - SL635



SIZE	L	W	H	Power
A	625	255	115	30-90W
B	740	285	115	100-150W





ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



RoHS

LED STREET LIGHT



CitiSys | LED STREET LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100,000$ h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000$ h

PHẠM VI ỨNG DỤNG

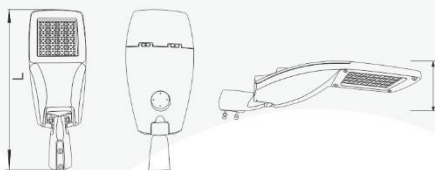
- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

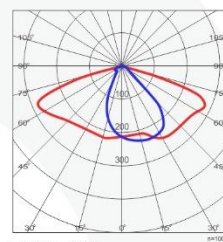
- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option



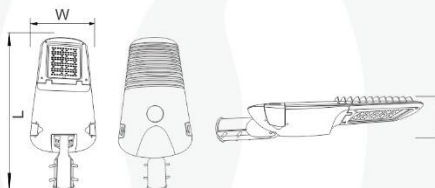
Model - SL636



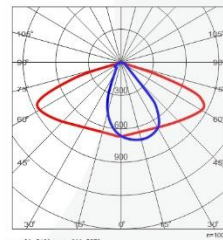
SIZE	L	W	H	Power
A	501	280	130	40-100W
B	690	379	130	100-200W
C	845	379	130	200-300W



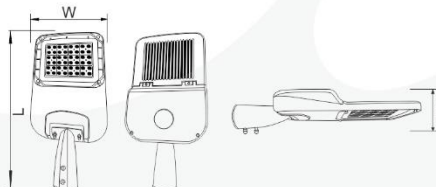
Model - SL637



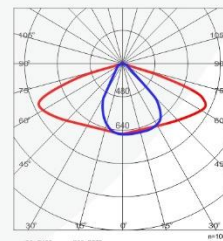
SIZE	L	W	H	Power
A	583	340	90	50-100W
B	674	436	132	150W
C	900	438	135	200W



Model - SL638



SIZE	L	W	H	Power
A	583	340	90	50-100W
B	674	436	132	150W
C	900	438	135	200W





ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



RoHS

LED STREET LIGHT



CitiSys | LED STREET LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100,000$ h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000$ h

PHẠM VI ỨNG DỤNG

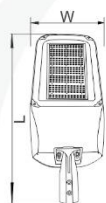
- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

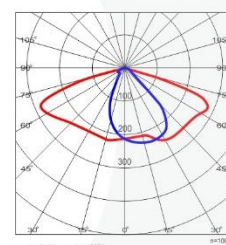
- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option



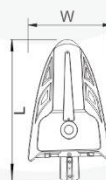
Model - SL639



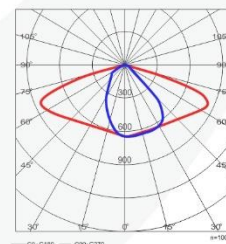
SIZE	L	W	H	Power
A	501	280	130	30-100W
B	690	379	130	100-200W
C	845	379	130	200-300W



Model - SL640



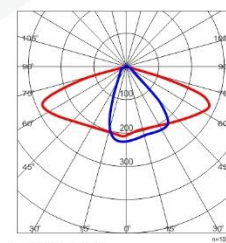
SIZE	L	W	H	Power
A	580	285	95	30-90W
B	690	432	100	100-150W



Model - SL641



SIZE	L	W	H	Power
A	691	305	135	30-100W
B	830	385	172	100-150W





ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



PLUS



CE

RoHS

LED STREET LIGHT



CitiSys | LED STREET LIGHT



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tắm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100,000$ h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000$ h

PHẠM VI ỨNG DỤNG

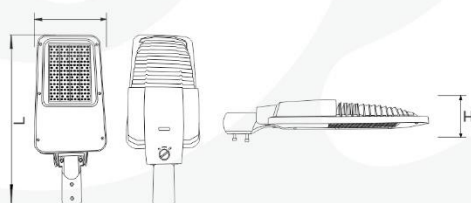
- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

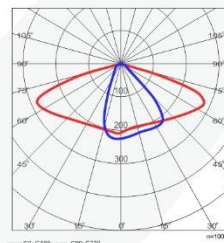
- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option



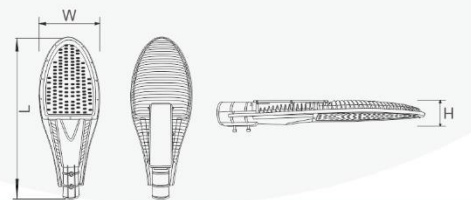
Model - SL642



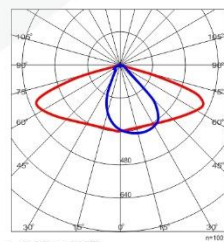
SIZE	L	W	H	Power
A	691	305	135	30-90W
B	830	385	172	100-180W



Model - SL643



SIZE	L	W	H	Power
A	1	1	1	30-90W
B	2	2	2	100-180W





ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



RoHS

LED STREET LIGHT



CitiSys | LED STREET LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ ≥ 100.000 h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000$ h

PHẠM VI ỨNG DỤNG

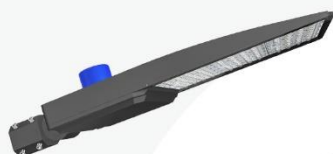
- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

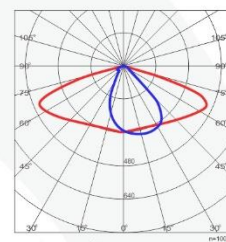
- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option



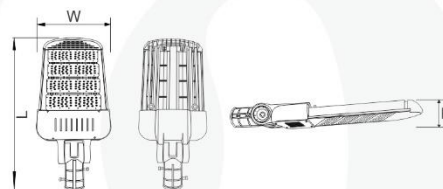
Model - SL643



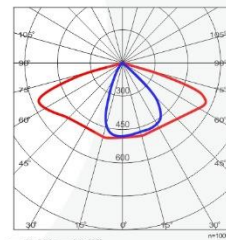
SIZE	L	W	H	Power
A	611	305	67	30W-90W
B	611	305	67	100W-150W



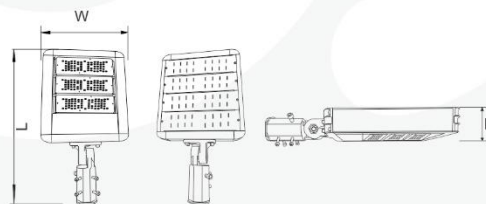
Model - SL644



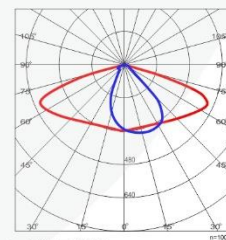
SIZE	L	W	H	Power
A	520	315	90	30-100W
B	700	315	90	200W
C	860	315	90	300W



Model - SL645



SIZE	L	W	H	Power
A	X	X	X	30-70W
B	X	X	X	80-120W
C	X	X	X	120-180W





ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68



IK 08-10



PLUS 02



CE



RoHS

LED STREET LIGHT



CitiSys | LED STREET LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100,000$ h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000$ h

PHẠM VI ỨNG DỤNG

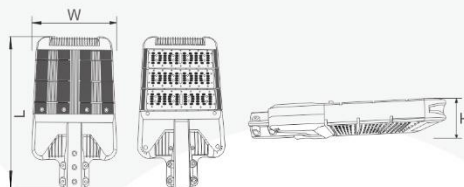
- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

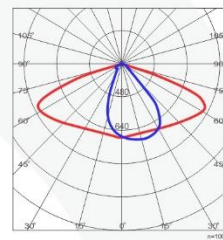
- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option



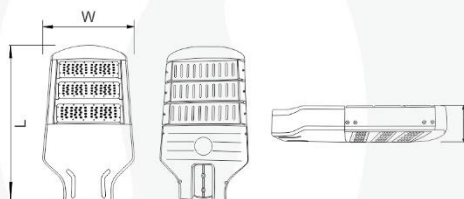
Model - SL646



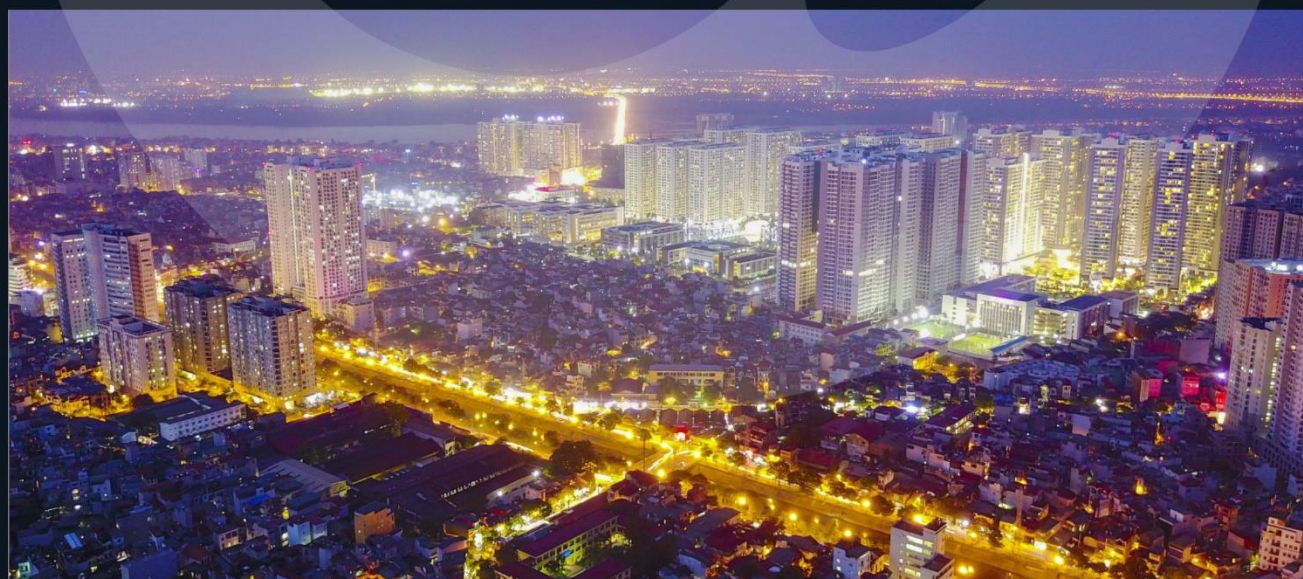
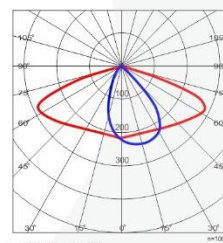
SIZE	L	W	H	Power
A	540	360	110	50W
C	740	360	110	150W
E	940	360	110	250W



Model - SL647



SIZE	L	W	H	Power
A	480	310	80	50W
E	780	310	80	250W





ROADS & MOTOR WAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



RoHS

LED STREET LIGHT



CitiSys | LED STREET LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100,000$ h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000$ h

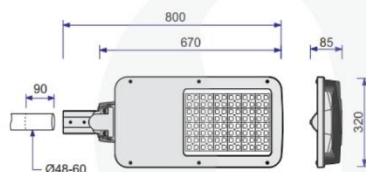
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

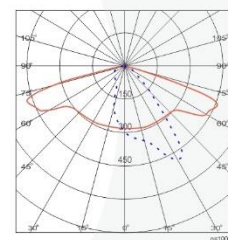
APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

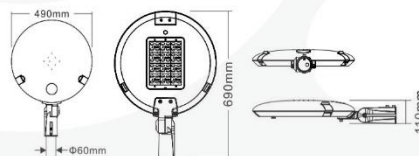
Model - SL648



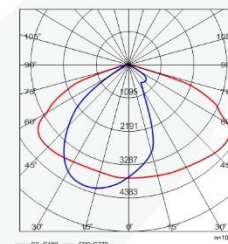
SIZE	L	W	H	Power
A	800	320	85	30-90W
B	800	320	85	100-150W



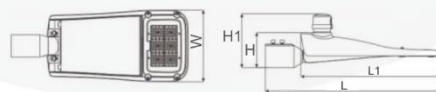
Model - SL649



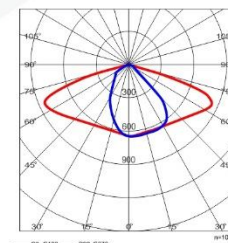
SIZE	L	W	H	Power
A	690	490	110	30-90W
B	690	490	110	100-150W



Model - SL650



SIZE	L	W	H	Power
A	679	266	130	30-80W
B	845	269	131	100-150W
C	881	265	129	200-240W





ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68



IK 08-10



PLUS 62



CE



RoHS

LED STREET LIGHT



CitiSys | LED STREET LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100.000h$

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000h$

PHẠM VI ỨNG DỤNG

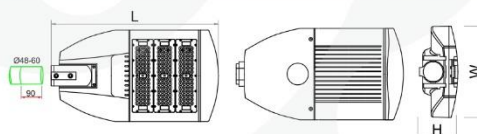
- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

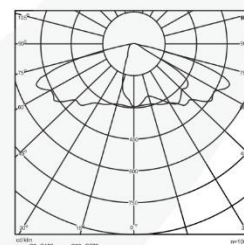
- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option



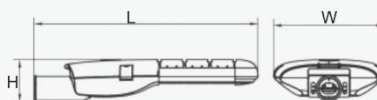
Model - SL651



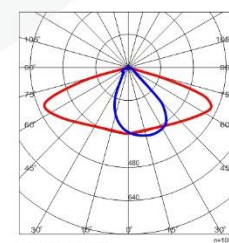
SIZE	L	W	H	Power
A	340	145	60	30W
B	510	210	52	40W
C	620	245	60-80	60-70W
D	725	285	100	120-200W



Model - SL652



SIZE	L	W	H	Power
A	548	350	132	50W
B	628	350	132	100W
C	708	350	132	150W
D	788	350	132	200W
E	868	350	132	250W
F	948	350	132	300W





ROADS & MOTOR WAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



PLUS 02



CE

RoHS

LED STREET LIGHT



CitiSys | LED STREET LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100,000$ h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000$ h

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

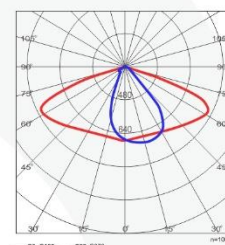
APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option



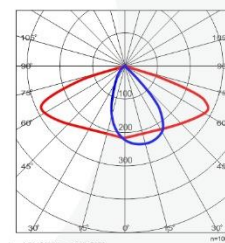
Model - SL653

SIZE	L	W	H	Power
A	540	360	110	50W
C	740	360	110	150W
E	940	360	110	250W



Model - SL654

SIZE	L	W	H	Power
A	480	310	80	50W
E	780	310	80	250W





ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



RoHS

LED STREET LIGHT



CitiSys | LED STREET LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tầm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100,000$ h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000$ h

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

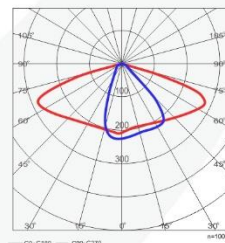
APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option



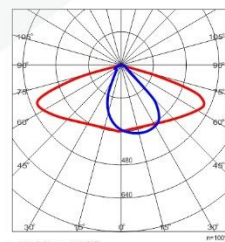
Model - SL655

SIZE	L	W	H	Power
A	691	305	135	30-90W
B	830	385	172	100-180W



Model - SL656

SIZE	L	W	H	Power
A	1	1	1	30-90W
B	2	2	2	100-180W



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng: 3-4m
- * Lắp trên đầu cột : Ø60
- * Công suất : 9W ÷ 20W
- * Nguồn sáng : LED Bulb, Compact,...
- * Cấp cách điện : Class I
- * Cấp bảo vệ : IP65
- * Nón đèn bằng tôn dập, sơn tĩnh điện
- * Thân đèn bằng nhựa PMMA trong suốt kháng tia UV
- * Tản quang bằng thép, sơn tĩnh điện màu trắng
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole high: 3-4m
- * Installed on top of pole: Ø60
- * Power: 9W ÷ 20W
- * Light source: LED Bulb, Compact,...
- * Insulation level: Class I
- * Ingress protection : IP65
- * Lamp housing made of stamped corrugated iron, powder coated
- * The lamp body is made of transparent PMMA plastic, resistant to UV rays
- * Steel reflective panels, white powder-coated
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

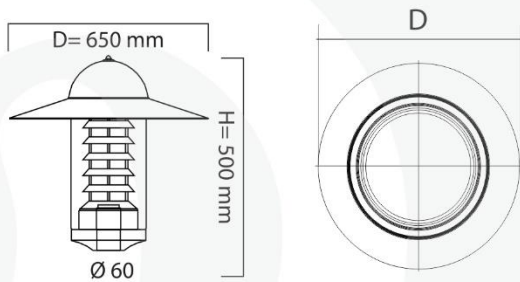
- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



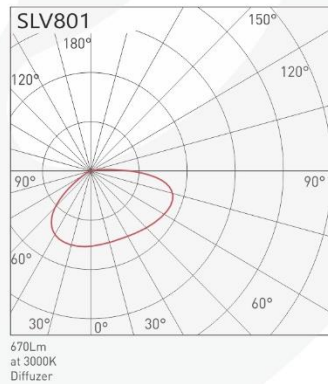
Model - SLV801



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

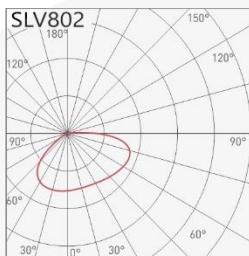


Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV801-9w	120Lm/w	3000k-6500k	1080Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D650*H500	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV801-20w	120Lm/w	3000k-6500k	2400Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D650*H500	≥0,95	(-25° đến 60°)

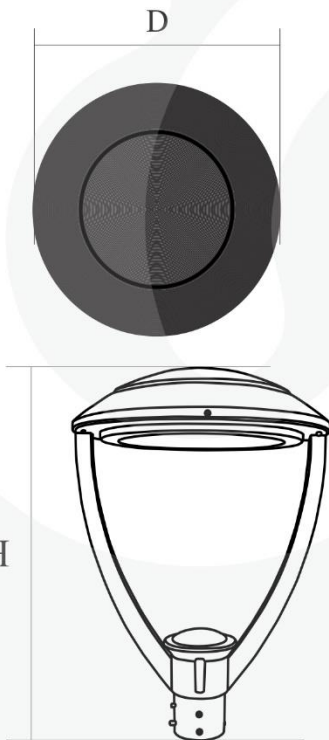


Model - SLV802

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



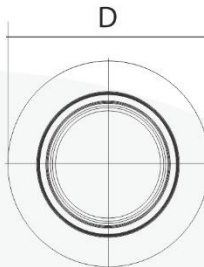
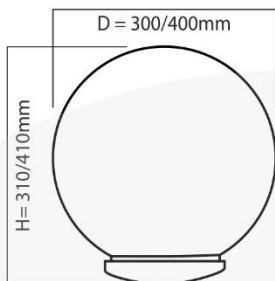
Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV802-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D560*H720	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV802-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D560*H720	≥0,95	(-25° đến 60°)



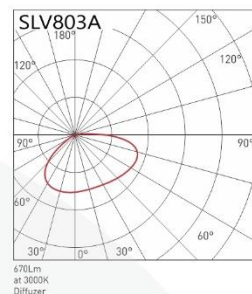
Model - SLV803A



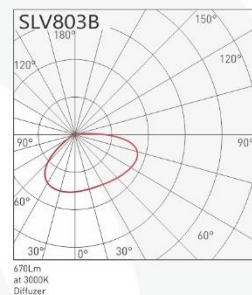
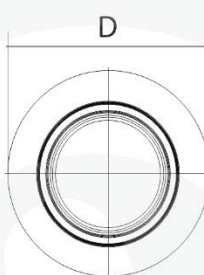
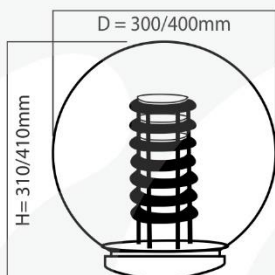
THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model - SLV803B



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiều sáng: 3-4m
- * Lắp trên đầu cột : Ø60
- * Công suất : 9W ÷ 20W
- * Nguồn sáng : LED Bulb, Compact,...
- * Cấp cách điện : Class I
- * Cấp bảo vệ : IP65
- * Chất liệu quả cầu bằng nhựa PMMA chống UV
- * Đế cầu bằng nhựa kỹ thuật màu đen chịu nhiệt, chịu va đập
- * Kích thước : Ø300 và Ø400
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole high: 3-4m
- * Installed on top of pole: Ø60
- * Power: 9W ÷ 20W
- * Light source: LED Bulb, Compact,...
- * Insulation level: Class I
- * Ingress protection : IP65
- * Ball material is plastic UV-resistant PMMA
- * Bridge base made of engineering plastic Heat-resistant, impact-resistant black color
- * Size: Ø300 and Ø400
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV803A-9w	120Lm/w	3000k-6500k	1080Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D300*H310 D400*H410	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV803A-20w	120Lm/w	3000k-6500k	2400Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D300*H310 D400*H410	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV803B-9w	120Lm/w	3000k-6500k	1080Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D300*H310 D400*H410	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV803B-20w	120Lm/w	3000k-6500k	2400Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D300*H310 D400*H410	≥0,95	(-25° đến 60°)

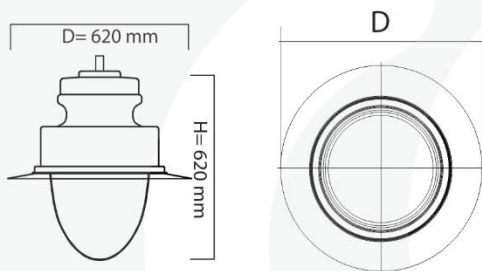
LED GRADEN LIGHT

CitiSys | LED GRADEN LIGHT
CITISYS GROUP

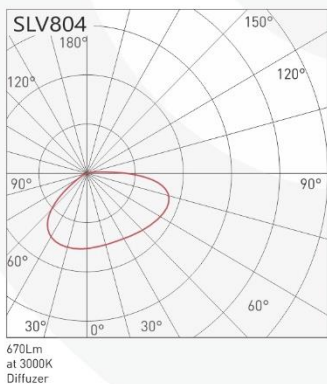
Model - SLV804



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng: 3-4m
- * Lắp trên đầu cột : Ø60
- * Công suất : 9W ÷ 20W
- * Nguồn sáng : LED Bulb, Compact,...
- * Cấp cách điện : Class I
- * Cấp bảo vệ : IP65
- * Nón đèn bằng tôn dập, sơn tĩnh điện
- * Thân đèn bằng nhựa PMMA trong suốt kháng tia UV
- * Tán quang bằng thép, sơn tĩnh điện màu trắng
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

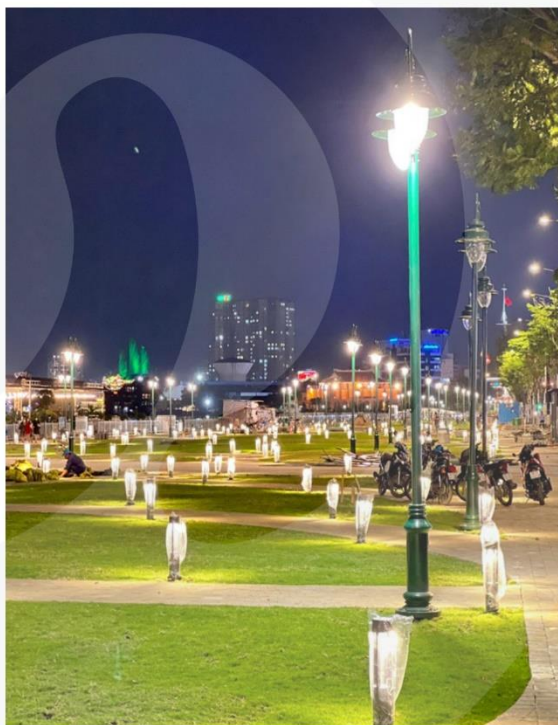
- * Pole high: 3-4m
- * Installed on top of pole: Ø60
- * Power: 9W ÷ 20W
- * Light source: LED Bulb, Compact,...
- * Insulation level: Class I
- * Ingress protection : IP65
- * Lamp housing made of stamped corrugated iron, powder coated
- * The lamp body is made of transparent PMMA plastic, resistant to UV rays
- * Steel reflective panels, white powder-coated
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV804-9w	120Lm/w	3000k-6500k	1080Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D620*H620	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV804-20w	120Lm/w	3000k-6500k	2400Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D620*H620	≥0,95	(-25° đến 60°)

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- *Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- *Công suất : 30W ÷ 60W
- *Nguồn LED : Inventronic,...
- *Chip LED : Lumileds,...
- *Cấp bảo vệ : IP66
- *Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- *Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- *Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- *Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- *Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

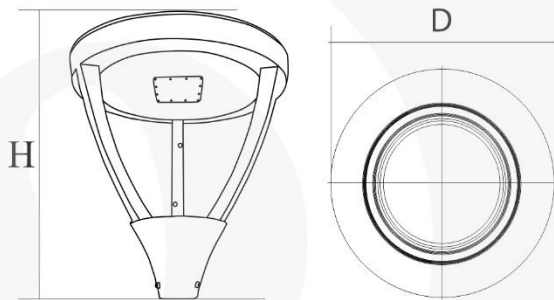
- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



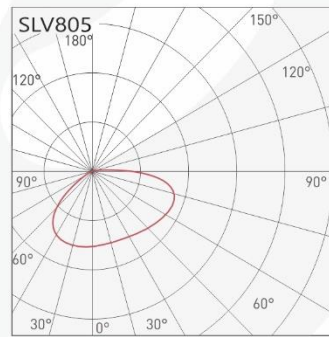
Model - SLV805



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



670Lm
at 3000K
Diffuser

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV805-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D560*H720	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV805-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D560*H720	≥0,95	(-25° đến 60°)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng: 3-4m
- * Lắp trên đầu cột : Ø60
- * Công suất : 9W ÷ 20W
- * Nguồn sáng : LED Bulb, Compact,...
- * Cấp cách điện : Class I
- * Cấp bảo vệ : IP65
- * Nón đèn bằng tôn dập, sơn tĩnh điện
- * Thân đèn bằng nhựa PMMA trong suốt kháng tia UV
- * Tản quang bằng thép, sơn tĩnh điện màu trắng
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

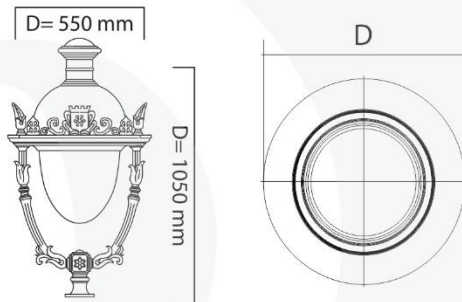
PRODUCT FEATURES

- * Pole high: 3-4m
- * Installed on top of pole: Ø60
- * Power: 9W ÷ 20W
- * Light source: LED Bulb, Compact,...
- * Insulation level: Class I
- * Ingress protection : IP65
- * Lamp housing made of stamped corrugated iron, powder coated
- * The lamp body is made of transparent PMMA plastic, resistant to UV rays
- * Steel reflective panels, white powder-coated
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

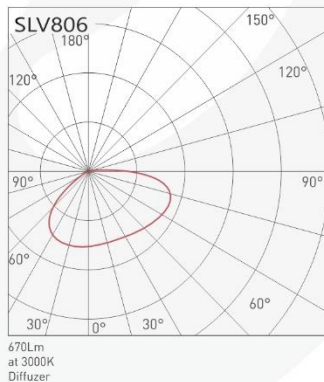
APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option

Model - SLV806


THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV806-9w	120Lm/w	3000k-6500k	1080Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D550*H1050	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV806-20w	120Lm/w	3000k-6500k	2400Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D550*H1050	≥0,95	(-25° đến 60°)

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- *Cột đèn chiều sáng : 3-4m
- *Công suất : 30W ÷ 60W
- *Nguồn LED : Inventronic,...
- *Chip LED : Lumileds,...
- *Cấp bảo vệ : IP66
- *Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- *Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- *Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- *Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- *Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

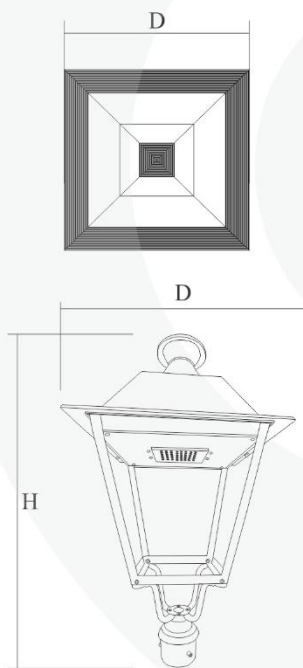
APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option

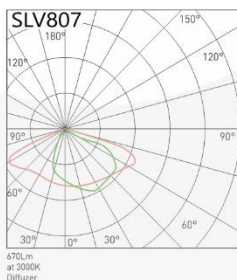
THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU

(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

Model - SLV807



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV807-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D500*H800	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV807-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D500*H800	≥0,95	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRICS



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IP 66-68

IK 08-10



PLUS



CE



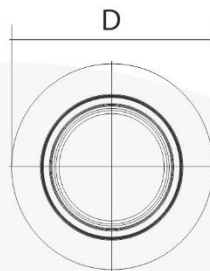
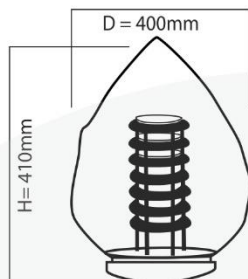
RoHS

LED GRADEN LIGHT

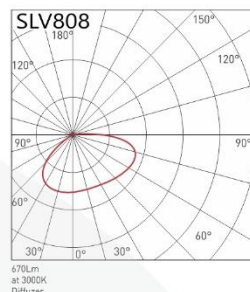


CitiSys | LED GRADEN LIGHT

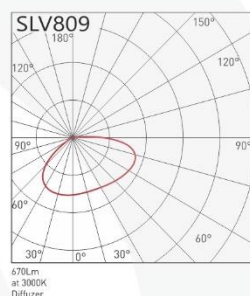
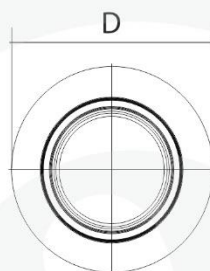
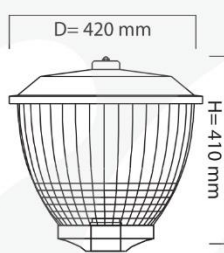
Model - SLV808

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model - SLV809



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

PRODUCT FEATURES

- * Cột đèn chiều sáng: 3-4m
- * Lắp trên đầu cột : Ø60
- * Công suất : 9W ÷ 20W
- * Nguồn sáng : LED Bulb, Compact,...
- * Cấp cách điện : Class I
- * Cấp bảo vệ : IP65
- * Cấp chịu va đập: 6J
- * Chụp bảo vệ: Nhựa PMMA trong suốt, vân kẻ; có hoạt chất kháng UV chống vàng hóa
- * Đế đèn bằng nhựa kỹ thuật màu đen chịu nhiệt, chịu va đập
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

- * Pole high: 3-4m
- * Installed on top of pole: Ø60
- * Power: 9W ÷ 20W
- * Light source: LED Bulb, Compact,...
- * Insulation level: Class I
- * Ingress protection : IP65
- * Impact resistance level: 6J
- * Protective cover: Transparent, striped PMMA plastic; Contains anti-UV and anti-yellowing active ingredients
- * Bridge base made of engineering plastic Heat-resistant, impact-resistant black color
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

APPLICATION RANGE

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option

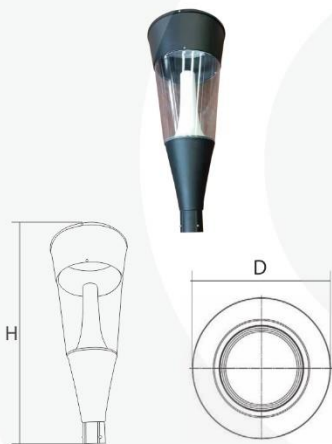


Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV808-9w	120Lm/w	3000k-6500k	1080Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D400*H410	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV808-20w	120Lm/w	3000k-6500k	2400Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D400*H410	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV809-9w	120Lm/w	3000k-6500k	1080Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D420*H410	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV809-20w	120Lm/w	3000k-6500k	2400Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D420*H410	≥0,95	(-25° đến 60°)

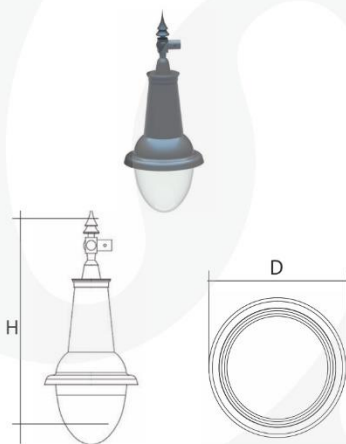
TÍNH NĂNG SẢN PHẨM	PRODUCT FEATURES
* Cột đèn chiếu sáng : 3-4m * Công suất : 40W ÷ 80W * Nguồn LED : Inventronic,... * Chip LED : Lumileds,... * Cấp bảo vệ : IP66 * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K	* Pole High : 3-4m * Power : 40W ÷ 80W * LED driver : Inventronic,... * LED Chip : Lumileds,... * Ingress protection : IP66 * Light body structure : High quality die-cast aluminum * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic * Protective layer : Powder coated, color style as shown * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG	APPLICATION RANGE
* Khu dân cư, Sân vườn * Quảng trường, Công viên * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị * Bãi đậu xe, Lối đi bộ * Tùy chọn thành phố thông minh	* Residential Street, Garden * Square, Park * Airport, Harbor, Urban Street * Car park, Walkway * Smart city option

Model - SLV811



Model - SLV810



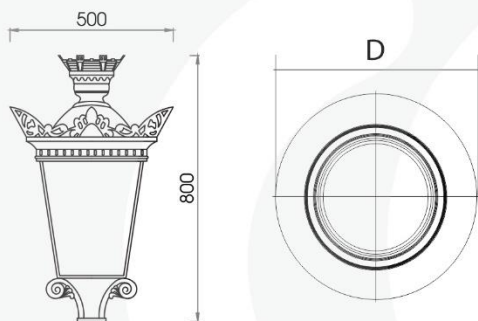
Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)
SLV810-40w	120Lm/w	3000k-6500k	4800Lm	≥70
SLV810-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70
SLV810-80w	120Lm/w	3000k-6500k	9600Lm	≥70
SLV811-40w	120Lm/w	3000k-6500k	4800Lm	≥70
SLV811-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70
SLV811-80w	120Lm/w	3000k-6500k	9600Lm	≥70
Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature	
AC 100-265V/50HZ	D620*H920	≥0,95	(-25° đến 60°)	
AC 100-265V/50HZ	D620*H920	≥0,95	(-25° đến 60°)	
AC 100-265V/50HZ	D620*H920	≥0,95	(-25° đến 60°)	
AC 100-265V/50HZ	D620*H930	≥0,95	(-25° đến 60°)	
AC 100-265V/50HZ	D620*H930	≥0,95	(-25° đến 60°)	
AC 100-265V/50HZ	D620*H930	≥0,95	(-25° đến 60°)	



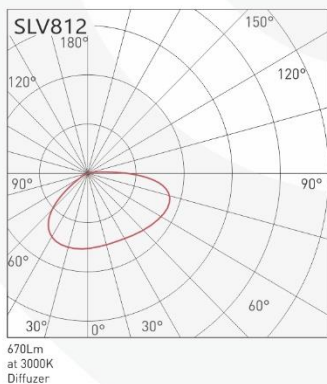
LED GRADEN LIGHT

CitiSys
LED GRADEN LIGHT

Model - SLV812


THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- *Cột đèn chiếu sáng: 3-4m
- *Lắp trên đầu cột : Ø60
- *Công suất : 9W ÷ 20W
- *Nguồn sáng : LED Bulb, Compact...
- *Cấp cách điện : Class I
- *Cấp bảo vệ : IP65
- *Nón đèn bằng tôn dập, sơn tĩnh điện
- *Thân đèn bằng nhựa PMMA trong suốt kháng tia UV
- *Tân quang bằng thép, sơn tĩnh điện màu trắng
- *Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- *Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

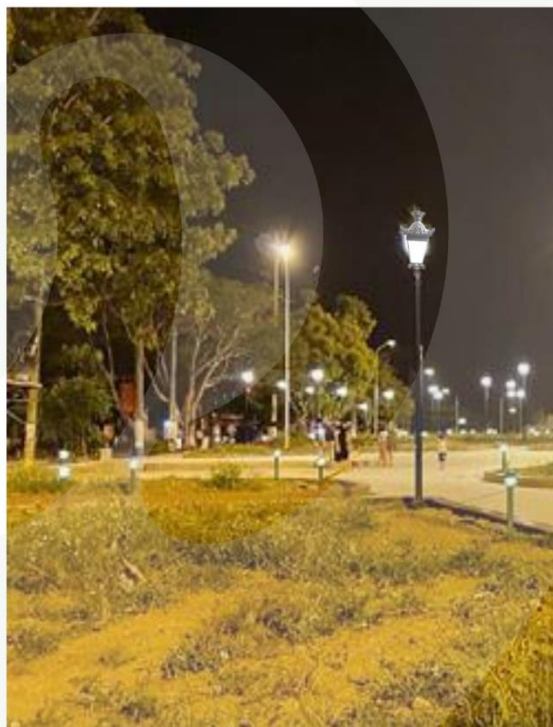
- * Pole high: 3-4m
- * Installed on top of pole: Ø60
- * Power: 9W ÷ 20W
- * Light source: LED Bulb, Compact...
- * Insulation level: Class I
- * Ingress protection : IP65
- * Lamp housing made of stamped corrugated iron, powder coated
- * The lamp body is made of transparent PMMA plastic, resistant to UV rays
- * Steel reflective panels, white powder-coated
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

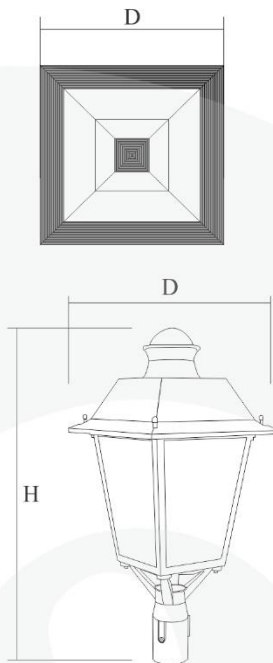
- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



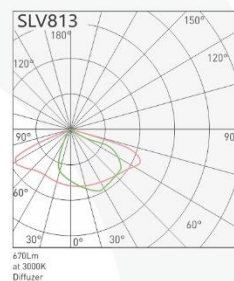
Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV812-9w	120Lm/w	3000k-6500k	1080Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D500*H800	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV812-20w	120Lm/w	3000k-6500k	2400Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D500*H800	≥0,95	(-25° đến 60°)


THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

Model - SLV813



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV813-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D500*H800	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV813-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D500*H800	≥0,95	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



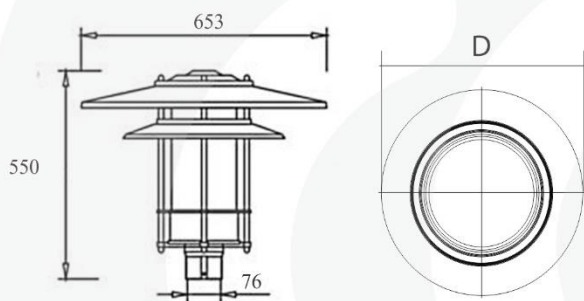
RoHS

LED GRADEN LIGHT

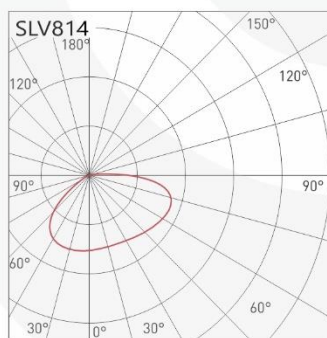


CitiSys | LED GRADEN LIGHT

Model - SLV814

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV814-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D653*H550	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV814-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D653*H550	≥0,95	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRICS



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



PLUS 02



RoHS



CitiSys | LED GRADEN LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

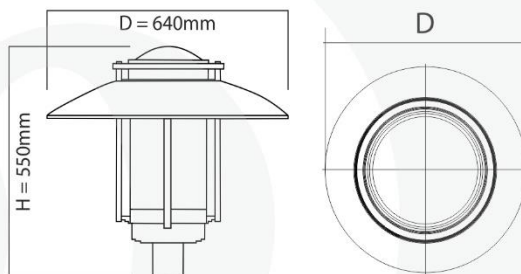
- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

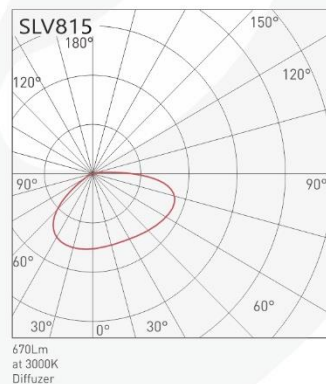
- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



Model - SLV815

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



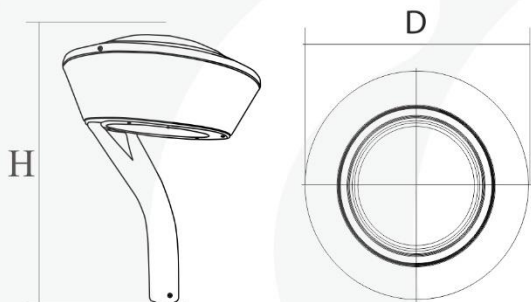
Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV815-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D640*H550	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV815-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D640*H550	≥0,95	(-25° đến 60°)



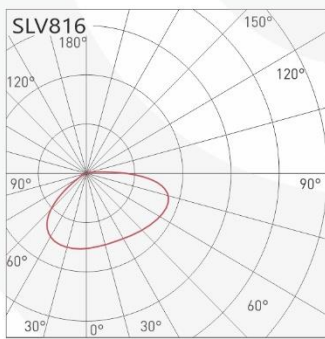
Model - SLV816



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



670Lm
at 3000K
Diffuser

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV816-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D460*H520	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV816-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D460*H520	≥0,95	(-25° đến 60°)

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

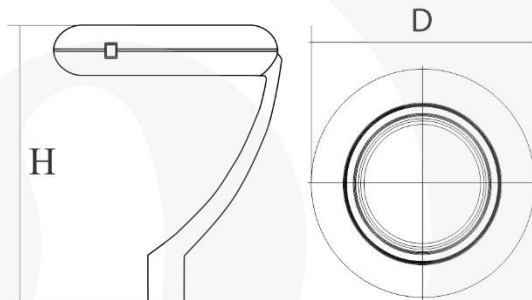
- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



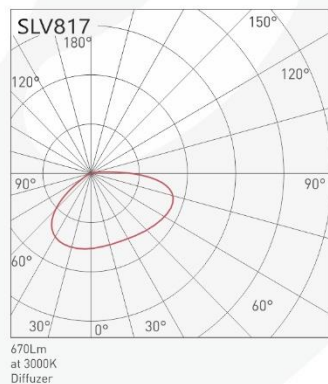
Model - SLV817



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



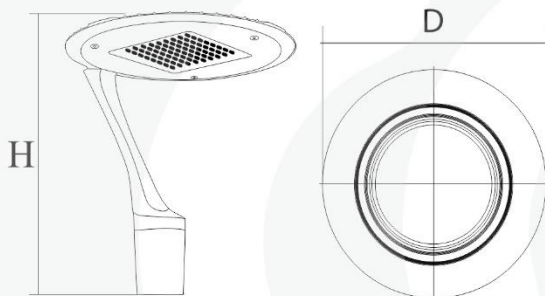
Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV817-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D460*H520	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV817-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D460*H520	≥0,95	(-25° đến 60°)



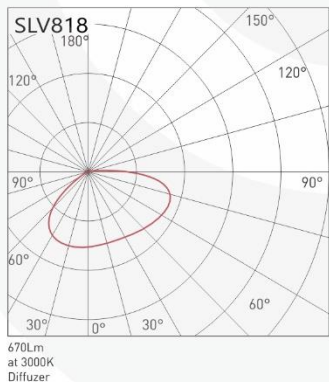
Model - SLV818



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV818-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D560*H620	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV818-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D560*H620	≥0,95	(-25° đến 60°)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

Model - SLV819

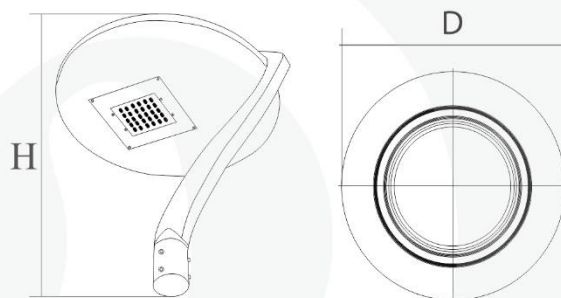


PHẠM VI ỨNG DỤNG

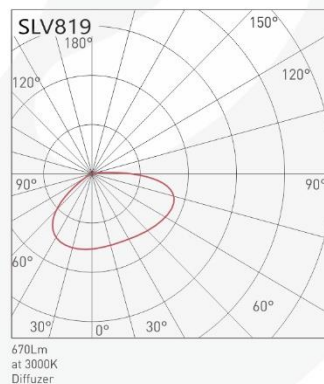
- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option


THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV819-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D560*H620	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV819-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D560*H620	≥0,95	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRICS



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



PLUS



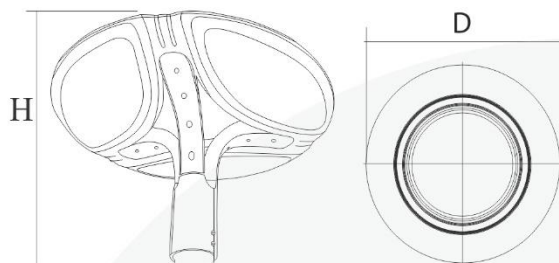
CE

RoHS

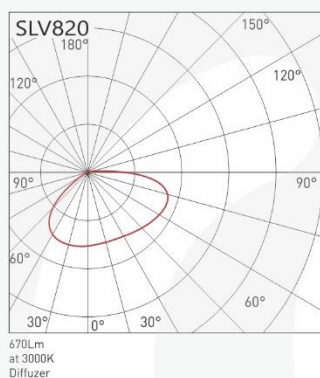
LED GRADEN LIGHT



CitiSys | LED GRADEN LIGHT

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model - SLV820



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiều sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV820-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D460*H420	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV820-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D460*H420	≥0,95	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRICS



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



PLUS



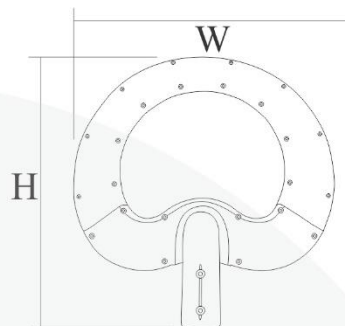
RoHS

LED GRADEN LIGHT

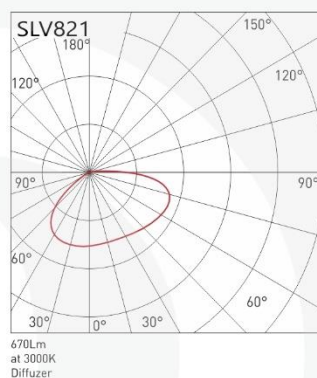


CitiSys | LED GRADEN LIGHT

Model - SLV821

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiều sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

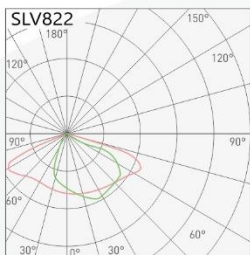
- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV821-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	460*400*40	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV821-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	460*400*40	≥0,95	(-25° đến 60°)

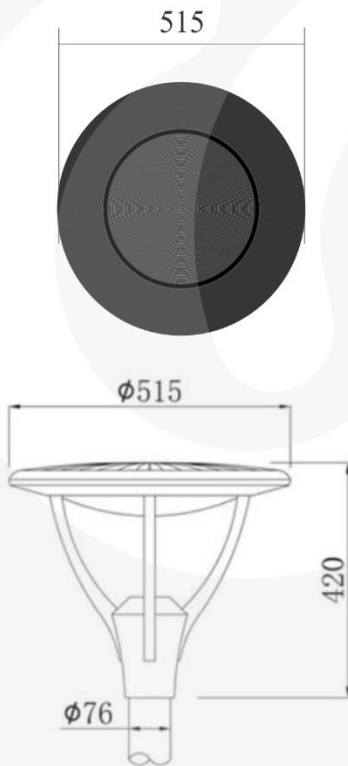


Model - SLV822

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV822-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D515*H420	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV822-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D515*H420	≥0,95	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRICS



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68



IK 08-10



PLUS



CE



RoHS



02

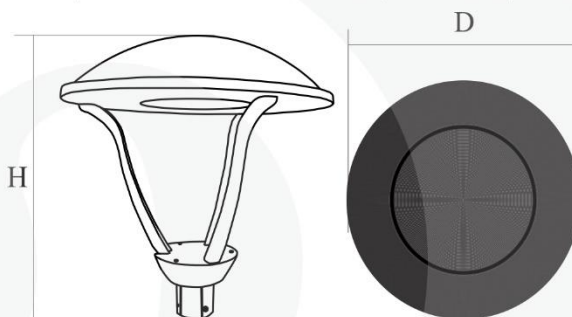
LED GRADEN LIGHT



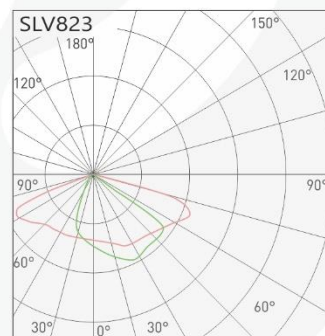
CitiSys | LED GRADEN LIGHT



Model - SLV823

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

670Lm
at 3000K
Diffuser

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV823-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D515*H620	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV823-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D515*H620	≥0,95	(-25° đến 60°)

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

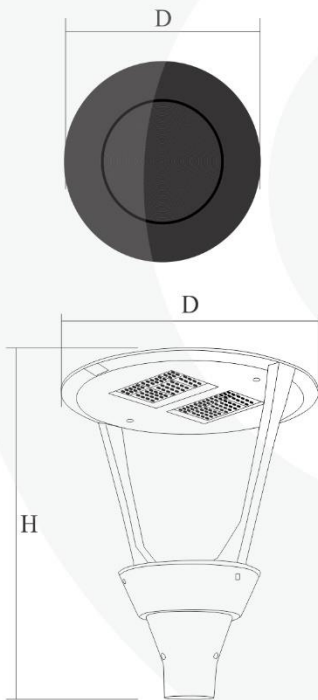
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

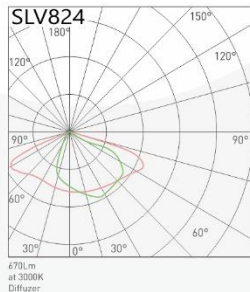
APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model - SLV824



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV824-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D515*H420	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV824-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D515*H420	≥0,95	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTOR WAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRICS



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



PLUS



CE

RoHS

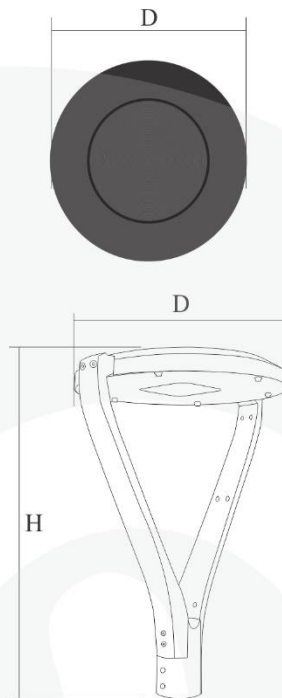
LED GRADEN LIGHT



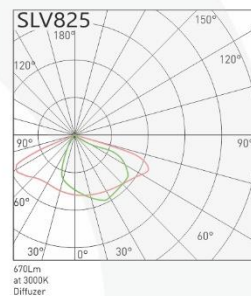
CitiSys | LED GRADEN LIGHT

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

Model - SLV825



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV825-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D515*H620	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV825-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D515*H620	≥0,95	(-25° đến 60°)

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

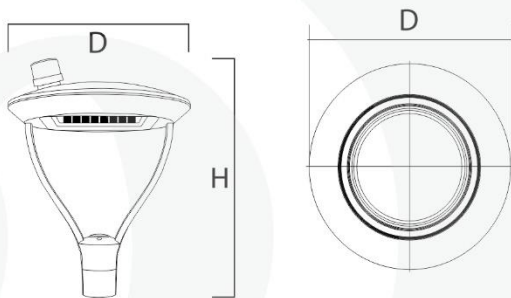
- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



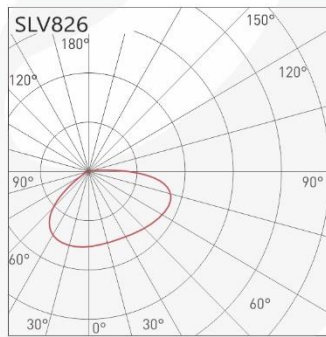
Model - SLV826



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



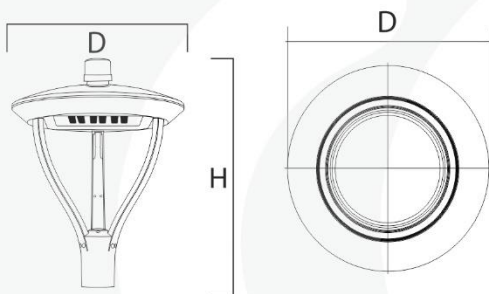
670Lm
at 3000K
Diffuser

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV826-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D650*H500	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV826-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D650*H500	≥0,95	(-25° đến 60°)

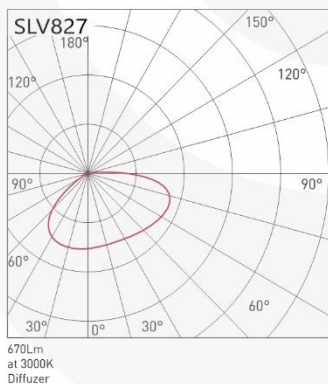
LED GRADEN LIGHT

CitiSys
LED GRADEN LIGHT

Model - SLV827


THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV827-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D650*H500	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV827-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D650*H500	≥0,95	(-25° đến 60°)

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

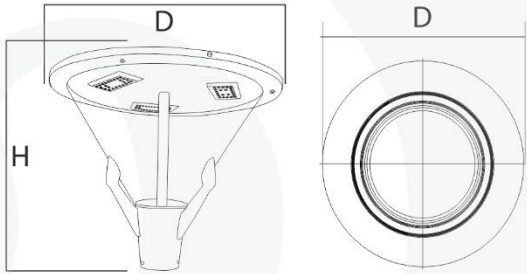
- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



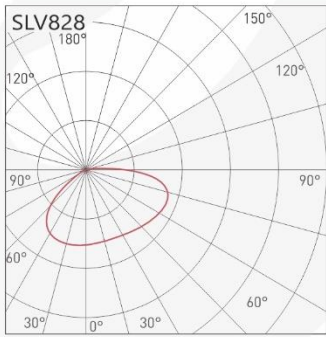
Model - SLV828



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



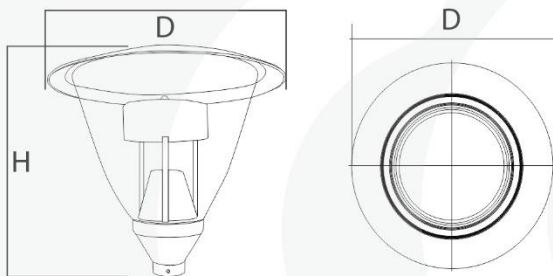
670Lm
at 3000K
Diffuser

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV828-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D640*H750	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV828-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D640*H750	≥0,95	(-25° đến 60°)

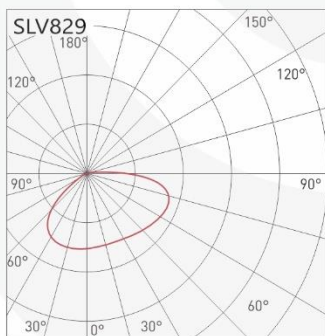
Model - SLV829



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



670Lm
at 3000K
Diffuser

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- *Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- *Công suất : 30W ÷ 60W
- *Nguồn LED : Inventronic,...
- *Chip LED : Lumileds,...
- *Cấp bảo vệ : IP66
- *Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- *Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- *Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- *Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- *Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV829-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D653*H700	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV829-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D653*H700	≥0,95	(-25° đến 60°)

LED GRADEN LIGHT

CitiSys

CITISYS GROUP

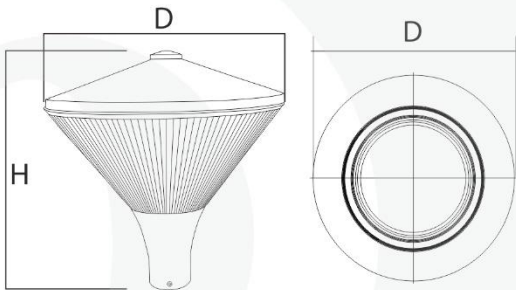
LED GRADEN LIGHT



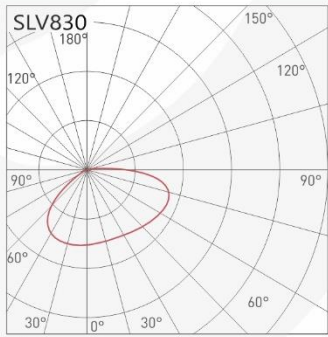
Model - SLV830



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



670Lm
at 3000K
Diffuzer

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

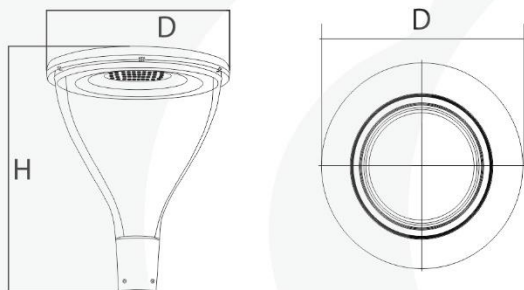
- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV830-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D650*H600	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV830-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D650*H600	≥0,95	(-25° đến 60°)

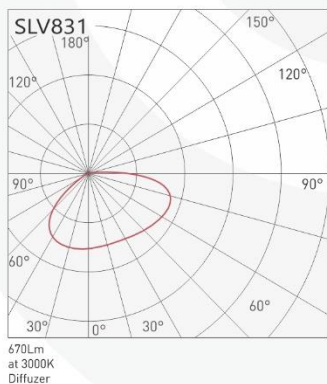
Model - SLV831



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- *Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- *Công suất : 30W ÷ 60W
- *Nguồn LED : Inventronic,...
- *Chip LED : Lumileds,...
- *Cấp bảo vệ : IP66
- *Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- *Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- *Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- *Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- *Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV831-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D650*H1050	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV831-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D650*H1050	≥0,95	(-25° đến 60°)



Model - SLV832

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

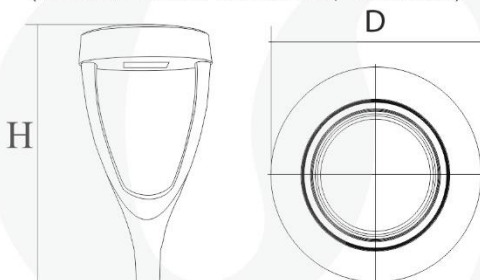
- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

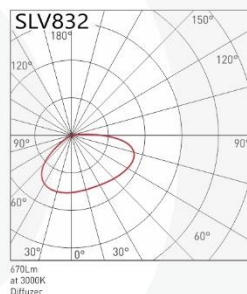
- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

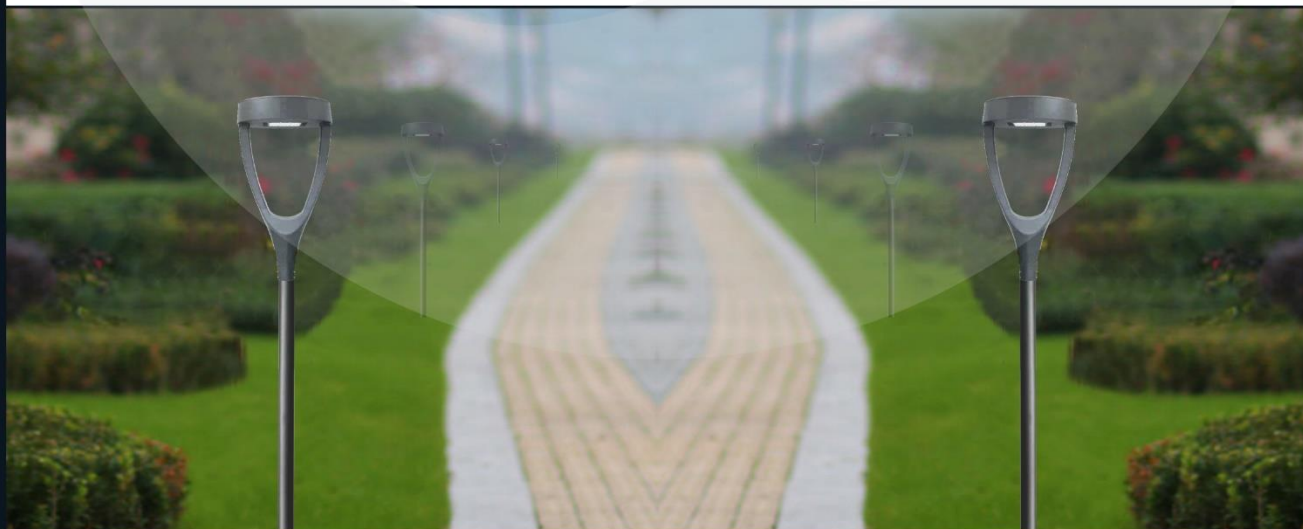
- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV832-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D400*H620	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV832-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D400*H620	≥0,95	(-25° đến 60°)



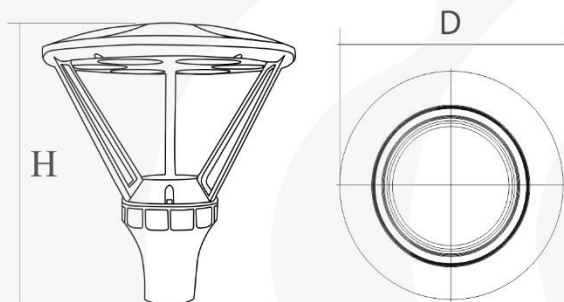
LED GRADEN LIGHT

CitiSys
LED GRADEN LIGHT

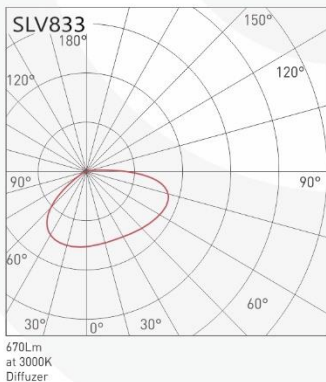
Model - SLV833



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV833-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D500*H600	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV833-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D500*H600	≥0,95	(-25° đến 60°)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

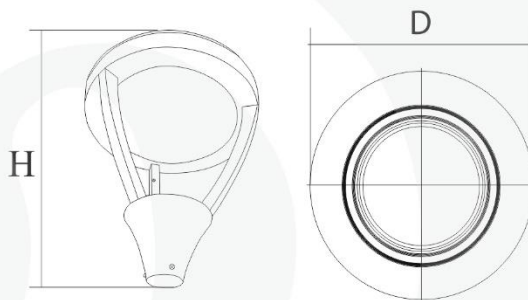
- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

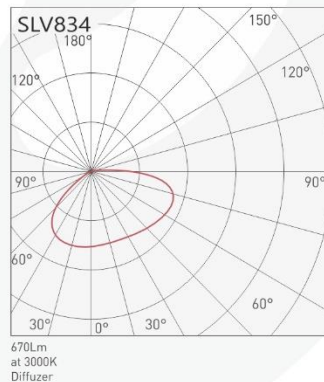
- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



Model - SLV834


THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



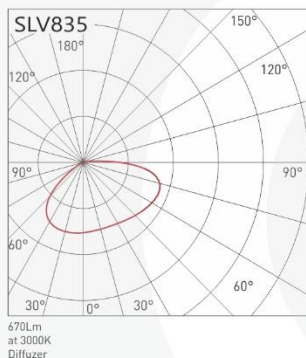
Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV834-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D500*600	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV834-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D500*600	≥0,95	(-25° đến 60°)



Model - SLV835



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiều sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

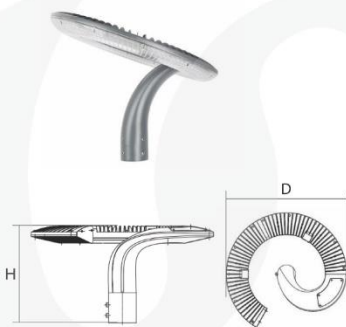
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

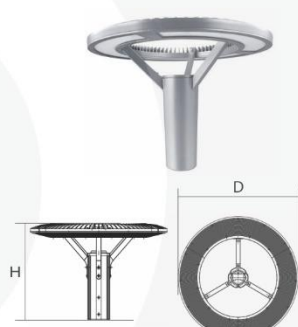
APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option

Model - SLV835A


Cấu tạo đèn
Lamp structure

Model - SLV835B



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV835A-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D620*H400	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV835A-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D620*H400	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV835B-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D620*H330	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV835B-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D620*H330	≥0,95	(-25° đến 60°)





TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 40W ÷ 80W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 40W ÷ 80W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

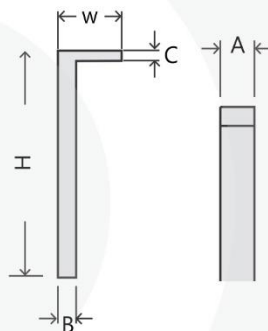
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

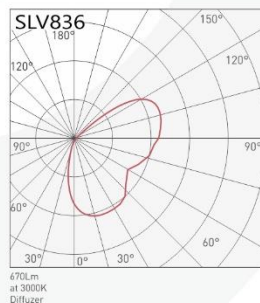
APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option

Model - SLV836

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)
SLV836-40w	120Lm/w	3000k-6500k	4800Lm	≥70
SLV836-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70
SLV836-80w	120Lm/w	3000k-6500k	9600Lm	≥70
Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature	
AC 100-265V/50HZ	80*1000*3000	≥0,95	(-25° đến 60°)	
AC 100-265V/50HZ	80*1200*3500	≥0,95	(-25° đến 60°)	
AC 100-265V/50HZ	80*1500*4000	≥0,95	(-25° đến 60°)	



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiều sáng : 400-600mm
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 400-600mm
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

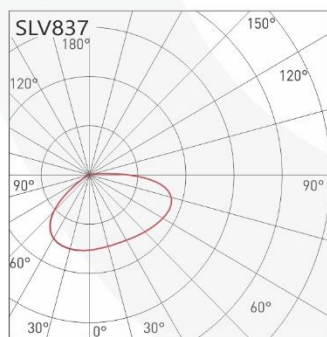
- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



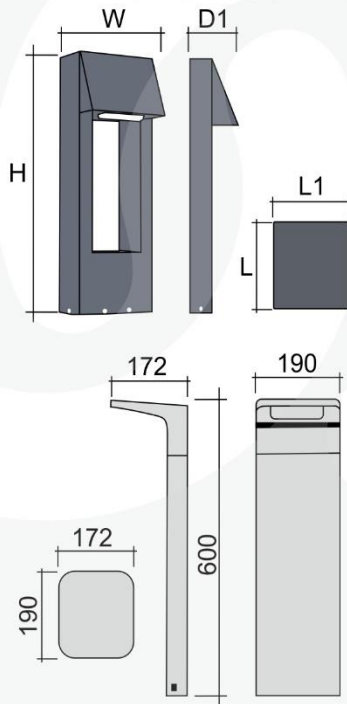
Model - SLV837



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



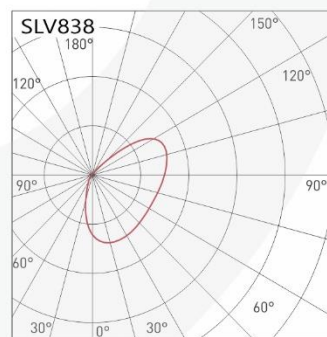
670Lm
at 3000K
Diffuser

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


Model - SLV838



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



670Lm
at 3000K
Diffuser

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV837-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	150*190*600	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV837-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	150*190*600	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV838-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	172*190*600	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV838-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	172*190*600	≥0,95	(-25° đến 60°)

LED GRADEN LIGHT

CitiSys

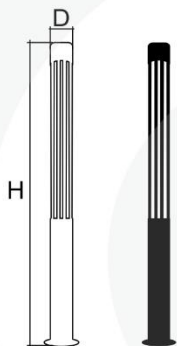
CITISYS GROUP

LED GRADEN LIGHT

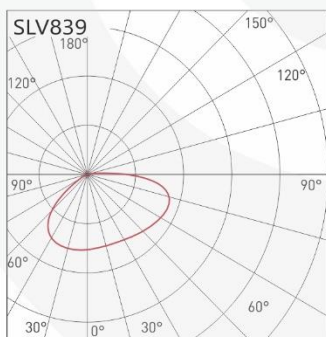
Model - SLV839



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



670Lm
at 3000K
Diffuser

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV839-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D445*H3000	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV839-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D445*H4000	≥0,95	(-25° đến 60°)

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 600-800mm
- * Công suất : 15W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 600-800mm
- * Power : 15W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

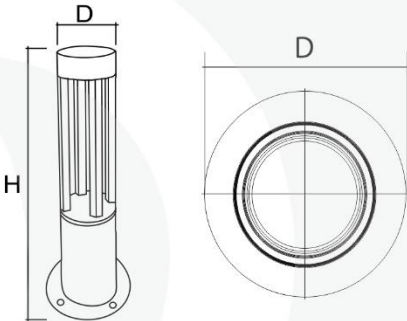
- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



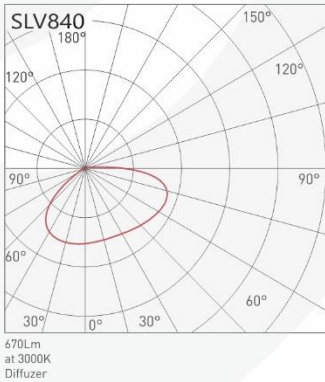
Model - SLV840



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV840-15w	120Lm/w	3000k-6500k	1800Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D120*H600	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV840-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D120*H600	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV840-45w	120Lm/w	3000k-6500k	5400Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D120*H800	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV840-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D120*H800	≥0,95	(-25° đến 60°)

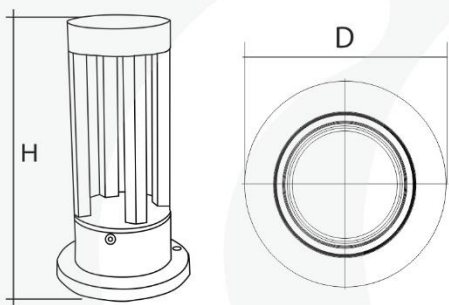
LED GRADEN LIGHT

CitiSys | LED GRADEN LIGHT
CITISYS GROUP

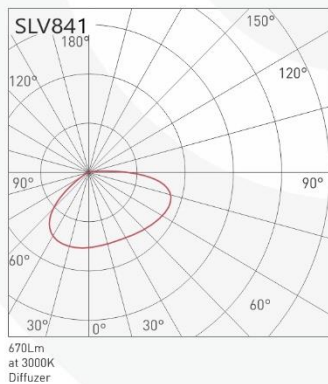
Model - SLV841



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 250-500mm
- * Công suất : 15W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 250-500mm
- * Power : 15W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV841-15w	120Lm/w	3000k-6500k	1800Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D108*H250	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV841-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D108*H250	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV841-45w	120Lm/w	3000k-6500k	5400Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D108*H400	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV841-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D108*H500	≥0,95	(-25° đến 60°)

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 500-800mm
- * Công suất : 15W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 500-800mm
- * Power : 15W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

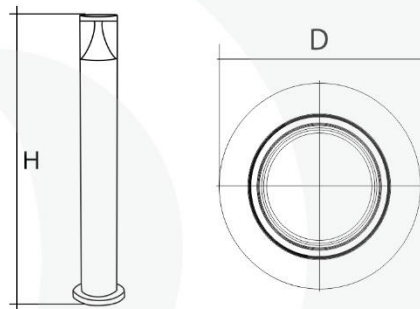
- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



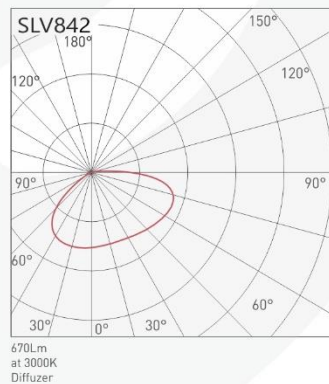
Model - SLV842



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



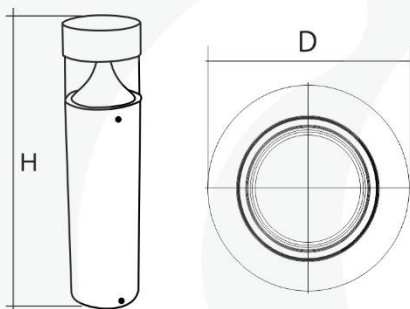
Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV842-15w	120Lm/w	3000k-6500k	1800Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D110*H500	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV842-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D110*H500	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV842-45w	120Lm/w	3000k-6500k	5400Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D110*H800	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV842-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D110*H800	≥0,95	(-25° đến 60°)



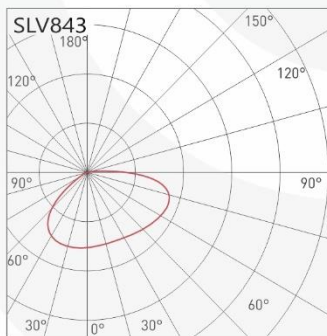
Model - SLV843



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



670Lm
at 3000K
Diffuser

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 250-400mm
- * Công suất : 15W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

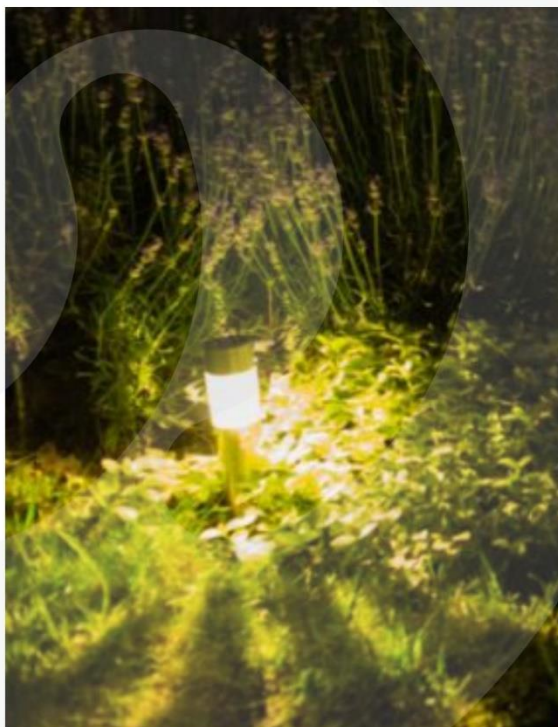
- * Pole High : 250-400mm
- * Power : 15W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV843-15w	120Lm/w	3000k-6500k	1800Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D120*H250	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV843-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D120*H250	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV843-45w	120Lm/w	3000k-6500k	5400Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D120*H400	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV843-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D120*H400	≥0,95	(-25° đến 60°)

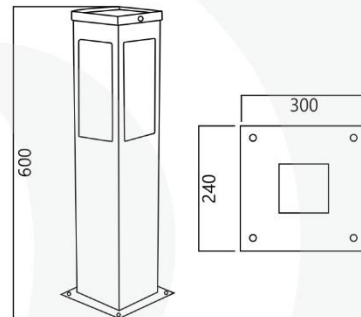
TÍNH NĂNG SẢN PHẨM	PRODUCT FEATURES
*Cột đèn chiếu sáng : 600-800mm * Công suất : 15W ÷ 60W * Nguồn LED : Inventronic,... * Chip LED : Lumileds,... * Cấp bảo vệ : IP66 * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K	* Pole High : 600-800mm * Power : 15W ÷ 60W * LED driver : Inventronic,... * LED Chip : Lumileds,... * Ingress protection : IP66 * Light body structure : High quality die-cast aluminum * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic * Protective layer : Powder coated, color style as shown * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours * Color temperature : 3000K ÷ 6500K
PHẠM VI ỨNG DỤNG	APPLICATION RANGE
* Khu dân cư, Sân vườn * Quảng trường, Công viên * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị * Bãi đậu xe, Lối đi bộ * Tùy chọn thành phố thông minh	* Residential Street, Garden * Square, Park * Airport, Harbor, Urban Street * Car park, Walkway * Smart city option



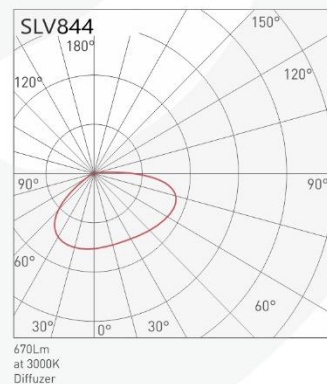
Model - SLV844



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV844-15÷30w	120Lm/w	3000k-6500k	1800-3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	300*240*600	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV844-45÷60w	120Lm/w	3000k-6500k	5400-7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	300*240*600	≥0,95	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



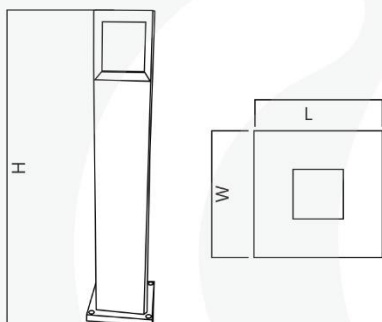
RoHS

LED GRADEN LIGHT

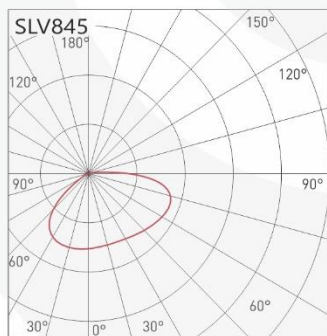


CitiSys | LED GRADEN LIGHT

Model - SLV845

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

670Lm
at 3000K
Diffuser

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiều sáng : 500-800mm
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 500-800mm
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV845-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	110*110*500	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV845-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	110*110*500	≥0,95	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



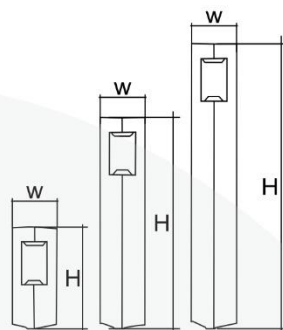
RoHS

LED GRADEN LIGHT

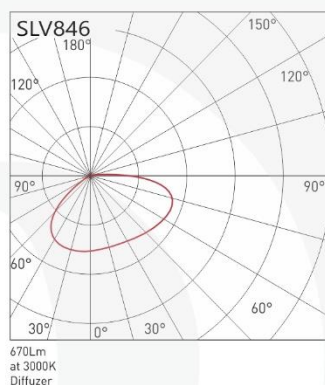


CitiSys | LED GRADEN LIGHT

Model - SLV846

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiều sáng : 250-800mm
- * Công suất : 40W ÷ 80W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 250-800mm
- * Power : 40W ÷ 80W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV846-40w	120Lm/w	3000k-6500k	4800Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	110*110*250	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV846-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	110*110*500	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV846-80w	120Lm/w	3000k-6500k	9600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	110*110*800	≥0,95	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRICS



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10

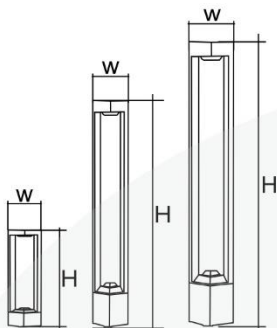


RoHS

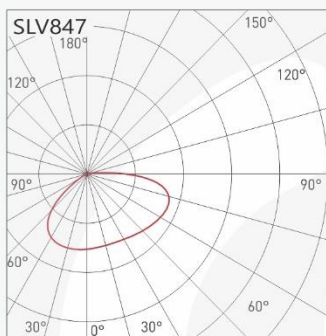
LED GRADEN LIGHT



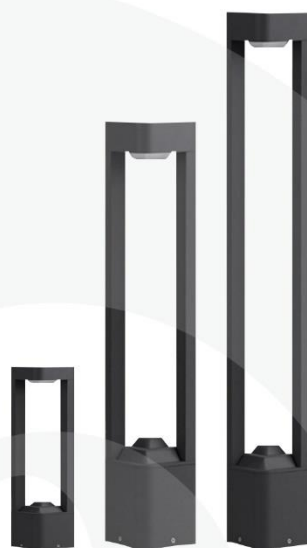
CitiSys | LED GRADEN LIGHT

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

670Lm
at 3000K
Diffuzer

Model - SLV847



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiều sáng : 250-800m
- * Công suất : 40W ÷ 80W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 250-800m
- * Power : 40W ÷ 80W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV847-40w	120Lm/w	3000k-6500k	4800Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	110*110*250	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV847-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	110*110*500	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV847-80w	120Lm/w	3000k-6500k	9600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	110*110*800	≥0,95	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



PLUS



CE

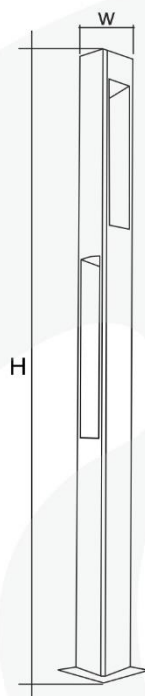
RoHS

LED GRADEN LIGHT

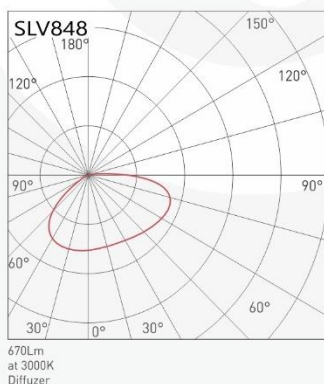


CitiSys | LED GRADEN LIGHT

Model - SLV848

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV848-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	150*150*3000	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV848-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	150*150*4000	≥0,95	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



PLUS



CE

RoHS

LED GRADEN LIGHT



CitiSys | LED GRADEN LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

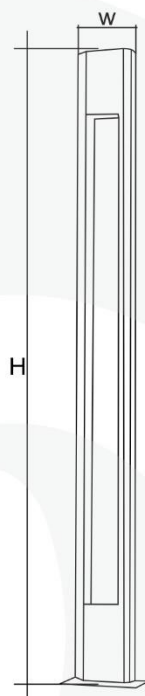
- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

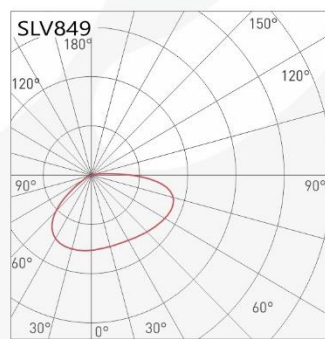
- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



Model - SLV849

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

670Lm
at 3000K
Diffuser

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV849-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	90*90*3000	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV849-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	90*90*4000	≥0,95	(-25° đến 60°)

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiều sáng : 250-500mm
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 250-500mm
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option

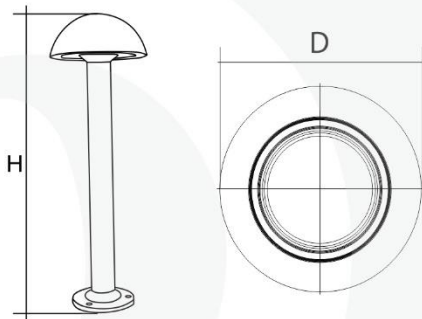


Model - SLV850

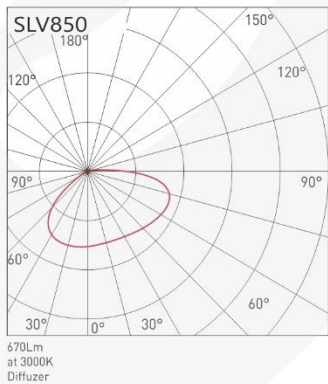


THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU

(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV850-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D90*H250	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV850-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D90*H500	≥0,95	(-25° đến 60°)

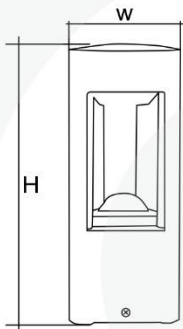
LED GRADEN LIGHT

CitiSys

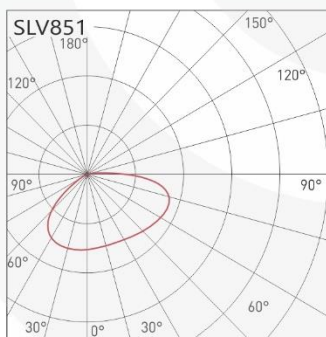
CITISYS GROUP

LED GRADEN LIGHT

Model - SLV851


THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



670Lm
at 3000K
Diffuser

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 250-500mm
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 250-500mm
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV851-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	110*110*250	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV851-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	110*110*500	≥0,95	(-25° đến 60°)



CitiSys | LED GRADEN LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option

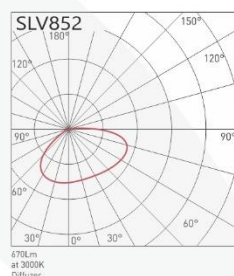
Model - SLV852



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

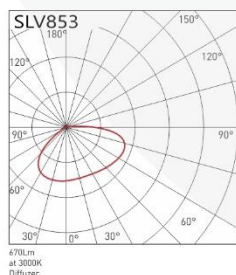


Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV852-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	300*300*3000	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV852-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	300*300*4000	≥0,95	(-25° đến 60°)

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model - SLV853



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV853-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D300*H3000	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV853-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D300*H4000	≥0,95	(-25° đến 60°)



CitiSys | LED GRADEN LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

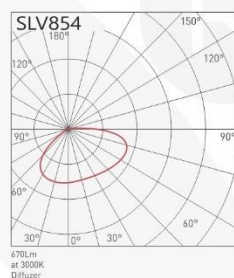
Model - SLV854



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

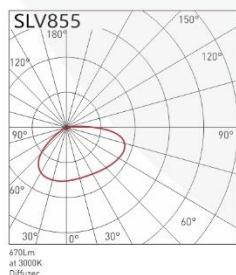
- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV854-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	300*300*3000	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV854-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	300*300*4000	≥0,95	(-25° đến 60°)

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model - SLV855



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 30W ÷ 60W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 30W ÷ 60W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV855-30w	120Lm/w	3000k-6500k	3600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	355*445*3000	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV855-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	355*445*4000	≥0,95	(-25° đến 60°)

LED HIGH BAY LIGHT

CitiSys

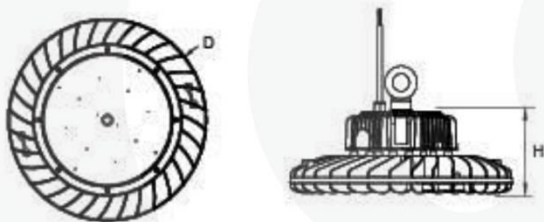
CITISYS GROUP

LED HIGH BAY LIGHT

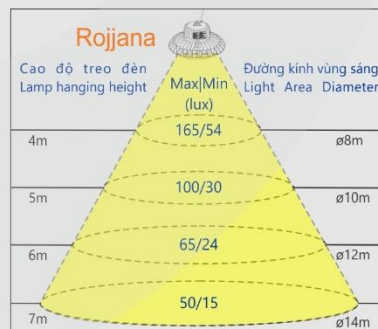
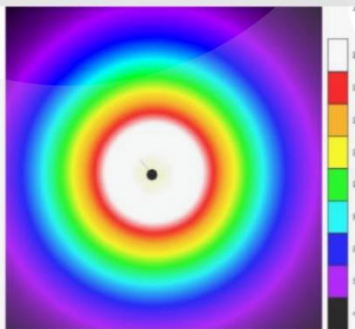
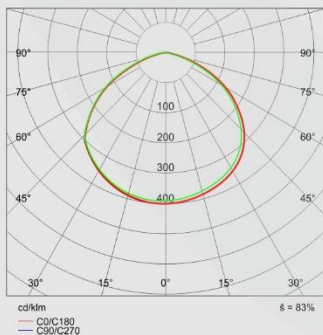
Rojjana | Model - SHB901



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM	PRODUCT FEATURES
* Đa dạng công suất	* Multiple power
* Hiệu suất ánh sáng cao	* High luminous efficiency
* Góc chiếu sáng rộng	* Wide beam angle
* Hệ thống tản nhiệt tốt	* Good heat dissipation system
* Dễ dàng lắp đặt, bảo trì	* Easy to install and maintain
* IP66 và IK08	* IP66 and IK08
* Sử dụng Chip LED Lumileds	* Using Lumileds LED Chips
* Driver hiệu suất cao	* High efficiency Driver
* Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động	* Reduce maintenance costs and operating costs
* Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng	* This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG	APPLICATION RANGE
* Nhà xưởng, nhà máy	* Factory, factory
* Hội trường, nhà thi đấu	* Hall, gymnasium
* Cửa hàng, siêu thị, phòng trưng bày	* Shops, supermarkets, showrooms
* Kho lạnh, kho mát	* Cold storage, cool storage
* Phòng tập gym, hầm giữ xe...	* Gym, underground parking...



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SHB901-100w	120Lm/w	3000k-7000k	12000Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	300*300*135	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB901-120w	120Lm/w	3000k-7000k	14400Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	300*640*135	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB901-150w	120Lm/w	3000k-7000k	18000Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	340*340*135	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB901-180w	120Lm/w	3000k-7000k	21600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	380*380*140	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB901-200w	120Lm/w	3000k-7000k	24000Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	480*480*140	≥0,95	(-25° đến 60°)



IP 66-68

IK 08-10



RoHS



CitiSys | LED HIGH BAY LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tầm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

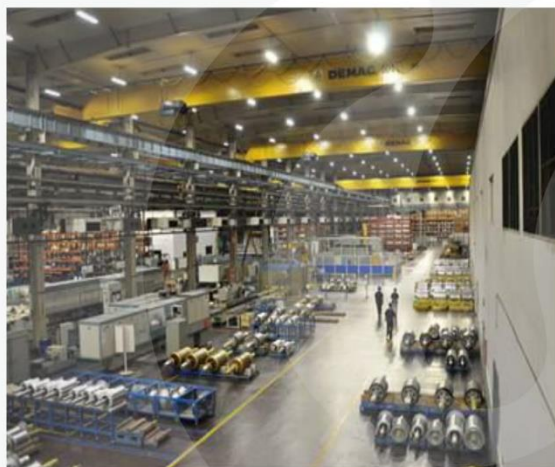
- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

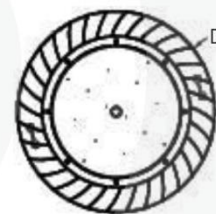
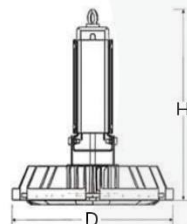
- * Nhà xưởng, nhà máy
- * Hội trường, nhà thi đấu
- * Cửa hàng, siêu thị, phòng trưng bày
- * Kho lạnh, kho mát
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

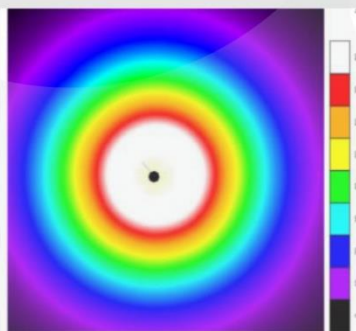
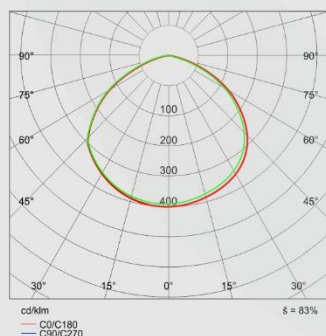
- * Factory, factory
- * Hall, gymnasium
- * Shops, supermarkets, showrooms
- * Cold storage, cool storage
- * Gym, underground parking...



Liline | Model - SHB902

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Cao độ treo đèn Lamp hanging height	Max Min (lux)	Đường kính vùng sáng Light Area Diameter
4m	165/54	ø8m
5m	100/30	ø10m
6m	65/24	ø12m
7m	50/15	ø14m

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SHB902-100w	120Lm/w	3000k-7000k	12000Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	420*310*230	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB902-150w	120Lm/w	3000k-7000k	18000Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	420*310*230	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB902-185w	120Lm/w	3000k-7000k	22200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	420*310*230	≥0,95	(-25° đến 60°)



CitiSys | LED HIGH BAY LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tầm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Nhà xưởng, nhà máy
- * Hội trường, nhà thi đấu
- * Cửa hàng, siêu thị, phòng trưng bày
- * Kho lạnh, kho mát
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

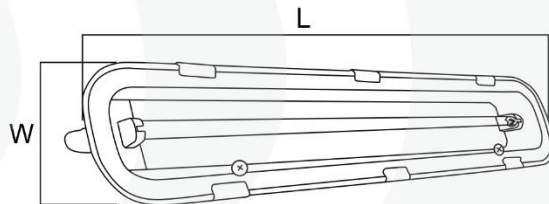
- * Factory, factory
- * Hall, gymnasium
- * Shops, supermarkets, showrooms
- * Cold storage, cool storage
- * Gym, underground parking...



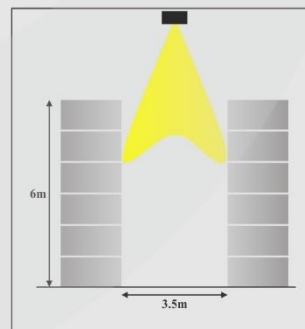
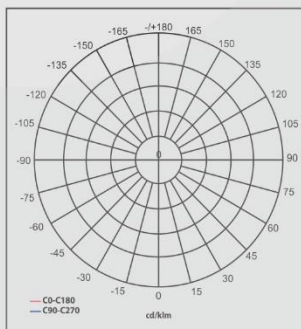
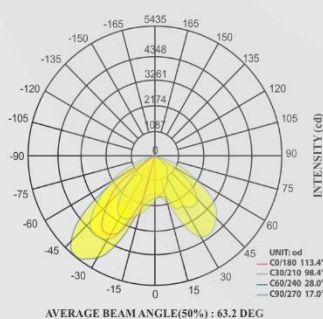
Pando | Model - SHB903



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SHB903-18w	100Lm/w	2700k-6500k	1800Lm	≥80	AC 100-277V/50HZ	1300*135*96	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB903-28w	100Lm/w	2700k-6500k	2800Lm	≥80	AC 100-277V/50HZ	1300*135*96	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB903-36w	100Lm/w	2700k-6500k	3600Lm	≥80	AC 100-277V/50HZ	1300*198*96	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB903-56w	100Lm/w	2700k-6500k	5600Lm	≥80	AC 100-277V/50HZ	1300*198*96	≥0,95	(-25° đến 60°)



IP 66-68

IK 08-10



RoHS



CitiSys | LED HIGH BAY LIGHT

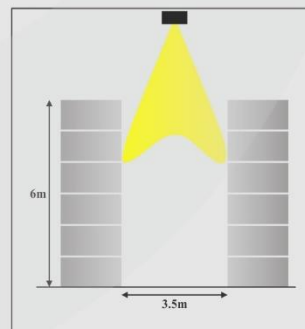
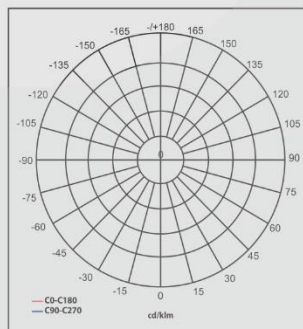
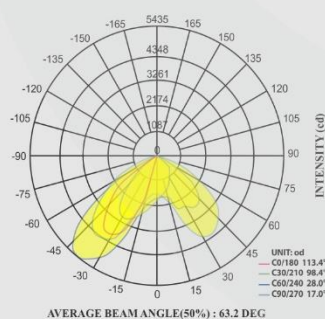
Riolon | Model - SHB904



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tắm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

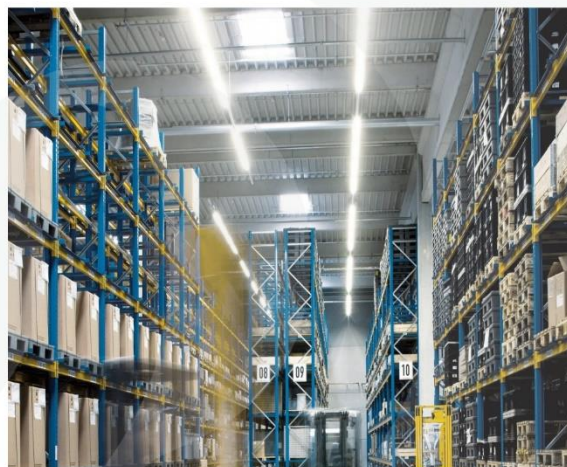
- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Nhà xưởng, nhà máy
- * Hội trường, nhà thi đấu
- * Cửa hàng, siêu thị, phòng trưng bày
- * Kho lạnh, kho mát
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

- * Factory, factory
- * Hall, gymnasium
- * Shops, supermarkets, showrooms
- * Cold storage, cool storage
- * Gym, underground parking...



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SHB904-60w	120Lm/w	2700k-6500k	7200Lm	≥80	AC 100-305V/50HZ	600*150*68	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB904-80w	120Lm/w	2700k-6500k	9600Lm	≥80	AC 100-305V/50HZ	600*150*68	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB904-100w	120Lm/w	2700k-6500k	12000Lm	≥80	AC 100-305V/50HZ	900*150*68	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB904-120w	120Lm/w	2700k-6500k	14400Lm	≥80	AC 100-305V/50HZ	900*150*68	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB904-150w	120Lm/w	2700k-6500k	18000Lm	≥80	AC 100-305V/50HZ	1200*150*68	≥0,95	(-25° đến 60°)



IP 66-68

IK 08-10



RoHS



CitiSys | LED HIGH BAY LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

PRODUCT FEATURES

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

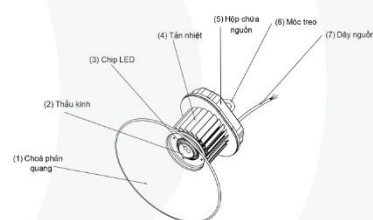
APPLICATION RANGE

- * Nhà xưởng, nhà máy
- * Hội trường, nhà thi đấu
- * Cửa hàng, siêu thị, phòng trưng bày
- * Kho lạnh, kho mát
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

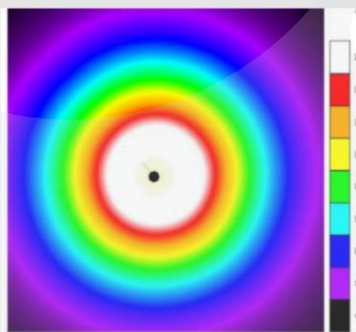
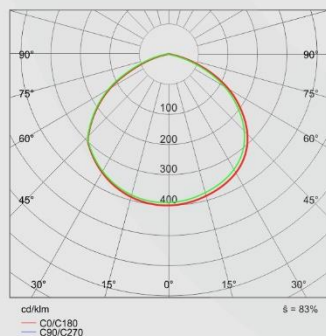
- * Factory, factory
- * Hall, gymnasium
- * Shops, supermarkets, showrooms
- * Cold storage, cool storage
- * Gym, underground parking...



Runie | Model - SHB905

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Cao độ treo đèn Lamp hanging height	Max/Min (lux)	Đường kính vùng sáng Light Area Diameter
4m	165/54	ø8m
5m	100/30	ø10m
6m	65/24	ø12m
7m	50/15	ø14m

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SHB905-60w	125Lm/w	2700k-6500k	7500Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø410*340	≥0,98	(-25° đến 60°)
SHB905-100w	125Lm/w	2700k-6500k	12500Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø410*340	≥0,98	(-25° đến 60°)
SHB905-150w	125Lm/w	2700k-6500k	18750Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø425*350	≥0,98	(-25° đến 60°)
SHB905-200w	125Lm/w	2700k-6500k	25000Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø470*360	≥0,98	(-25° đến 60°)
SHB905-250w	125Lm/w	2700k-6500k	31250Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø470*360	≥0,98	(-25° đến 60°)
SHB905-300w	125Lm/w	2700k-6500k	37500Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø470*370	≥0,98	(-25° đến 60°)

LED HIGH BAY LIGHT

CitiSys

CITISYS GROUP

- TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
 - * Hiệu suất ánh sáng cao
 - * Góc chiếu sáng rộng
 - * Hệ thống tản nhiệt tốt
 - * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
 - * IP66 và IK08
 - * Sử dụng Chip LED Lumileds
 - * Driver hiệu suất cao
 - * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
 - * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
 - * High luminous efficiency
 - * Wide beam angle
 - * Good heat dissipation system
 - * Easy to install and maintain
 - * IP66 and IK08
 - * Using Lumileds LED Chips
 - * High efficiency Driver
 - * Reduce maintenance costs and operating costs
 - * This lens is made from specialized material

- PHẠM VI ỨNG DỤNG

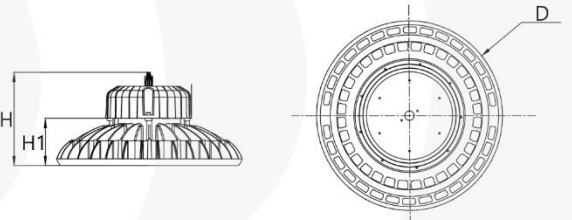
- * Nhà xưởng, nhà máy
 - * Hội trường, nhà thi đấu
 - * Cửa hàng, siêu thị, phòng trưng bày
 - * Kho lạnh, kho mát
 - * Phòng tập gym, hầm giữ xe...
- APPLICATION RANGE

- * Factory, factory
 - * Hall, gymnasium
 - * Shops, supermarkets, showrooms
 - * Cold storage, cool storage
 - * Gym, underground parking...

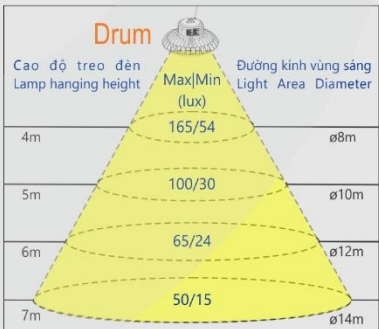
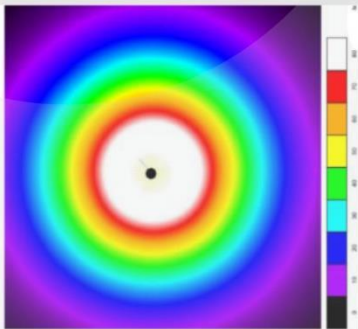
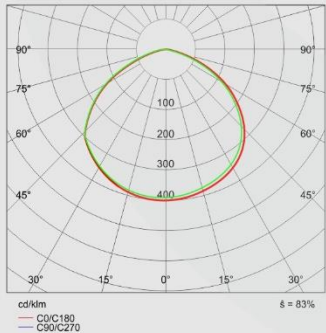


THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU

(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SHB906-100w	148Lm/w	3000k-7000k	14800Lm	≥80	AC 100-305V,50/60HZ	ø140*280	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB906-150w	148Lm/w	3000k-7000k	25200Lm	≥80	AC 100-305V,50/60HZ	ø140*330	≥0,95	(-25° đến 60°)

LED HIGH BAY LIGHT

CitiSys

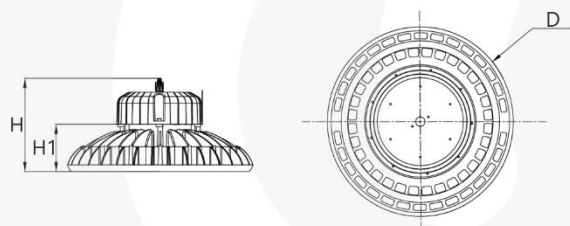
LED HIGH BAY LIGHT

Rum | Model - SHB907

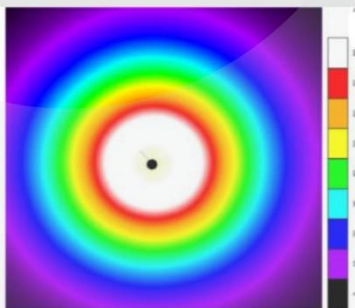
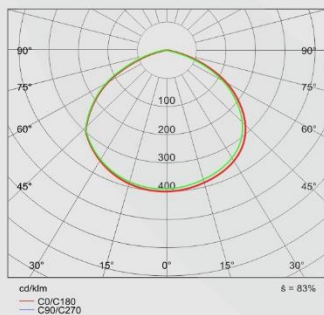


THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU

(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Cao độ treo đèn Lamp hanging height	Max Min (lux)	Đường kính vùng sáng Light Area Diameter
4m	165/54	ø8m
5m	100/30	ø10m
6m	65/24	ø12m
7m	50/15	ø14m

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Nhà xưởng, nhà máy
- * Hội trường, nhà thi đấu
- * Cửa hàng, siêu thị, phòng trưng bày
- * Kho lạnh, kho mát
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

- * Factory, factory
- * Hall, gymnasium
- * Shops, supermarkets, showrooms
- * Cold storage, cool storage
- * Gym, underground parking...

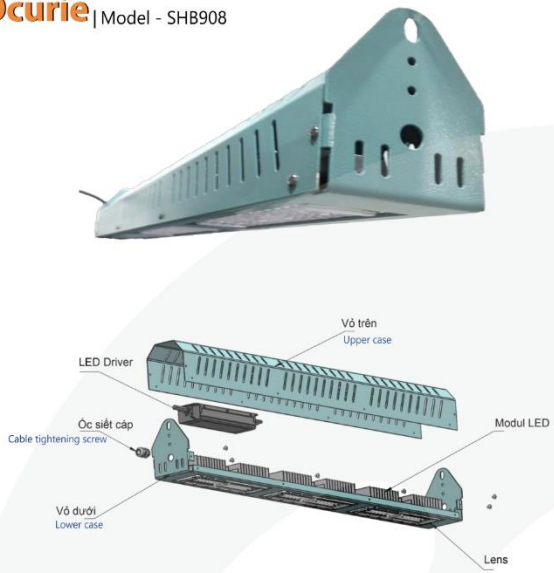


Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SHB907-40w	125Lm/w	2700k-6500k	5000Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø235*111	≥0,98	(-25° đến 60°)
SHB907-80w	125Lm/w	2700k-6500k	10000Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø280*169	≥0,98	(-25° đến 60°)
SHB907-100w	130Lm/w	2700k-6500k	13350Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø280*169	≥0,98	(-25° đến 60°)
SHB907-120w	125Lm/w	2700k-6500k	15000Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø340*176	≥0,98	(-25° đến 60°)
SHB907-150w	128Lm/w	2700k-6500k	19540Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø340*176	≥0,98	(-25° đến 60°)
SHB907-200w	125Lm/w	2700k-6500k	25000Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø400*196	≥0,98	(-25° đến 60°)
SHB907-250w	125Lm/w	2700k-6500k	31250Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø400*196	≥0,98	(-25° đến 60°)

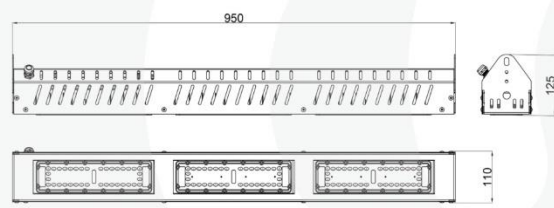


CitiSys | LED HIGH BAY LIGHT

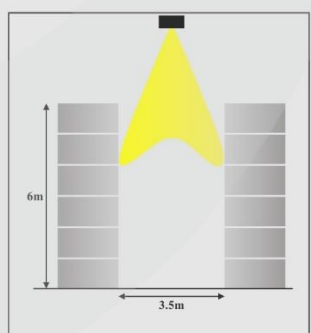
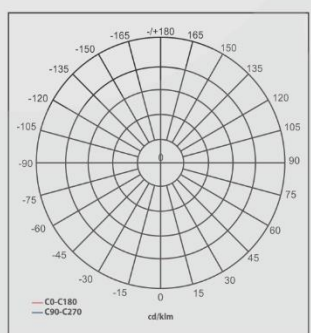
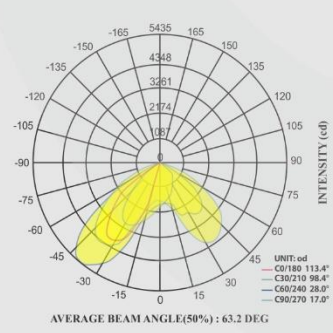
Ocurie | Model - SHB908



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

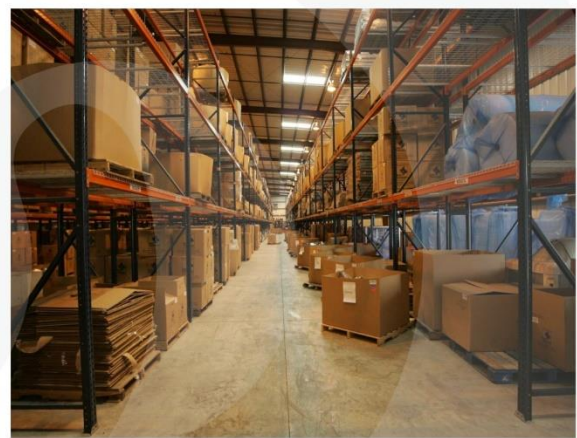
- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Nhà xưởng, nhà máy
- * Hội trường, nhà thi đấu
- * Cửa hàng, siêu thị, phòng trưng bày
- * Kho lạnh, kho mát
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

- * Factory, factory
- * Hall, gymnasium
- * Shops, supermarkets, showrooms
- * Cold storage, cool storage
- * Gym, underground parking...



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SHB908-40w	120Lm/w	2700k-6500k	4800Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	950*125*110	≥0,98	(-25° đến 60°)
SHB908-60w	120Lm/w	2700k-6500k	7200Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	950*125*110	≥0,98	(-25° đến 60°)



IP 66-68

IK 08-10

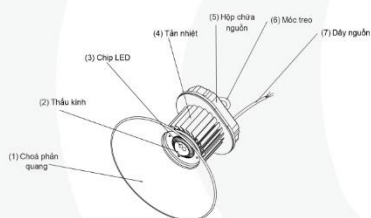


RoHS

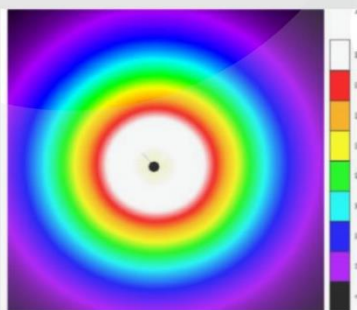
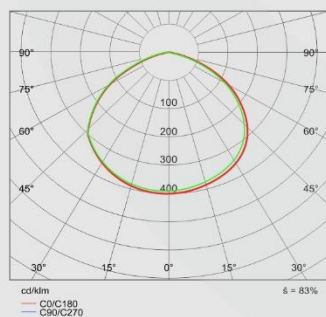


CitiSys | LED HIGH BAY LIGHT

Bunie | Model - SHB909

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Bunie		
Cao độ treo đèn Lamp hanging height	Max Min (lux)	Đường kính vùng sáng Light Area Diameter
4m	165/54	ø8m
5m	100/30	ø10m
6m	65/24	ø12m
7m	50/15	ø14m

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Nhà xưởng, nhà máy
- * Hội trường, nhà thi đấu
- * Cửa hàng, siêu thị, phòng trưng bày
- * Kho lạnh, kho mát
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

- * Factory, factory
- * Hall, gymnasium
- * Shops, supermarkets, showrooms
- * Cold storage, cool storage
- * Gym, underground parking...



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SHB909-40w	125Lm/w	2700k-6500k	5000Lm	≥70	AC 180-295V,50/60HZ	ø400*280	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB909-80w	125Lm/w	2700k-6500k	10000Lm	≥70	AC 100-305V,50/60HZ	ø500*340	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB909-100w	125Lm/w	2700k-6500k	12500Lm	≥70	AC 100-305V,50/60HZ	ø500*390	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB909-120w	125Lm/w	2700k-6500k	15000Lm	≥70	AC 100-305V,50/60HZ	ø500*480	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB909-150w	125Lm/w	2700k-6500k	18750Lm	≥70	AC 100-305V,50/60HZ	ø500*460	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB909-200w	125Lm/w	2700k-6500k	25000Lm	≥70	AC 100-305V,50/60HZ	ø500*500	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB909-250w	125Lm/w	2700k-6500k	31250Lm	≥70	AC 100-305V,50/60HZ	ø500*560	≥0,95	(-25° đến 60°)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tầm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

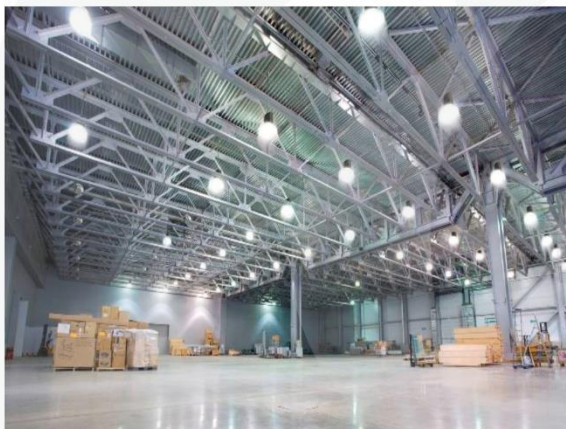
- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

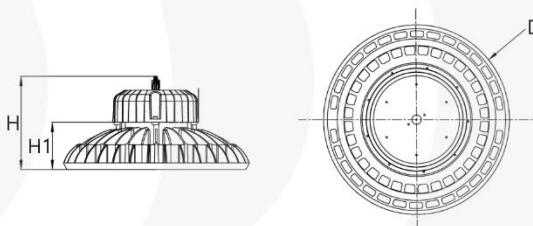
- * Nhà xưởng, nhà máy
- * Hội trường, nhà thi đấu
- * Cửa hàng, siêu thị, phòng trưng bày
- * Kho lạnh, kho mát
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

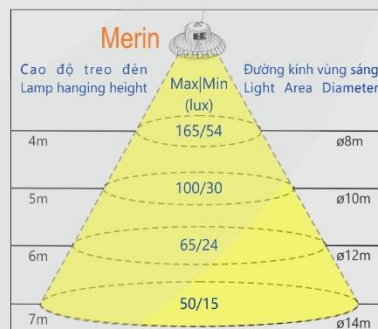
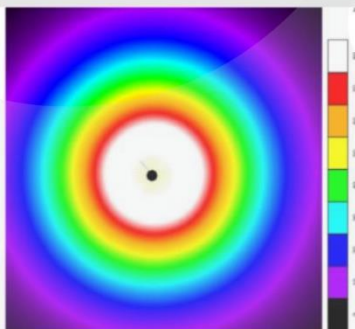
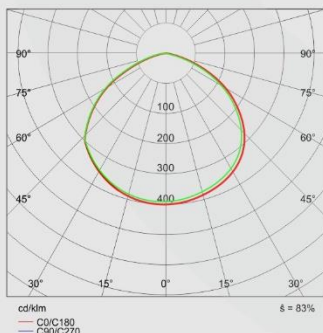
- * Factory, factory
- * Hall, gymnasium
- * Shops, supermarkets, showrooms
- * Cold storage, cool storage
- * Gym, underground parking...



Merin Model - SHB910


THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SHB910-40w	125Lm/w	2700k-6500k	5000Lm	≥70	AC 95-265V,50/60HZ	ø410*245	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB910-60w	125Lm/w	2700k-6500k	7500Lm	≥70	AC 95-265V,50/60HZ	ø410*265	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB910-80w	125Lm/w	2700k-6500k	10000Lm	≥70	AC 95-265V,50/60HZ	ø450*340	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB910-100w	125Lm/w	2700k-6500k	12500Lm	≥70	AC 95-265V,50/60HZ	ø450*370	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB910-150w	125Lm/w	2700k-6500k	18750Lm	≥70	AC 95-265V,50/60HZ	ø450*410	≥0,95	(-25° đến 60°)
SHB910-250w	125Lm/w	2700k-6500k	31250Lm	≥70	AC 95-265V,50/60HZ	ø450*445	≥0,95	(-25° đến 60°)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ ≥ 100.000 h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000$ h

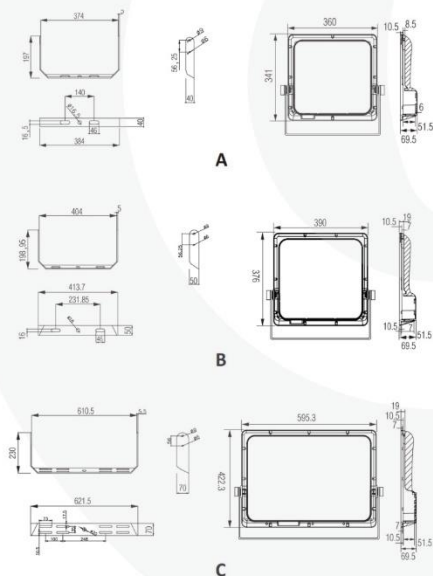
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn,
- * Quảng trường, Đường hầm
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

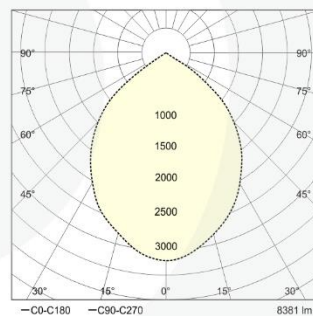
- * Residential Street, Garden
- * Square, Tunnel
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

Model - FL702


THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


(Hình ảnh và kích thước chỉ mang tính chất tham khảo)
Pictures and dimension are for reference only)

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

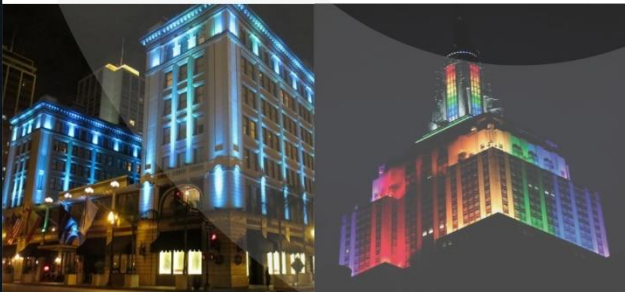
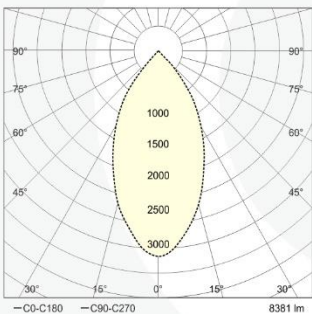


Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
FL702A-100w	120Lm/w	3000k-7000k	12000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	341*360*69.5	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL702B-200w	120Lm/w	3000k-7000k	24000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	376*390*69.5	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL702C-360w	120Lm/w	3000k-7000k	43200Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	422.3*59.3*69.5	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)

Model - FL703



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tầm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ ≥ 100.000h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology
- * Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime ≥ 100,000h

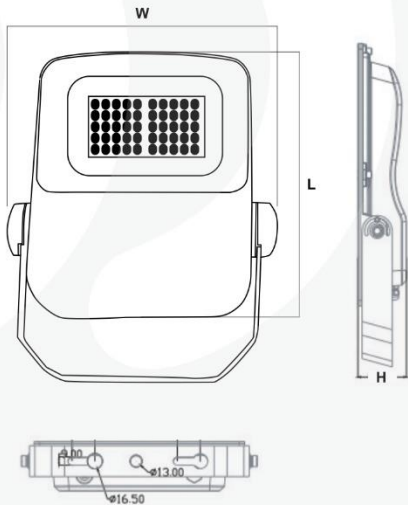
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn,
- * Quảng trường, Đường hầm
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Tunnel
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



(Hình ảnh và kích thước chỉ mang tính chất tham khảo
Pictures and dimension are for reference only)

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
FL703-100w	120Lm/w	3000k-7000k	12000Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	120*256*62	≥0,95	(-25° đến 60°)
FL703-200w	120Lm/w	3000k-7000k	24000Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	240*180*62	≥0,95	(-25° đến 60°)
FL703-300w	120Lm/w	3000k-7000k	36000Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	380*276*62	≥0,95	(-25° đến 60°)
FL703-400W	120Lm/w	3000k-7000k	48000Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	460*300*70	≥0,95	(-25° đến 60°)
FL703-500w	120Lm/w	3000k-7000k	60000Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	570*350*70	≥0,95	(-25° đến 60°)
FL703-600W	120Lm/w	3000k-7000k	72000Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	680*350*80	≥0,95	(-25° đến 60°)



IP 66-68

IK 08-10



RoHS

LED FLOOD LIGHT



CitiSys | LED FLOOD LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100.000h$

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000h$

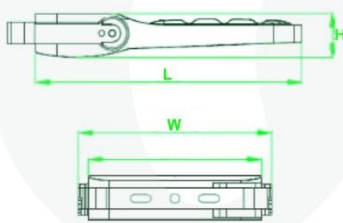
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn,
- * Quảng trường, Đường hầm
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

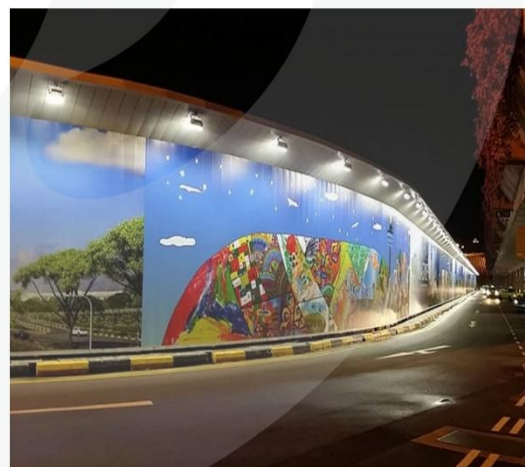
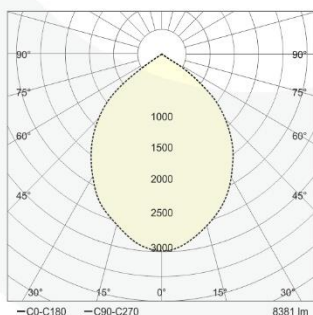
APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Tunnel
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

Model - FL704

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
FL704-100w	120Lm/w	3000k-7000k	12000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	120*256*62	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL704-200w	120Lm/w	3000k-7000k	24000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	240*180*62	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL704-300w	120Lm/w	3000k-7000k	36000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	380*276*62	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL704-400W	120Lm/w	3000k-7000k	48000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	460*300*70	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL704-500w	120Lm/w	3000k-7000k	60000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	570*350*70	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL704-600W	120Lm/w	3000k-7000k	72000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	680*350*80	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTOR WAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRICS



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP66-68 IK08-10

IP 66-68 IK 08-10



PLUS



CE

RoHS

LED FLOOD LIGHT



CitiSys | LED FLOOD LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tầm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ ≥ 100.000 h

PRODUCT FEATURES

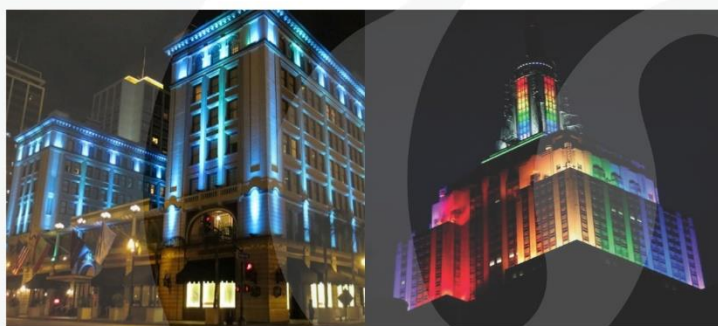
- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000$ h

PHẠM VI ỨNG DỤNG

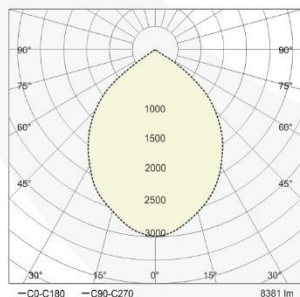
- * Khu dân cư, Sân vườn,
- * Quảng trường, Đường hầm
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

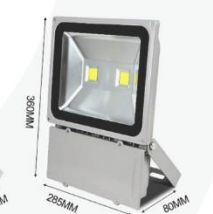
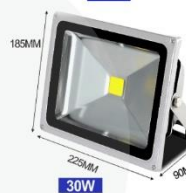
- * Residential Street, Garden
- * Square, Tunnel
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model - FL705



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
FL705-10w	120lm/w	3000k-7000k	1200lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	85*115*35	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL705-20w	120lm/w	3000k-7000k	2400lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	180*140*85	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL705-30w	120lm/w	3000k-7000k	3600lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	225*185*90	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL705-50W	120lm/w	3000k-7000k	6000lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	285*235*105	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL705-70-100w	120lm/w	3000k-7000k	8400-12000lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	285*360*80	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL705-150W-200w	120lm/w	3000k-7000k	18000-24000lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	425*325*150	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL705-500w	120lm/w	3000k-7000k	60000lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	560*325*200	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)

LED FLOOD LIGHT

CitiSys

CITISYS GROUP

LED FLOOD LIGHT

Model - FL706



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tầm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100.000\text{h}$

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology
- * Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000\text{h}$

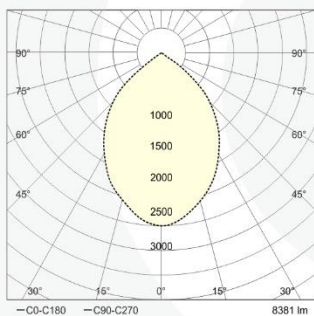
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn,
- * Quảng trường, Đường hầm
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

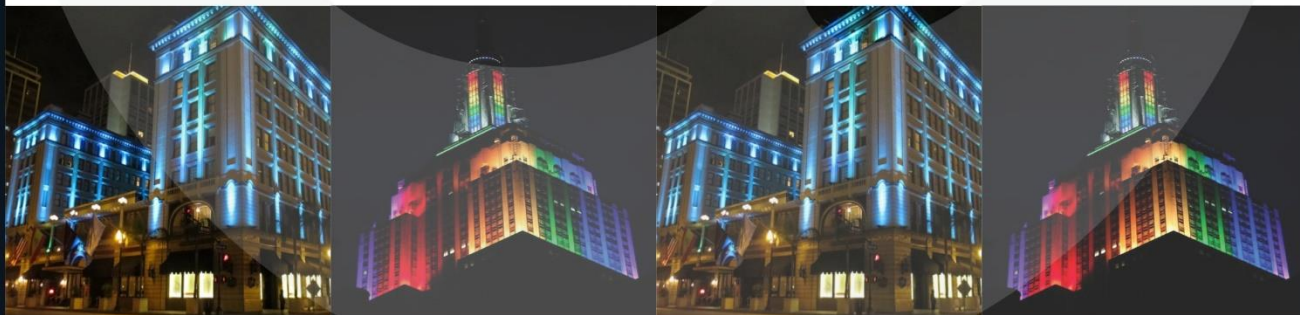
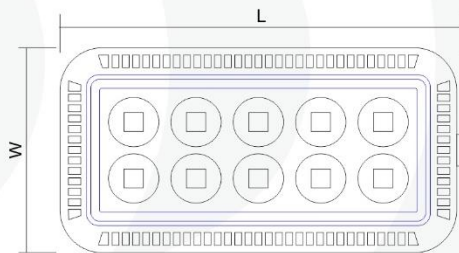
APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Tunnel
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
FL706-100w	120Lm/w	3000k-7000k	12000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL706-200w	120Lm/w	3000k-7000k	24000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL706-300w	120Lm/w	3000k-7000k	36000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL706-400W	120Lm/w	3000k-7000k	48000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL706-500w	120Lm/w	3000k-7000k	60000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL706-600W	120Lm/w	3000k-7000k	72000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100.000\text{h}$

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000\text{h}$

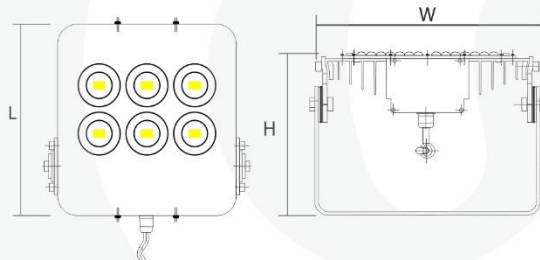
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn,
- * Quảng trường, Đường hầm
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

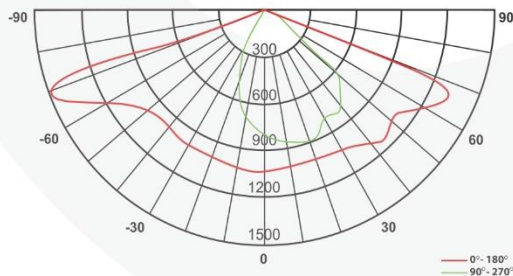
APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Tunnel
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

Model - FL707


THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



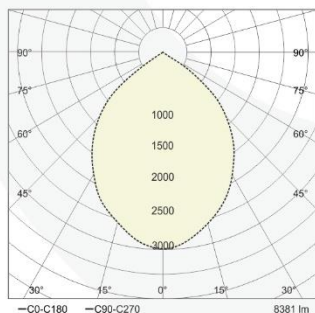
Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
FL707-100w	120Lm/w	3000k-7000k	12000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	120*350*130	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL707-200w	120Lm/w	3000k-7000k	24000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	240*350*130	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL707-300w	120Lm/w	3000k-7000k	36000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	350*350*130	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL707-400W	120Lm/w	3000k-7000k	48000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	460*350*130	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL707-500w	120Lm/w	3000k-7000k	60000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	570*350*130	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL707-600W	120Lm/w	3000k-7000k	72000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	680*350*130	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)



Model - FL708



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ ≥ 100.000 h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology
- * Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000$ h

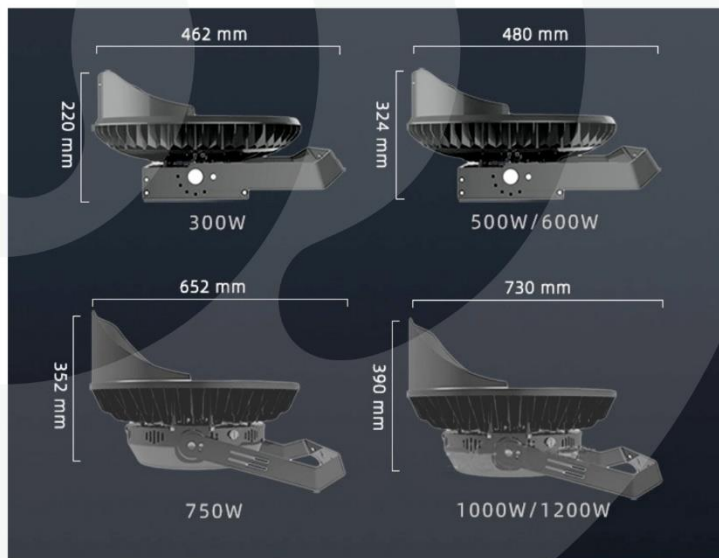
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn,
- * Quảng trường, Đường hầm
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Tunnel
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
FL708-300w	120Lm/w	3000k-7000k	36000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	460*220*xx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL708-500/600w	120Lm/w	3000k-7000k	60000-72000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	480*324*xx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL708-750w	120Lm/w	3000k-7000k	90000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	652*352*xx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL708-1000/1200W	120Lm/w	3000k-7000k	120000-144000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	730*390*xx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100.000\text{h}$

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000\text{h}$

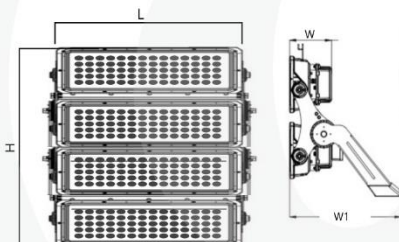
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn,
- * Quảng trường, Đường hầm
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

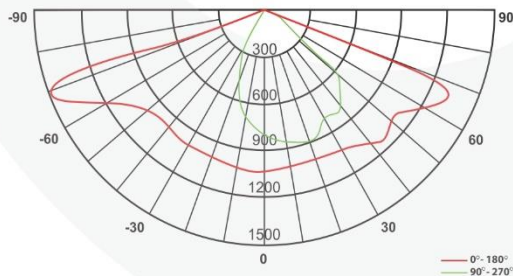
APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Tunnel
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

Model - FL709


THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
FL709-100w	120Lm/w	3000k-7000k	12000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xxx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL709-200w	120Lm/w	3000k-7000k	24000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xxx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL709-300w	120Lm/w	3000k-7000k	36000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xxx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL709-400W	120Lm/w	3000k-7000k	48000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xxx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL709-500w	120Lm/w	3000k-7000k	60000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xxx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL709-600W	120Lm/w	3000k-7000k	72000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xxx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)

Model - FL710



Model - FL711



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100.000\text{h}$

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000\text{h}$

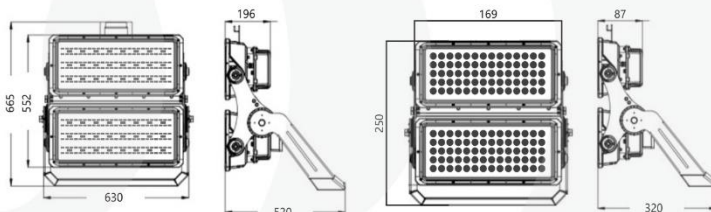
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn,
- * Quảng trường, Đường hầm
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

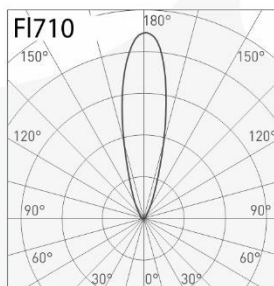
APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Tunnel
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

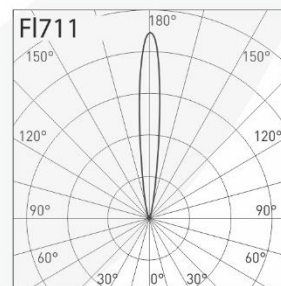
THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



36400Lm at RGBW(W=5000K)



36400Lm at RGBW(W=5000K)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
FL710-800w	120Lm/w	3000k-7000k	96000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	665*630*196	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL710-1200w	120Lm/w	3000k-7000k	144000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	665*630*196	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL711-250w	120Lm/w	3000k-7000k	19200Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	250*169*87	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ $\geq 100.000\text{h}$

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000\text{h}$

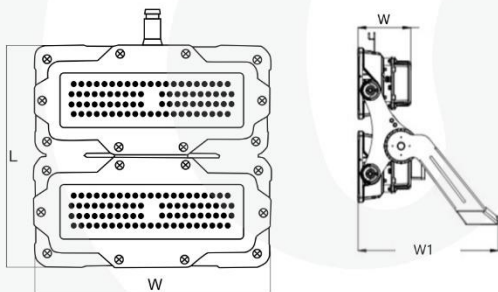
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn,
- * Quảng trường, Đường hầm
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

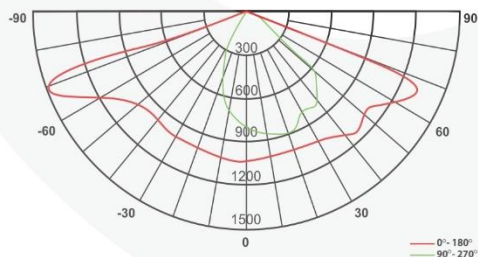
APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Tunnel
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

Model - FL714


THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



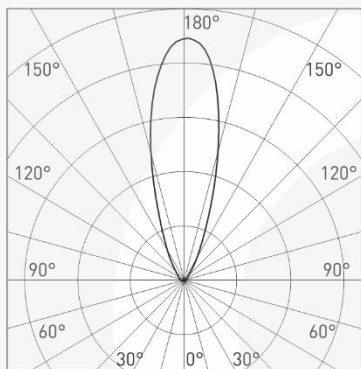
Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
FL714-100w	120Lm/w	3000k-7000k	12000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xxx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL714-200w	120Lm/w	3000k-7000k	24000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xxx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL714-300w	120Lm/w	3000k-7000k	36000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xxx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL714-400W	120Lm/w	3000k-7000k	48000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xxx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL714-500w	120Lm/w	3000k-7000k	60000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xxx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL714-600W	120Lm/w	3000k-7000k	72000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xxx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)



Model - FL715



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



36400Lm at RGBW(W=5000K)

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ ≥ 100.000 h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000$ h

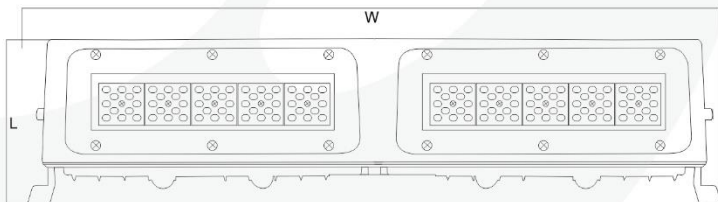
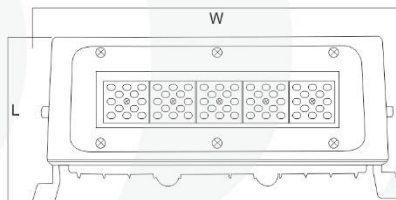
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn,
- * Quảng trường, Đường hầm
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Tunnel
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



(Hình ảnh và kích thước chỉ mang tính chất tham khảo)
Pictures and dimension are for reference only)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
FL715-100w	120Lm/w	3000k-7000k	12000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xxx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL715-200w	120Lm/w	3000k-7000k	24000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xxx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL715-300w	120Lm/w	3000k-7000k	36000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xxx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL715-400W	120Lm/w	3000k-7000k	48000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xxx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL715-500w	120Lm/w	3000k-7000k	60000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xxx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL715-600W	120Lm/w	3000k-7000k	72000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xxx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ ≥ 100.000 h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000$ h

Model - FL730



(Hình ảnh và kích thước chỉ mang tính chất tham khảo
Pictures and dimension are for reference only)

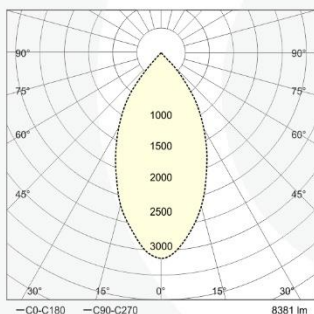
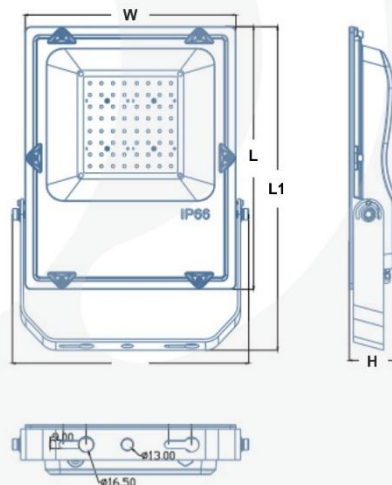
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn,
- * Quảng trường, Đường hầm
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

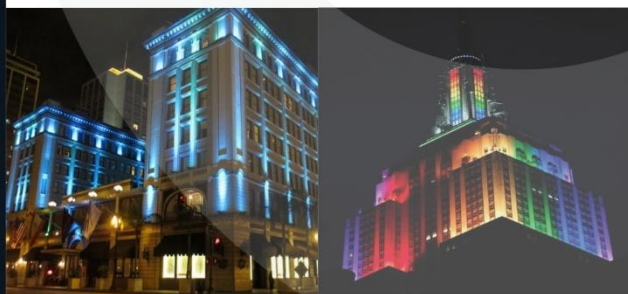
APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Tunnel
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)


THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


(Hình ảnh và kích thước chỉ mang tính chất tham khảo
Pictures and dimension are for reference only)



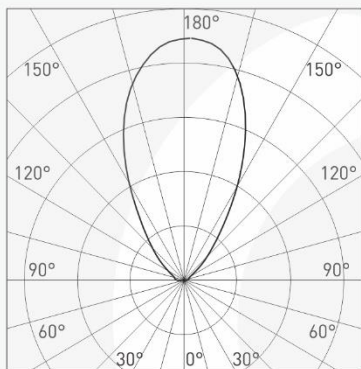
Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
FL730-100w	120Lm/w	3000k-7000k	12000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	230*280*53	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL730-200w	120Lm/w	3000k-7000k	24000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	230*280*53	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL730-300w	120Lm/w	3000k-7000k	36000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	330*305*53	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL730-400W	120Lm/w	3000k-7000k	48000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	330*305*53	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)



Model - FL731



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



36400Lm at RGBW(W=5000K)

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66-68 và IK08-10
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng
- * Tuổi thọ ≥ 100.000 h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66-68 and IK08-10
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material
- * Lifetime $\geq 100,000$ h

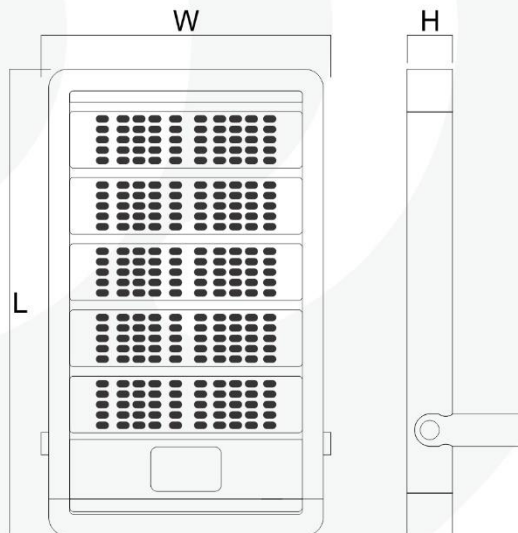
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn,
- * Quảng trường, Đường hầm
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Tunnel
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
FL731-100w	120Lm/w	3000k-7000k	12000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xxx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL731-200w	120Lm/w	3000k-7000k	24000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xxx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL731-300w	120Lm/w	3000k-7000k	36000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xxx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL731-400W	120Lm/w	3000k-7000k	48000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xxx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL731-500w	120Lm/w	3000k-7000k	60000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xxx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)
FL731-600W	120Lm/w	3000k-7000k	72000Lm	≥ 70	AC 100-265V/50HZ	xxx*xxx*xxx	$\geq 0,95$	(-25° đến 60°)



CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

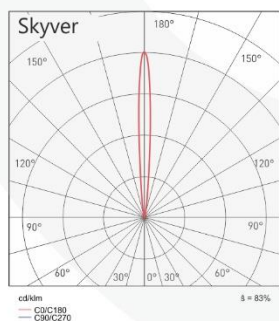
APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...

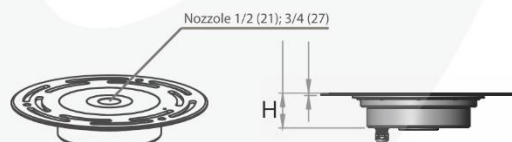
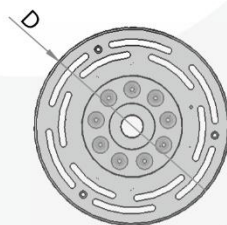
Skyver | Model - S.UL301



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



(Hình ảnh và kích thước chỉ mang tính chất tham khảo
Pictures and dimension are for reference only)

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL301-9x1w	80Lm/w	2700k-6500k	720Lm	≥80	AC 90-295V/50/60HZ	ø245*H43	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL301-9x2w	80Lm/w	2700k-6500k	1440Lm	≥80	AC 90-305V/50/60HZ	ø245*H43	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL301-12x1w	80Lm/w	2700k-6500k	960Lm	≥80	AC 90-305V/50/60HZ	ø260*H43	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL301-12x2w	80Lm/w	2700k-6500k	1920Lm	≥80	AC 90-305V/50/60HZ	ø260*H43	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL301-15x1w	80Lm/w	2700k-6500k	1200Lm	≥80	AC 90-305V/50/60HZ	ø278*H43	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL301-15x2w	80Lm/w	2700k-6500k	2400Lm	≥80	AC 90-305V/50/60HZ	ø278*H43	≥0,98	(-25° đến 60°)



IP 66-68

IK 08-10



RoHS

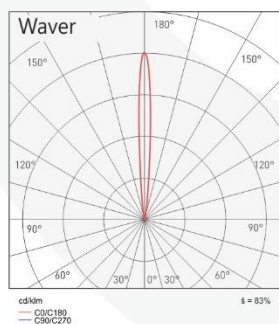
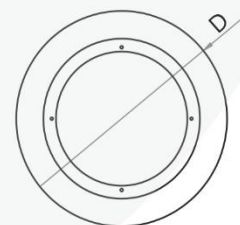
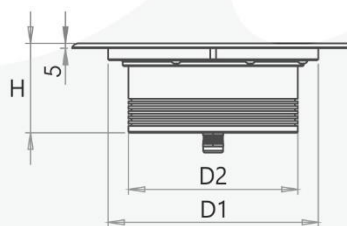


CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT

Waver | Model - S.UL302



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL302-4x3w	100Lm/w	2700k-6500k	1200Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø115*H75	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL302-5x3w	100Lm/w	2700k-6500k	1500Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø140*H76	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL302-6x3w	100Lm/w	2700k-6500k	1800Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø155*H76	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL302-7x3w	100Lm/w	2700k-6500k	2100Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø155*H76	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL302-8x3w	100Lm/w	2700k-6500k	2400Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø170*H80	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL302-9x3w	100Lm/w	2700k-6500k	2700Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø200*H80	≥0,98	(-25° đến 60°)

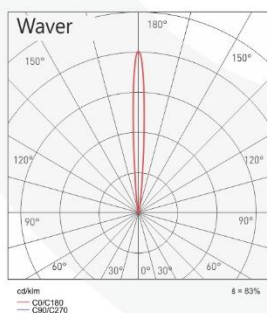


CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT

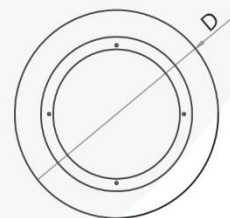
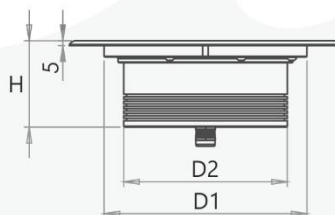
Waver | Model - S.UL302



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL302-10x3w	100Lm/w	2700k-6500k	3000Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø200*H80	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL302-12x3w	100Lm/w	2700k-6500k	3600Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø210*H80	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL302-14x3w	100Lm/w	2700k-6500k	4200Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø215*H80	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL302-18x3w	100Lm/w	2700k-6500k	5400Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø240*H80	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL302-27x3w	100Lm/w	2700k-6500k	7100Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø290*H90	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL302-48x3w	100Lm/w	2700k-6500k	14400Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø350*H105	≥0,98	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRICS



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



RoHS

LED UNDERGROUND LIGHT



CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

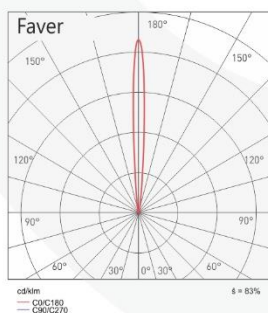
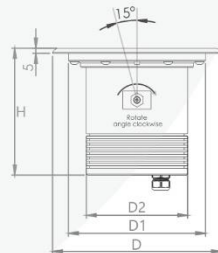
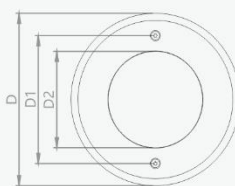
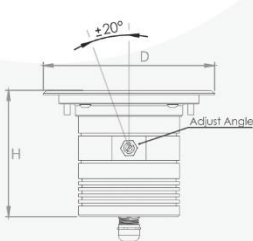
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL303-7w	80Lm/w	2700k-6500k	240Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø115*H83	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL303-9w	80Lm/w	2700k-6500k	720Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø115*H83	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL303-12w	80Lm/w	2700k-6500k	960Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø106*H110	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL303-20w	80Lm/w	2700k-6500k	1600Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø170*H125	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL303-30w	80Lm/w	2700k-6500k	2400Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø233*H170	≥0,98	(-25° đến 60°)



IP 66-68

IK 08-10

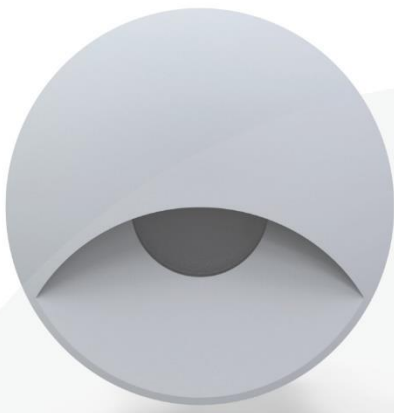


RoHS

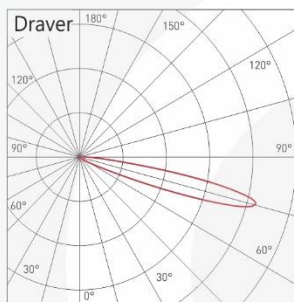


CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT

Draver | Model - S.UL304



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

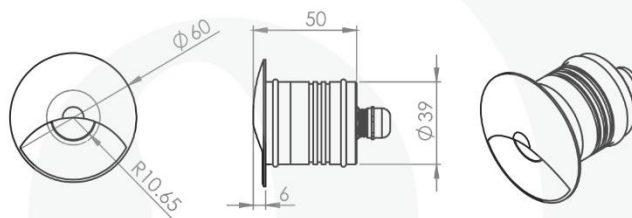
- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

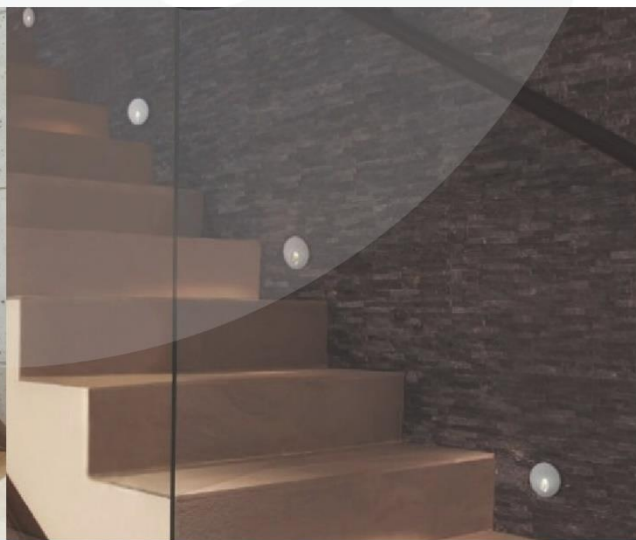
- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL304-3w	80Lm/w	2700k-6500k	240Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø60*H55	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL304-6w	80Lm/w	2700k-6500k	480Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø60*H55	≥0,98	(-25° đến 60°)





ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



RoHS



CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT

Fraver | Model - S.UL305



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

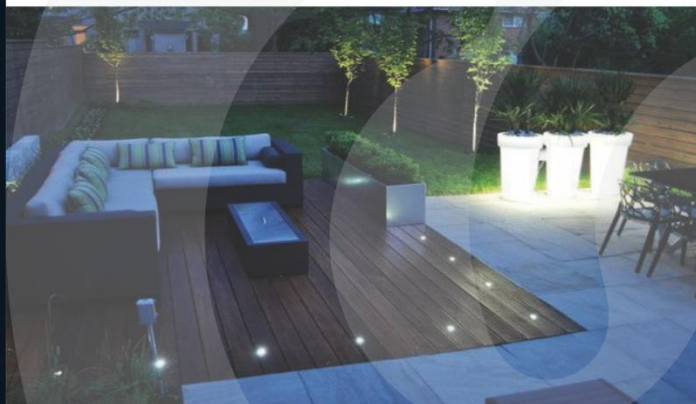
- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

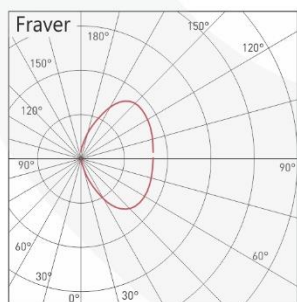
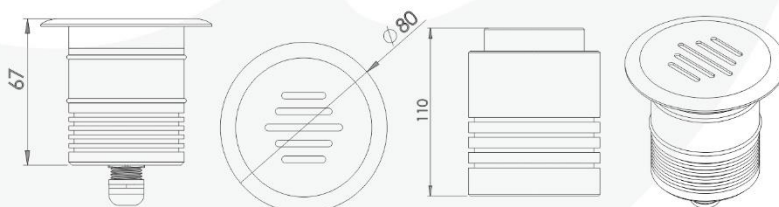
- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL305-3w	80Lm/w	2700k-6500k	240Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø80*H67	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL305-6w	80Lm/w	2700k-6500k	480Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø80*H67	≥0,98	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRICS



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



RoHS



CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT

Gaver | Model - S.UL306



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

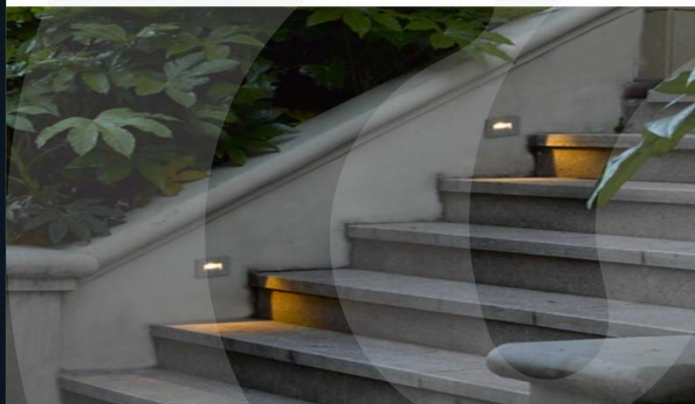
- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

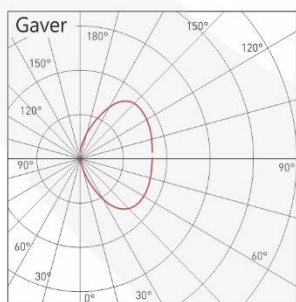
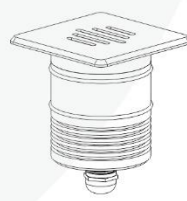
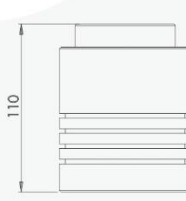
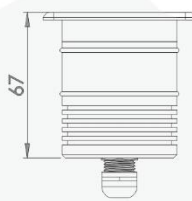
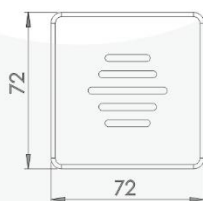
- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL306-3w	80Lm/w	2700k-6500k	240Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	72*72*67	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL306-6w	80Lm/w	2700k-6500k	480Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	72*72*67	≥0,98	(-25° đến 60°)



IP 66-68

IK 08-10



RoHS



CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

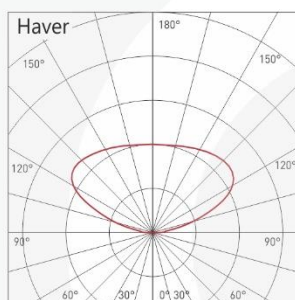
APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...

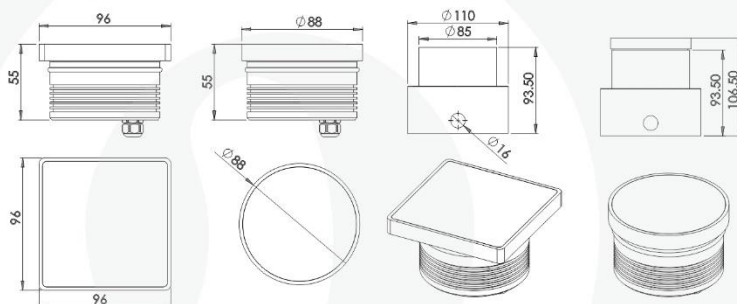
Haver | Model - S.UL307



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL307-3w	80Lm/w	2700k-6500k	240Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	96*96*55	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL307-6w	80Lm/w	2700k-6500k	480Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	96*96*55	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL307-3w	80Lm/w	2700k-6500k	240Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	Ø88*H55	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL307-6w	80Lm/w	2700k-6500k	480Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	Ø88*H55	≥0,98	(-25° đến 60°)



LED UNDERGROUND LIGHT



CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tắm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

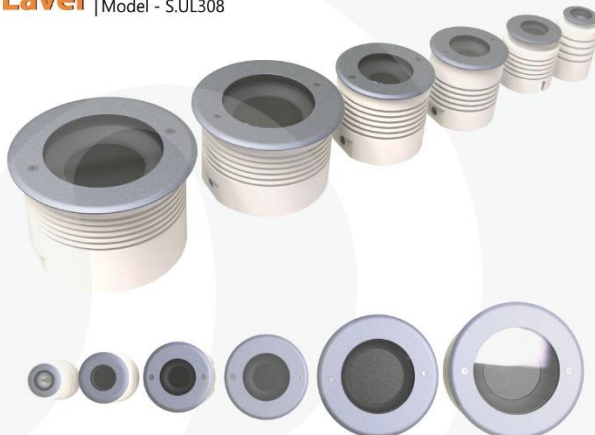
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

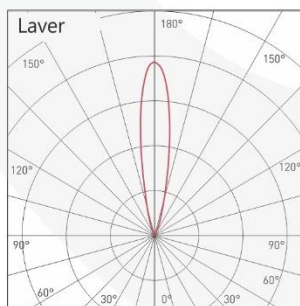
APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...

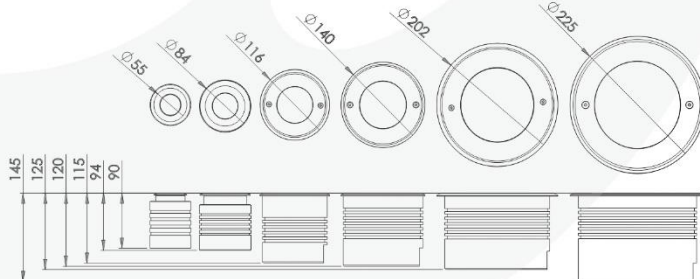
Laver | Model - S.UL308



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL308-1÷3w	80Lm/w	2700k-6500k	80-240Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø55*H90	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL308-6÷9w	80Lm/w	2700k-6500k	480-720Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø84*H94	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL308-10÷16w	80Lm/w	2700k-6500k	800-1280Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø116*H115	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL308-18÷22w	80Lm/w	2700k-6500k	1440-1760Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø140*H120	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL308-24÷30w	80Lm/w	2700k-6500k	1920-2400Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø202*H125	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL8-36÷45w	80Lm/w	2700k-6500k	2880-3600Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø225*H145	≥0,98	(-25° đến 60°)



CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT

Maver | Model - S.UL309



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

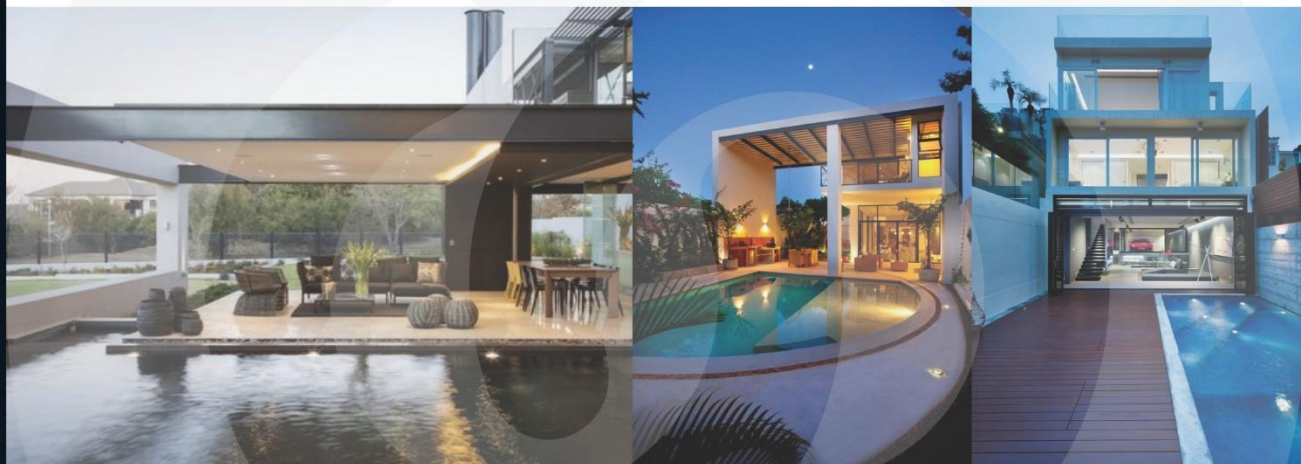
- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

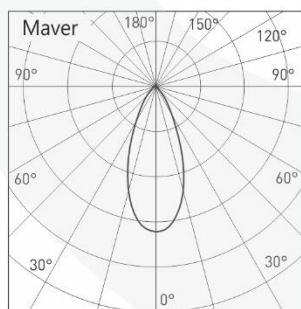
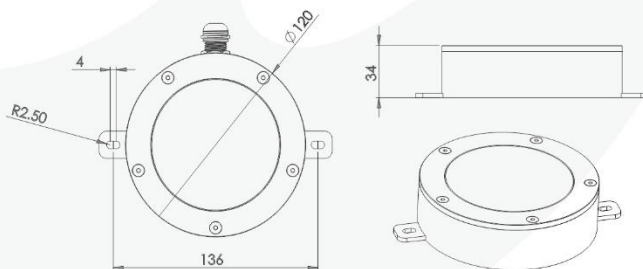
- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL309-6w	130Lm/w	2700k-6500k	780Lm	≥80	AC 90-295V/50/60HZ	ø120*H34	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL309-12w	130Lm/w	2700k-6500k	1560Lm	≥80	AC 90-305V/50/60HZ	ø120*H34	≥0,98	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



RoHS



CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT

Zaver | Model - S.U.L10



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

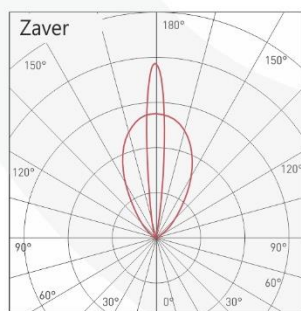
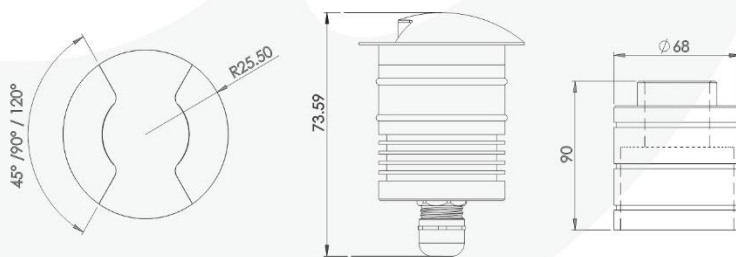
- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.U.L310-3w	40Lm/w	2700k-6500k	120Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	Ø55*H65	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.U.L310-4w	40Lm/w	2700k-6500k	160Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	Ø55*H65	≥0,98	(-25° đến 60°)



IP 66-68

IK 08-10



RoHS



CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tắm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

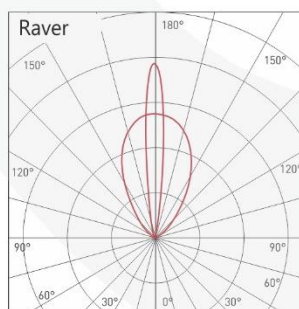
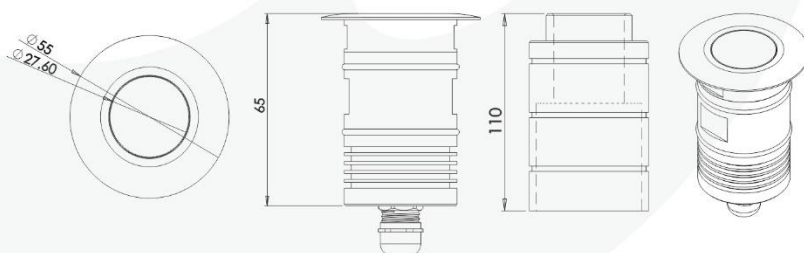
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL311-3w	110Lm/w	2700k-6500k	330Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø55*H65	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL311-4w	110Lm/w	2700k-6500k	440Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø55*H65	≥0,98	(-25° đến 60°)

LED UNDERGROUND LIGHT

CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT
CITISYS GROUP

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

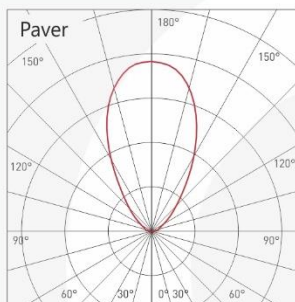
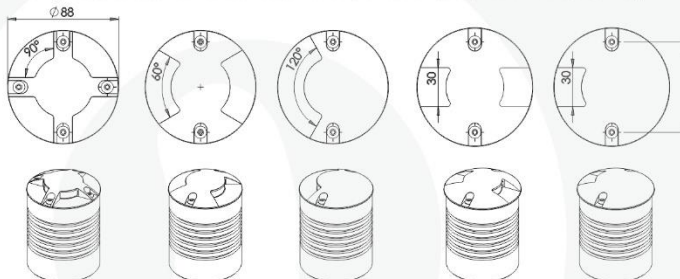
APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...

Paver | Model - S.UL312



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)


THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL312-3w	50Lm/w	2700k-6500k	150Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø88*H120	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL312-6w	50Lm/w	2700k-6500k	300Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø88*H120	≥0,98	(-25° đến 60°)





IP 66-68

IK 08-10



RoHS



CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT

Daver | Model - S.UL313



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

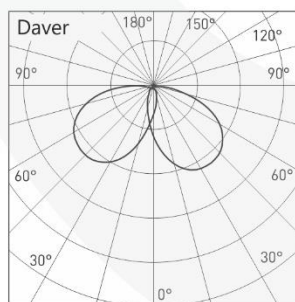
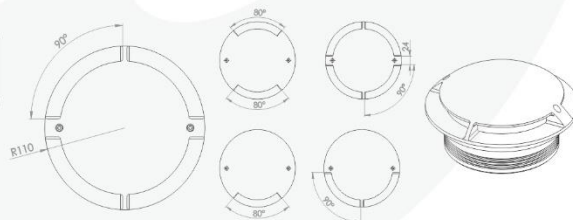
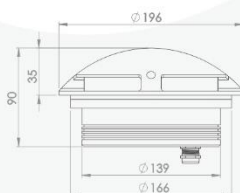
- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL313-8w	80Lm/w	2700k-6500k	600Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø196*H90	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL313-15w	80Lm/w	2700k-6500k	1200Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø203*H115	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL313-20w	80Lm/w	2700k-6500k	1600Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø220*H115	≥0,98	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRICS



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



RoHS

LED UNDERGROUND LIGHT

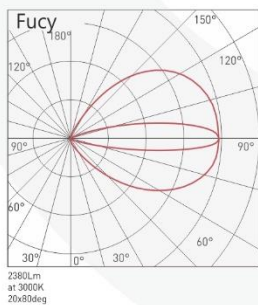


CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT

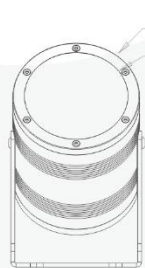
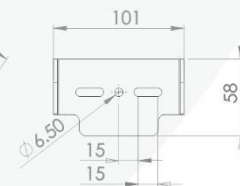
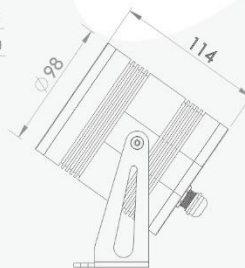
Fucy | Model - S.U.L314



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

TRUE R49
TRUE R40

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.U.L314-24w	100Lm/w	2700k-6500k	2400Lm	≥80	AC 90-295V/50/60HZ	ø98*H114	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.U.L314-54w	100Lm/w	2700k-6500k	5400Lm	≥80	AC 90-295V/50/60HZ	ø174*H140	≥0,98	(-25° đến 60°)



IP 66-68

IK 08-10



RoHS



CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

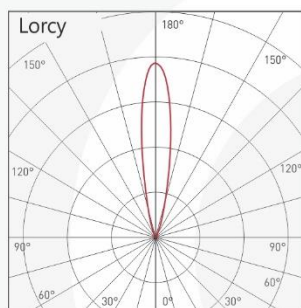
APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...

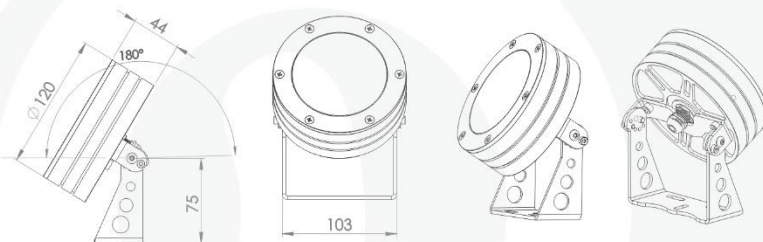
Lorcy | Model - S.UL15



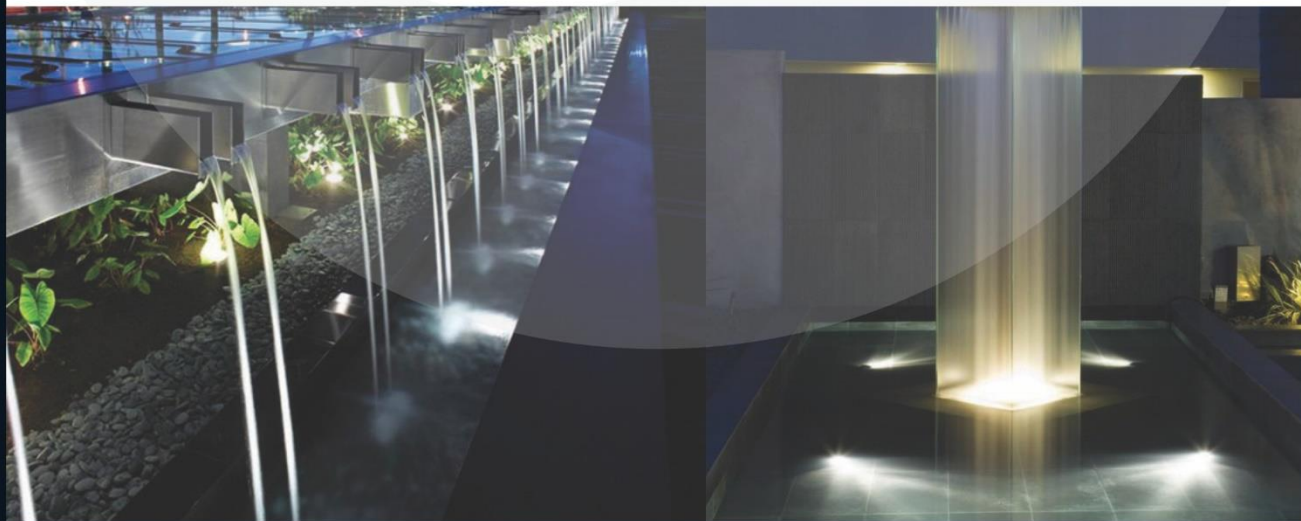
QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL315-24w	100lm/w	2700k-6500k	2400Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø120*H44	≥0,98	(-25° đến 60°)



LED UNDERGROUND LIGHT

CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT
CITISYS GROUP



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tầm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

Lucy | Model - S.UL316



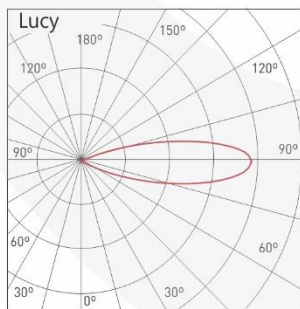
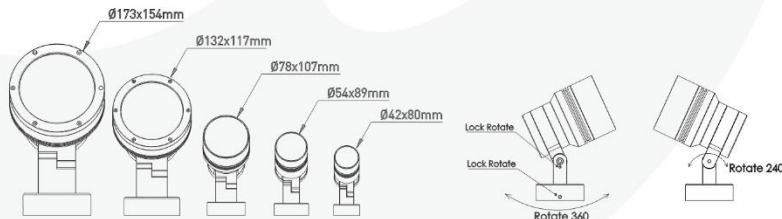
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)


THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL316-4÷6w	100Lm/w	2700k-6500k	400-600Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø42*H80	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL316-7÷9w	100Lm/w	2700k-6500k	700-900Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø54*H89	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL316-12÷20w	100Lm/w	2700k-6500k	1200-2000Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø78*H107	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL316-22÷36w	100Lm/w	2700k-6500k	2200-3600Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø132*H117	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL316-42÷72w	100Lm/w	2700k-6500k	4200-7200Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø173*H154	≥0,98	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRICS



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



RoHS



CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT

Darcy | Model - S.UL317



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

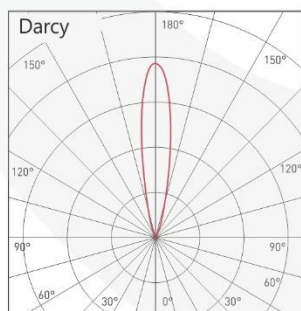
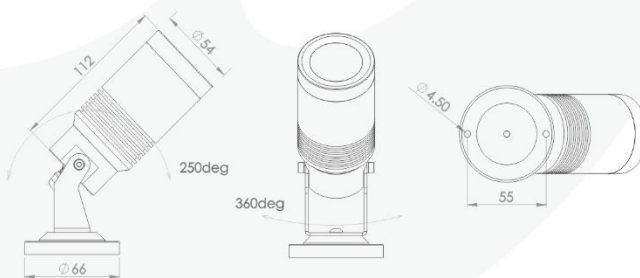
- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL317-3÷5w	80Lm/w	2700k-6500k	240-400Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø44*H74	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL317-6÷9w	80Lm/w	2700k-6500k	480-720Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø54*H112	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL317-12÷15w	80Lm/w	2700k-6500k	960-1200Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø63*H130	≥0,98	(-25° đến 60°)

LED UNDERGROUND LIGHT

CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT
CITISYS GROUP


TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tầm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

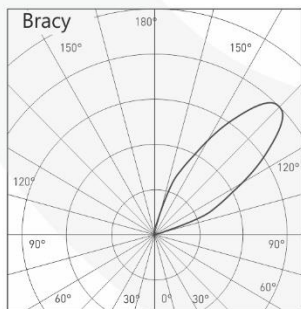
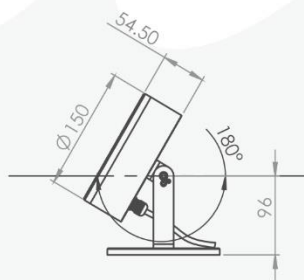
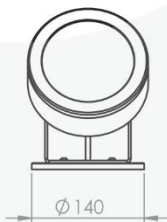
- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
 (TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL318-12x1w	80Lm/w	2700k-6500k	970Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø150*H96	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL318-12x2w	80Lm/w	2700k-6500k	1940Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø150*H96	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL318-18x1w	80Lm/w	2700k-6500k	1440Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø175*H116	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL318-18x2w	80Lm/w	2700k-6500k	2880Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø175*H116	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL318-36x1w	80Lm/w	2700k-6500k	2880Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø220*H126	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL318-36x2w	80Lm/w	2700k-6500k	5760Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø220*H126	≥0,98	(-25° đến 60°)

LED UNDERGROUND LIGHT

CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT
CITISYS GROUP



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tầm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

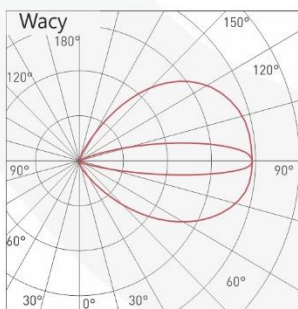
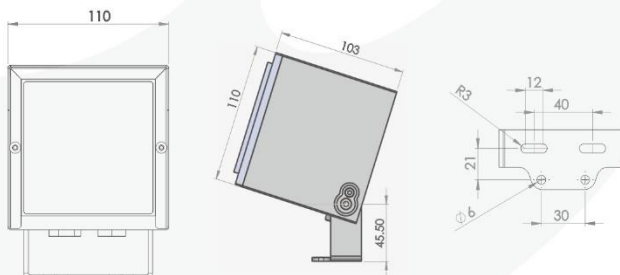
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)


THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL319-9w	100Lm/w	2700k-6500k	900Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	70*70*75	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL319-15÷22w	100Lm/w	2700k-6500k	1500-2200Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	98*98*88	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL319-18÷27w	100Lm/w	2700k-6500k	1800-2700Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	110*110*103	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL319-32÷48w	100Lm/w	2700k-6500k	3200-4800Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	130*130*135	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL319-50w	100Lm/w	2700k-6500k	5000Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	170*170*165	≥0,98	(-25° đến 60°)

LED UNDERGROUND LIGHT

CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

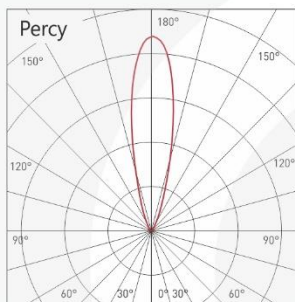
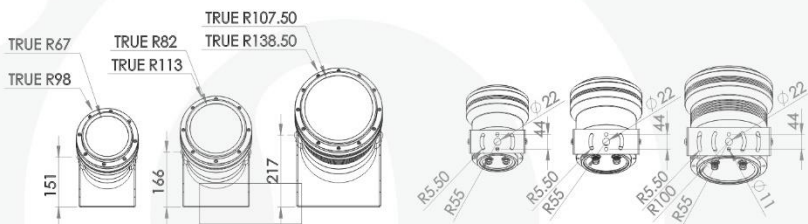
APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...

Percy | Model - S.UL320



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)


THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL320-96w	100Lm/w	2700k-6500k	9600Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø196*H221	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL320-144w	100Lm/w	2700k-6500k	14400Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø226*H241	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL320-216w	100Lm/w	2700k-6500k	21600Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø277*H291	≥0,98	(-25° đến 60°)





CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT

Bracy | Model - S.UL21



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

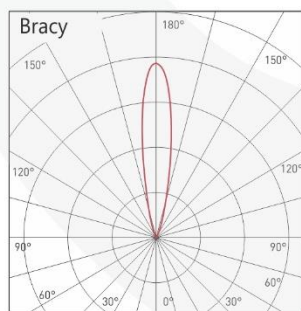
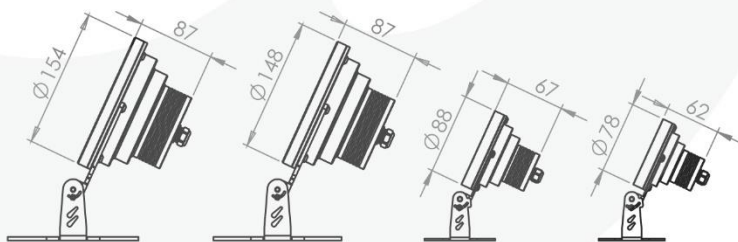
- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL21-3÷6w	80Lm/w	2700k-6500k	240-480Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	ø78*H62	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL21-9÷12w	80Lm/w	2700k-6500k	720-960Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø88*H67	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL21-15÷18w	80Lm/w	2700k-6500k	1200-1440Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø148*H87	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL21-18÷30w	80Lm/w	2700k-6500k	1440-2400Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	ø154*H87	≥0,98	(-25° đến 60°)



CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

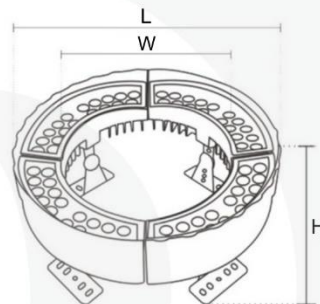
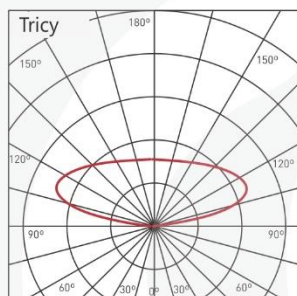
- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...

Tricy | Model - S.UL322



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL322-12w	80Lm/w	2700k-6500k	960Lm	≥80	AC 90-295V/50/60HZ	400*255*180	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL322-16w	80Lm/w	2700k-6500k	1280Lm	≥80	AC 90-305V/50/60HZ	400*255*180	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL322-18w	80Lm/w	2700k-6500k	1440Lm	≥80	AC 90-305V/50/60HZ	400*255*180	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL322-24w	80Lm/w	2700k-6500k	1920Lm	≥80	AC 90-305V/50/60HZ	410*260*180	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL322-32w	80Lm/w	2700k-6500k	2560Lm	≥80	AC 90-305V/50/60HZ	410*260*180	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL322-36w	80Lm/w	2700k-6500k	2880Lm	≥80	AC 90-305V/50/60HZ	410*260*180	≥0,98	(-25° đến 60°)



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



RoHS



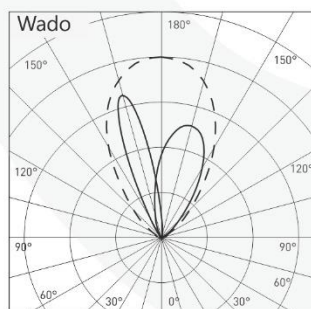
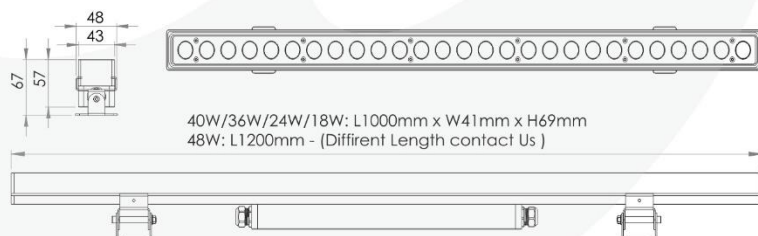
CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT



Wado | Model - S.UL323



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tầm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL323-18w	100Lm/w	2700k-6500k	1800Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	1000*41*69	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL323-24w	100Lm/w	2700k-6500k	2400Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	1000*41*69	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL323-36w	100Lm/w	2700k-6500k	3600Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	1000*41*69	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL323-40w	100Lm/w	2700k-6500k	4000Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	1000*41*69	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL323-48w	100Lm/w	2700k-6500k	4800Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	1200*41*69	≥0,98	(-25° đến 60°)



CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT

Rado | Model - S.UL324



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

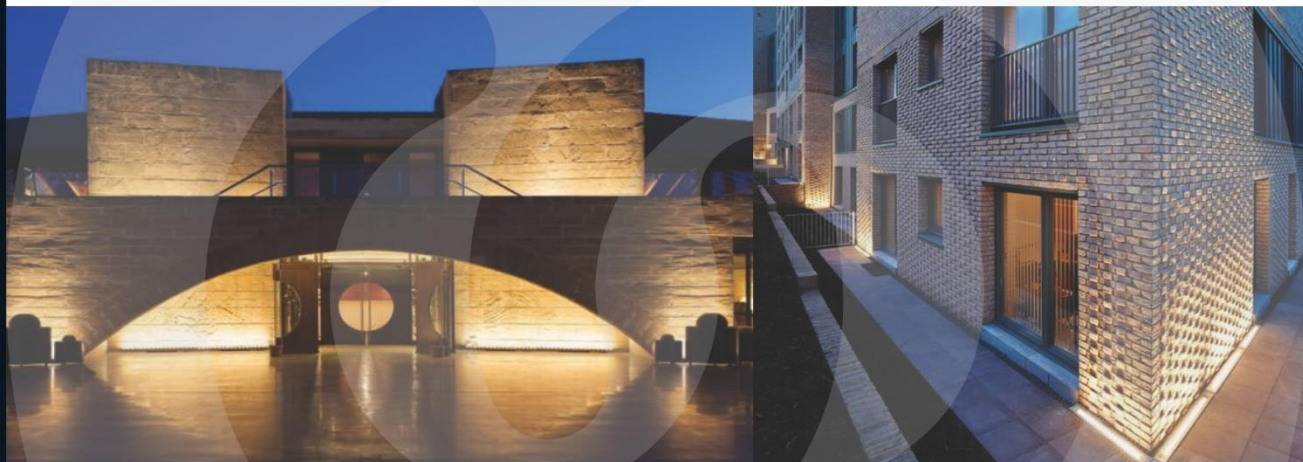
- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

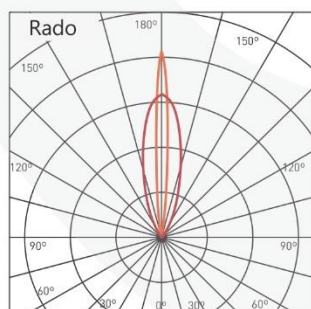
- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

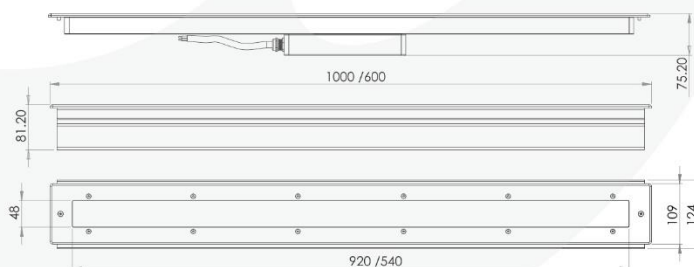
- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL324-18w	100Lm/w	2700k-6500k	1800Lm	≥80	AC 90-295V/50/60HZ	1000*109*78	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL324-36w	100Lm/w	2700k-6500k	3600Lm	≥80	AC 90-305V/50/60HZ	990*124*76	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL324-40w	100Lm/w	2700k-6500k	4000Lm	≥80	AC 90-305V/50/60HZ	990*124*76	≥0,98	(-25° đến 60°)



CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

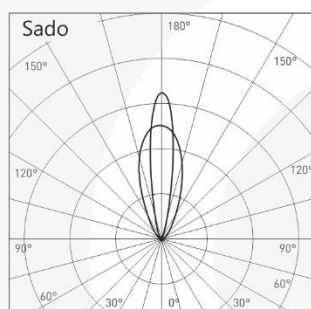
APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...

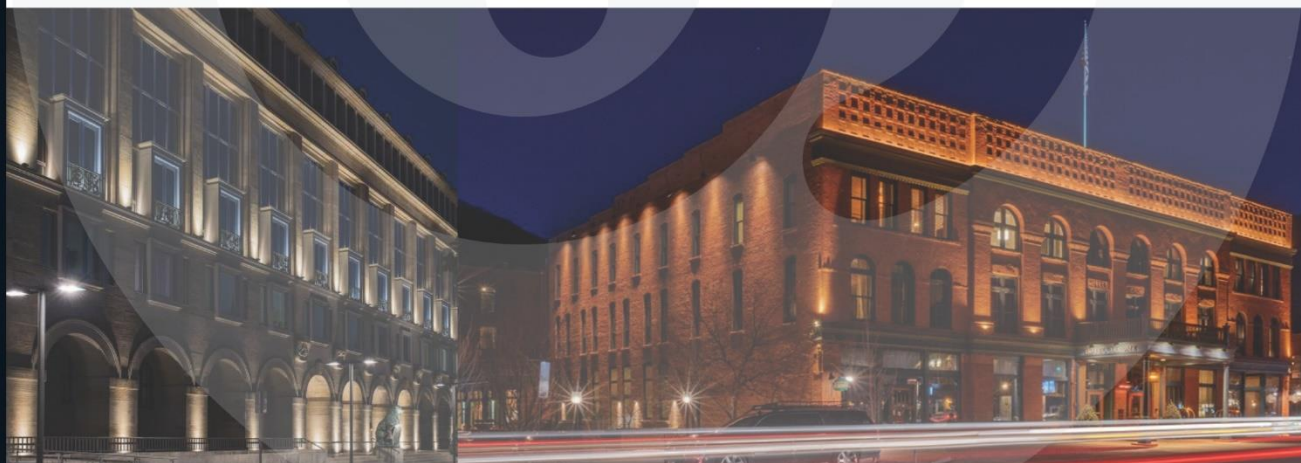
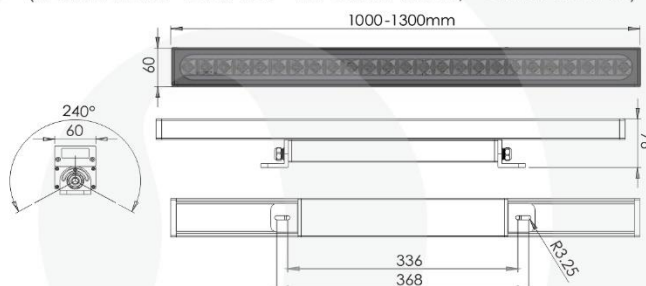
Sado | Model - S.UL325



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL325-48w	50Lm/w	2700k-6500k	2400Lm	≥80	AC 90-295V/50/60HZ	1000*60*79	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL325-60w	50Lm/w	2700k-6500k	3000Lm	≥80	AC 90-305V/50/60HZ	1000*60*79	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL325-100w	50Lm/w	2700k-6500k	5000Lm	≥80	AC 90-305V/50/60HZ	1300*60*79	≥0,98	(-25° đến 60°)

LED UNDERGROUND LIGHT

CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT
CITISYS GROUP



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

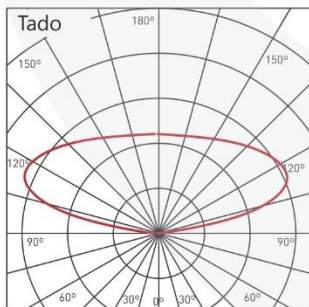
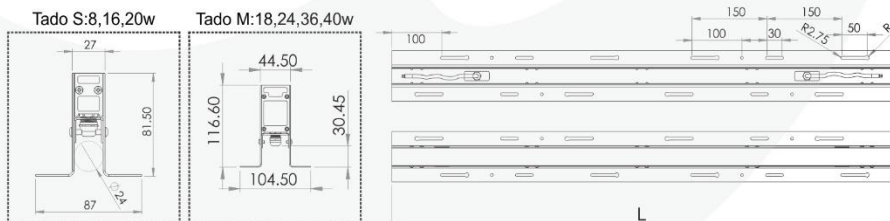
APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...

Tado | Model - S.UL326



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)


THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL326-8,16,20w	80Lm/w	2700k-6500k	640,1280,1600Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	600*27*81.5	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL326-18w	80Lm/w	2700k-6500k	1440Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	1000*44.5*116	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL326-24w	80Lm/w	2700k-6500k	1920Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	1000*44.5*116	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL326-36w	80Lm/w	2700k-6500k	2880Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	1000*44.5*116	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL326-40w	80Lm/w	2700k-6500k	3200Lm	≥80	AC 90-305V,50/60HZ	1000*44.5*116	≥0,98	(-25° đến 60°)



CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT

Gado | Model - S.UL327



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

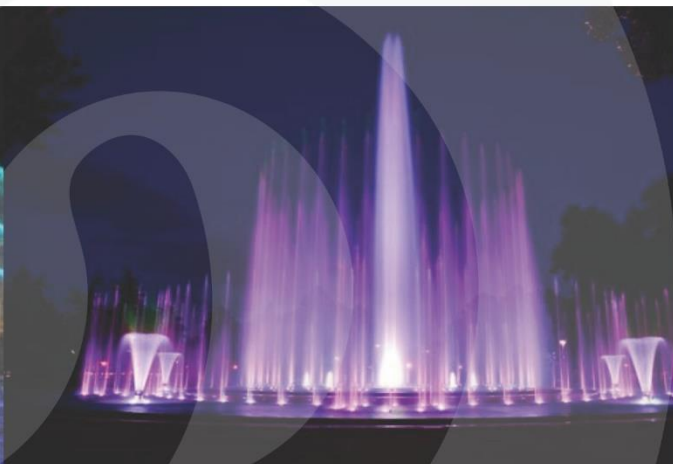
- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

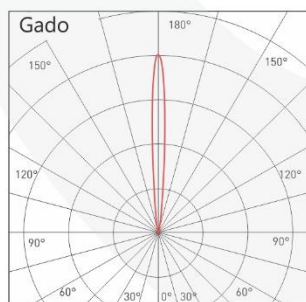
- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

APPLICATION RANGE

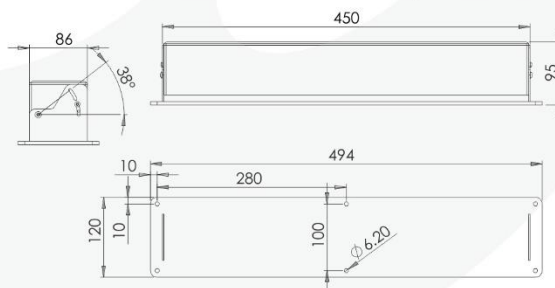
- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL327-12x1w	80Lm/w	2700k-6500k	960Lm	≥80	AC 90-295V/50/60HZ	450*95*86	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL327-12x3w	80Lm/w	2700k-6500k	2880Lm	≥80	AC 90-305V/50/60HZ	494*120*86	≥0,98	(-25° đến 60°)



IP 66-68

IK 08-10



RoHS



CitiSys | LED UNDERGROUND LIGHT

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP68 và IK08
- * Sử dụng Chip LED Lumileds
- * Driver hiệu suất cao
- * Giảm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, và hoạt động
- * Tấm thấu kính được làm từ vật liệu chuyên dụng

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using Lumileds LED Chips
- * High efficiency Driver
- * Reduce maintenance costs and operating costs
- * This lens is made from specialized material

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Sân vườn, Công viên
- * Quảng trường, Kiến trúc nhà ở
- * Hồ nước, Đài phun nước
- * Chiếu sáng nghệ thuật
- * Phòng tập gym, hầm giữ xe...

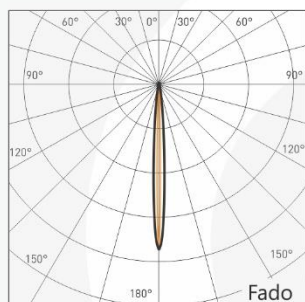
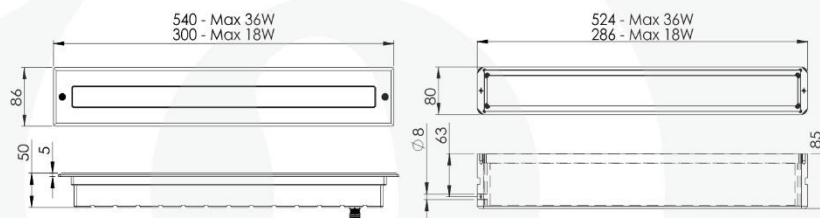
APPLICATION RANGE

- * Garden, Park
- * Square, Housing architecture
- * Lake, Fountain
- * Artistic lighting
- * Gym, underground parking...

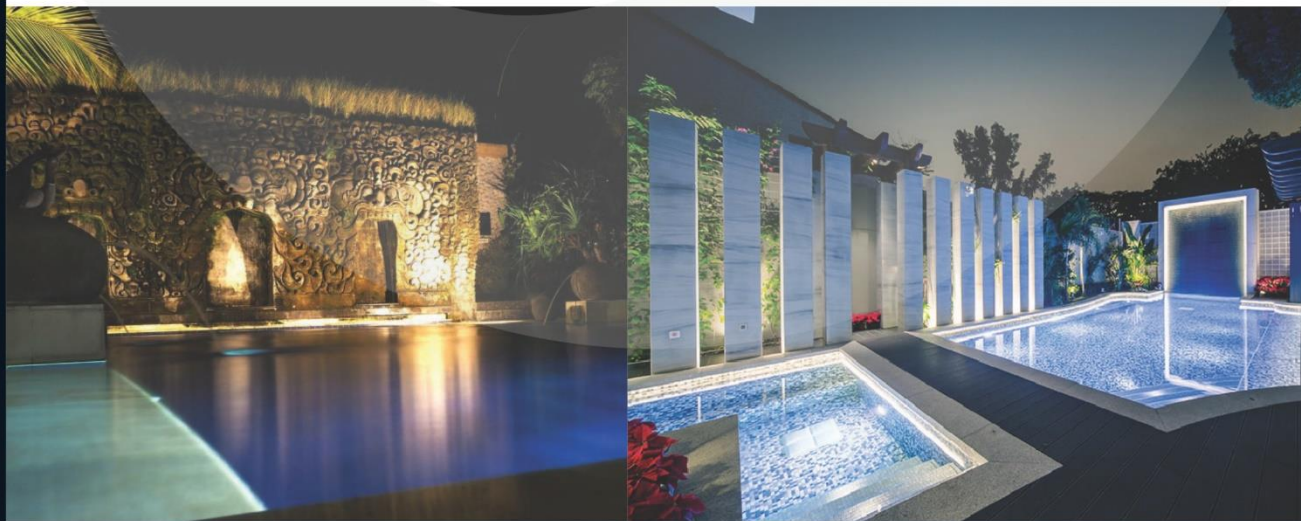
Fado | Model - S.UL328



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
S.UL328(6Led)-18w	100Lm/w	2700k-6500k	1800Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	286*80*50	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL328(6Led)-36w	100Lm/w	2700k-6500k	3600Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	524*80*50	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL328(12Led)-18w	100Lm/w	2700k-6500k	1800Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	300*86*50	≥0,98	(-25° đến 60°)
S.UL328(12Led)-36w	100Lm/w	2700k-6500k	3600Lm	≥80	AC 90-295V,50/60HZ	540*86*50	≥0,98	(-25° đến 60°)





ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRICS



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68



IK 08-10



PLUS



CE



RoHS

SMART LIGHTING



CitiSys | SMART LIGHTING

Razi | Model - S.ML401



Bộ điều khiển ánh sáng phong phú về tính năng đã được thiết kế để cung cấp giải pháp điều khiển cho các dự án đòi hỏi khắt khe nhất, đồng thời duy trì bằng điều khiển dễ sử dụng với các nút cảm ứng nhạy bén. Bộ điều khiển tích hợp màn hình màu đồ họa cho phép hiển thị ảnh cảnh. Dễ dàng xem khu vực, tên cảnh và thiết kế đã chọn mà không cần phải điều hướng qua các menu phức tạp. Thay đổi tốc độ, màu sắc và độ mờ bằng bảng màu tròn. Các mức độ ánh sáng, màu sắc và hiệu ứng có thể được lập trình từ PC, Mac, Android, iPad hoặc iPhone bằng phần mềm đi kèm.

Feature-rich lighting controls designed to provide control solution for the most demanding projects, while maintaining the board Easy-to-use controls with responsive touch buttons. Controller integrated screen Color graphics allow scene images to be displayed. Easily view area, scene name and selected design without having to navigate through complicated menus. Change speed, color and opacity using a circular palette. The levels of light, color and Effects can be programmed from PC, Mac, Android, iPad or iPhone using the included soft.

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Thiết kế bằng kính đẹp mắt, cách tường 11mm
- * Màn hình màu đồ họa để hiển thị môi trường đã chọn
- * Bảng màu / độ mờ / tốc độ • Trộn nhiệt độ màu
- * Các nút bấm nhạy. Không có bộ phận cơ khí
- * Bánh xe cảm ứng nhạy cho phép lựa chọn màu sắc chính xác
- * Bộ nhớ microSD đa vùng
- * Điều khiển đa phòng với 500 cảnh, 10 vùng
- * 1024 kênh DMX. Điều khiển đồ đặc 340 RGB
- * Kết nối USB & Ethernet để lập trình và điều khiển
- * RS232, Cổng tiếp xúc khô và cổng đầu vào Hồng ngoại
- * Đồng hồ và lịch có kích hoạt Bình minh / Hoàng hôn
- * Giao tiếp mạng. Điều khiển ánh sáng từ xa
- * Danh mục các thiết kế bao gồm kính đen và trắng
- * Tùy chỉnh OEM của bảng màu và logo
- * Phần mềm Windows / Mac để đặt màu sắc / hiệu ứng động
- * Ứng dụng lập trình và điều khiển từ xa và điều khiển iPhone / iPad / Android

PRODUCT FEATURES

- * Beautiful glass design, 11mm from the wall
- * Graphical color display to show selected environment
- * Palette / opacity / speed • Color temperature mixing
- * Sensitive buttons. No mechanical parts
- * Sensitive touch wheel for precise color selection
- * Multi-zone microSD memory
- * Multi-room control with 500 scenes, 10 zones
- * 1024 DMX channels. 340 RGB . Furniture Control
- * USB & Ethernet connectivity for programming and control
- * RS232, Dry contact port and Infrared input port
- * Clock and calendar with Sunrise/Sunset activation
- * Network communication. Remote lighting control
- * Design portfolio includes black and white glasses
- * OEM customization of color palette and logo
- * Windows/Mac software to set colors/animate effects
- * Application programming and remote control and control iPhone / iPad / Android

Tên sản phẩm : Razi - S.UL328	Model : Razi - S.UL328
Công suất đầu vào : 6-7V DC 0,6A	Input power : 6-7V DC 0.6A
Giao thức đầu ra : DMX512 (x2)	Output Protocol : DMX512 (x2)
Khả năng lập trình : PC, Mac, Máy tính bảng, Điện thoại thông minh	Programmability : PC, Mac, Tablet, Smartphone
Màu sắc có sẵn : Đen trắng	Available colors : Black and white
Kết nối : USB, Ethernet, RS232, Đồng hồ, 8 cổng tiếp xúc khô, Rơ le đầu ra 5v	Connections : USB, Ethernet, RS232, Meter, 8 dry contact ports, 5v output relay
Ki niệmmicro : SD (Tối đa 32Gb)	Memory micro : SD (Up to 32Gb)
Nhiệt độ pin : -10 ° C đến 45 ° C LIR2032	Battery temperature : -10 ° C to 45 ° C LIR2032
Gắn : Ổ cắm tường đơn hoặc đôi	Mounting : Single or double wall socket
Kích thước : 146x106x11mm	Dimensions : 146x106x11mm
Trọng lượng : 247g	Weight : 247g
Tiêu chuẩn : EC, EMC, ROHS, ETL	Standards : EC, EMC, ROHS, ETL



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



RoHS

SMART LIGHTING



CitiSys | SMART LIGHTING

Lazi | Model - S. ML402



Kiểm soát | Hệ thống chiếu sáng điều khiển phương tiện & thông minh

Control | Vehicle control & intelligent lighting system

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Hình dạng mới cho nhiều hiệu ứng.
- * Bộ lọc / FX mới : Kính vạn hoa 6x, 8x và 12x.
- * Tính năng mới : Nhóm lịch thi đấu.
- * Tính năng mới : Bộ truy tìm tham số hiệu ứng cho các lớp.
- * Các cải tiến khác nhau cho Danh sách Cue, Cài đặt bản đồ, Điều khiển từ xa.
- * Nhiều cải tiến quy trình làm việc.
- * Nhiều tính năng mới và cải tiến khác.
- * HMI cảm ứng
- * Số cổng tối đa: 256 cổng
- * Phần mềm : Madrix

PRODUCT FEATURES

- * New shapes for many effects.
- * New Filters/FX: 6x, 8x and 12x Kaleidoscopes.
- * New feature: Group schedule of matches.
- * New feature: Effect parameter tracer for layers.
- * Various improvements to Cue List, Map Settings, Remote Control.
- * Many workflow improvements.
- * Many other new and improved features.
- * HMI touch
- * Maximum number of ports: 256 ports
- * Software: Madrix



Tên sản phẩm : Lazi - S.UL329	Model : Lazi - S.UL329
Kích thước màn hình : 19"	Screen size : 19"
Độ phân giải : 1280x1024	Resolution : 1280x1024
Tốc độ tối đa : 8 GB	Maximum speed : 8 GB
Ổ cứng : SSD - 100GB	Hard Drive : SSD - 100GB
Bản quyền phần mềm : Madrix	Software license : Madrix
Chất liệu : Thép / Nhôm	Material : Steel / aluminum
Kích thước (WxHxD) : 495 mm x 384 mm x 90 mm	Dimensions (WxHxD) : 495 mm x 384 mm x 90 mm
Giao diện người dùng : Cảm ứng HMI	User Interface : HMI . Touch
Số cổng tối đa : 256 cổng	Maximum number of ports : 256 ports



ROADS & MOTOR WAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRICS



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68

IK 08-10



RoHS

SMART LIGHTING



CitiSys | SMART LIGHTING

Fazi | Model - S.ML403

Bộ giải mã DMX 3 Kênh là bộ giải mã DMX512 RGB; mất 3 địa chỉ (3 kênh) trong bảng 512 địa chỉ (512 kênh) để che 3 đèn LED trình điều khiển PWM với điện áp không đổi, lấy địa chỉ bằng phần cứng chuyển mạch. Chế độ thay đổi màu sắc điều khiển bằng điều khiển màn hình phần cứng hoặc bàn điều khiển. Bộ giải mã địa chỉ được cài đặt bởi nút kích hoạt 10.

The Decoder DMX 3 Channels is decoder DMX512 RGB; it take 3 address (3 channel) in table 512 address (512 channels) to cover 3 PWM driver LED with constant voltage , take address by switch hardware. Mode changing color control by hardware monitor control or console. Address decoder installed by actuating button 10.

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Tín hiệu đầu vào : DMX512
- * Điện áp đầu vào : 12-48VDC - 6A
- * RGB đầu ra tối đa : 6A / kênh x 3
- * Tín hiệu điều khiển : Tiêu chuẩn DMX512 -1990
- * Kiểm soát cực dương
- * Mức độ điều khiển : 0-255 (hình parabol 16-bit PWM).
- * Thiết lập địa chỉ bằng nút kích hoạt.
- * Kích thước : W66mm x L84mm x H30mm
- * Trọng lượng : 23 gram
- * Nhiệt độ làm việc : -30 ° C đến 55 ° C
- * Đầu ra : 3 kênh PWM
- * Đối với phạm vi làm mờ : 0-100%
- * SỰ BẢO VỆ
- 1. Inrush hiện tại
- 2. Sock Năng lượng
- 3. Cách ly 2KV
- * ĐIỀU KHIỂN
- 1. Điện áp không đổi
- 2. Đường cong
- 3. 16bits

PRODUCT FEATURES

- * Input signal : DMX512
- * Input voltage : 12-48VDC - 6A
- * RGB max output : 6A/channel x 3
- * Control signal : Standard DMX512 -1990
- * Control anode
- * Control level : 0-255 (16-bit PWM parabolic).
- * Set the address by trigger button
- * Dimensions : W66mm x L84mm x H30mm
- * Weight : 23 grams
- * Working temperature : -30 ° C to 55 ° C
- * Output : 3 channels PWM
- * For dimming range : 0-100%
- * PROTECTION
- 1. Inrush Current
- 2. Sock Energy
- 3. Isolation 2KV
- * CONTROL
- 1. Constant Voltage
- 2. Curve
- 3. 16bits

Tên sản phẩm : Fazi - S.UL330	Model : Fazi - S.UL330
Điện áp đầu vào : 12-48VDC	Input voltage : 12-48VDC
Số kênh : 3	Number of channels : 3
Nhập trình điều khiển : Điện áp không đổi	Enter driver : Constant voltage
Tín hiệu đầu vào : DMX512	Input signal : DMX512
Công suất đầu ra : 6A / Ch	Output power : 6A / Ch
Điều khiển : 1, Đường cong; 2, 16bits	Control : 1, Curve; 2, 16bits
Sự bảo vệ : 1, Dòng điện xâm nhập; 2, Sock Năng lượng; 3, cách ly 2KV	Protection : 1, Inrush current; 2, Energy Sock; 3, 2KV . isolation
Bảo vệ IP : IP20	IP protection : IP20



ROADS & MOTORWAYS



URBAN & RESIDENTIAL STREETS



HOUSE & GARDEN



RAILWAY STATIONS & METRO



BRIDGES



HARBOR



CAR PARKING



LARGE AREAS & STADIUM



AIRPORT



IP 66-68



IK 08-10



PLUS



CE



RoHS

SMART LIGHTING



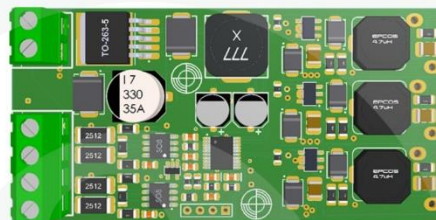
CitiSys | SMART LIGHTING

Gazi | Model - S.ML404



Mạch điều khiển | Bộ giải mã DMX512

Control circuit | DMX512 . Decoder



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Tín hiệu đầu vào : DMX512
- * Điện áp đầu vào : 12-48VDC - 6A
- * RGB đầu ra tối đa : 6A / kênh x 3
- * Tín hiệu điều khiển : Tiêu chuẩn DMX512 -1990
- * Kiểm soát cực dương
- * Mức độ điều khiển : 0-255 (hình parabol 16-bit PWM).
- * Thiết lập địa chỉ bằng nút kích hoạt.
- * Kích thước : W60mm x L80mm x H26mm
- * Trọng lượng : 23 gram
- * Nhiệt độ làm việc : -30 ° C đến 55 ° C
- * Đầu ra : 3 kênh PWM
- * Đối với phạm vi làm mờ : 0-100%
- * SỰ BẢO VỆ
 1. Inrush hiện tại
 2. Sock Năng lượng
 3. Cách ly 2KV
- * ĐIỀU KHIỂN
 1. Điện áp không đổi
 2. Đường cong
 3. 16bits

PRODUCT FEATURES

- * Input signal : DMX512
- * Input voltage : 12-48VDC - 6A
- * RGB max output : 6A/channel x 3
- * Control signal : Standard DMX512 -1990
- * Control anode
- * Control level : 0-255 (16-bit PWM parabolic).
- * Set the address by trigger button
- * Dimensions : W60mm x L80mm x H26mm
- * Weight : 23 grams
- * Working temperature : -30 ° C to 55 ° C
- * Output : 3 channels PWM
- * For dimming range : 0-100%
- * PROTECTION
 1. Inrush Current
 2. Sock Energy
 3. Isolation 2KV
- * CONTROL
 1. Constant Voltage
 2. Curve
 3. 16bits

Tên sản phẩm : Gazi - S.UL331	Model : Gazi - S.UL331
Điện áp đầu vào : 12-60VDC	Input voltage : 12-60VDC
Số kênh : 3	Number of channels : 3
Nhập trình điều khiển : Dòng điện không đổi (Cấu trúc liên kết Buck) Cực dương chung	Enter driver : Constant Current (Buck Topology) Common Anode
Tín hiệu đầu vào : DMX512	Input signal : DMX512
Công suất đầu ra : đặt dòng điện (350mA, 500mA, 700mA, 1200mA)	Output power : set current (350mA, 500mA, 700mA, 1200mA)
Điều khiển : 1, Đường cong; 2, 16bits	Control : 1, Curve; 2, 16bits
Sự bảo vệ : 1, Dòng điện xâm nhập; 2, Sock Năng lượng; 3, cách ly 2KV	Protection : 1, Inrush current; 2, Energy Sock; 3, 2KV . isolation
Bảo vệ IP : IP20	IP protection : IP20

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66 và IK08
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Tuổi thọ > 50.000h
- * Tắm năng lượng mặt trời:
 - + Công nghệ: Mono-crystalline
 - + Điện áp danh định: 18V
 - + Tuổi thọ danh định: > 20 năm
- * Pin lưu trữ:
 - + Công nghệ: Lithium LifeP04
 - + Dung lượng danh định: 60Ah
 - + Điện áp danh định: 12.8V
 - + Năng lượng lưu trữ: 768Wh
 - + Tuổi thọ danh định: > 10 năm

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Lifetime > 50,000h
- * Solar panels:
 - + Technology: Mono-crystalline
 - + Nominal voltage: 18V
 - + Nominal lifetime: > 20 years
- * Battery:
 - + Technology: Lithium LifeP04
 - + Nominal capacity: 60Ah
 - + Nominal voltage: 12.8V
 - + Energy storage: 768Wh
 - + Nominal lifetime: > 10 years

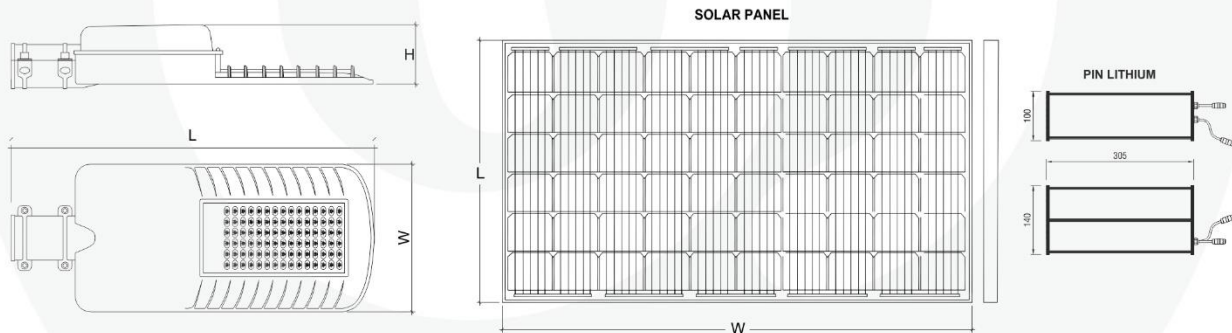
Model - SNL801



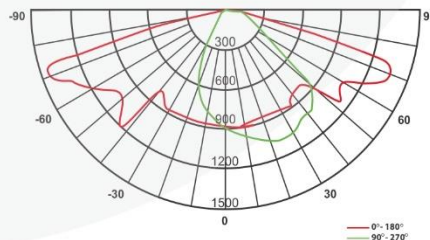
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh
- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

APPLICATION RANGE

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

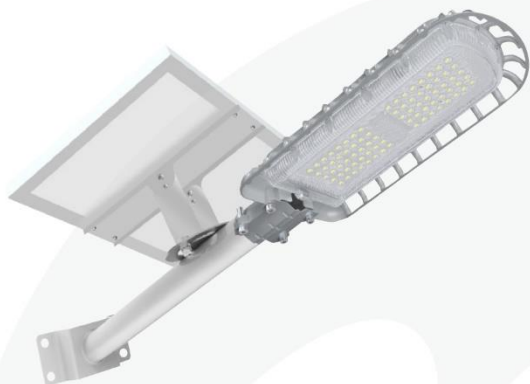


Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SNL801 30w-150w	110Lm/w	3000k-7000k	3300Lm-16500Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	L*W*H	≥0,95	(-25° đến 60°)

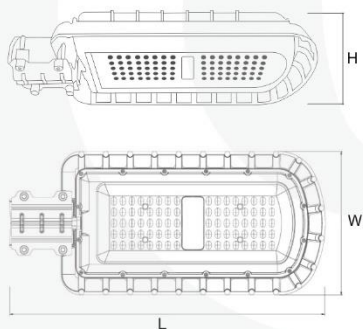
SOLAR LED LIGHT

CitiSys | SOLAR LED LIGHT
CITISYS GROUP

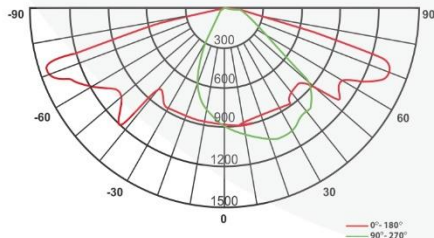
Model - SNL802



THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66 và IK08
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Tuổi thọ > 50.000h
- * Tấm năng lượng mặt trời:
 - + Công nghệ: Mono-crystalline
 - + Điện áp danh định: 18V
 - + Tuổi thọ danh định: > 20 năm
- * Pin lưu trữ:
 - + Công nghệ: Lithium LifeP04
 - + Dung lượng danh định: 60Ah
 - + Điện áp danh định: 12.8V
 - + Năng lượng lưu trữ: 768Wh
 - + Tuổi thọ danh định: > 10 năm

PRODUCT FEATURES

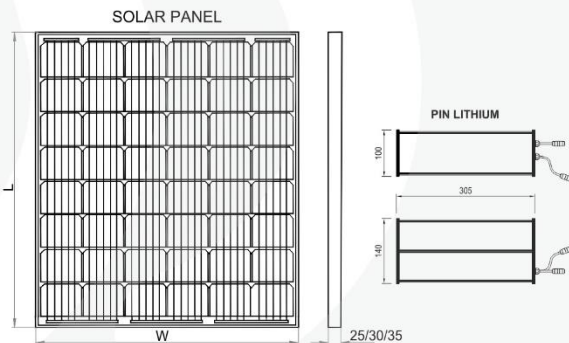
- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Lifetime > 50,000h
- * Solar panels:
 - + Technology: Mono-crystalline
 - + Nominal voltage: 18V
 - + Nominal lifetime: > 20 years
- * Battery:
 - + Technology: Lithium LifeP04
 - + Nominal capacity: 60Ah
 - + Nominal voltage: 12.8V
 - + Energy storage: 768Wh
 - + Nominal lifetime: > 10 years

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option



(Hình ảnh và kích thước chỉ mang tính chất tham khảo
Pictures and dimensions are for reference only)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SNL802 30w-150w	110Lm/w	3000k-7000k	3300Lm-16500Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	L*W*H	≥0,95	(-25° đến 60°)

SOLAR LED LIGHT

CitiSys | SOLAR LED LIGHT
CITISYS GROUP

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66 và IK08
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Tuổi thọ > 50.000h
- * Tấm năng lượng mặt trời:
 - + Công nghệ: Mono-crystalline
 - + Điện áp danh định: 18V
 - + Tuổi thọ danh định: > 20 năm
- * Pin lưu trữ:
 - + Công nghệ: Lithium LifeP04
 - + Dung lượng danh định: 60Ah
 - + Điện áp danh định: 12.8V
 - + Năng lượng lưu trữ: 768Wh
 - + Tuổi thọ danh định: > 10 năm

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Lifetime > 50,000h
- * Solar panels:
 - + Technology: Mono-crystalline
 - + Nominal voltage: 18V
 - + Nominal lifetime: > 20 years
- * Battery:
 - + Technology: Lithium LifeP04
 - + Nominal capacity: 60Ah
 - + Nominal voltage: 12.8V
 - + Energy storage: 768Wh
 - + Nominal lifetime: > 10 years

Model - SNL803

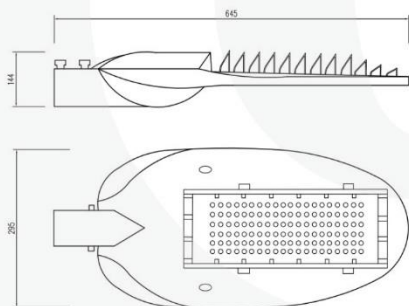


PHẠM VI ỨNG DỤNG

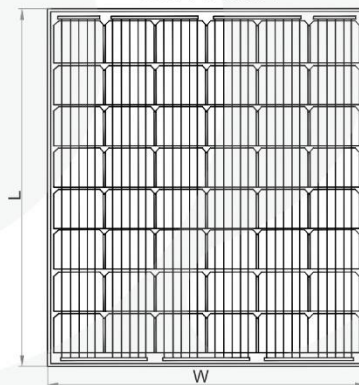
- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

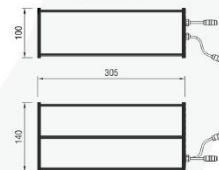
- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


SOLAR PANEL



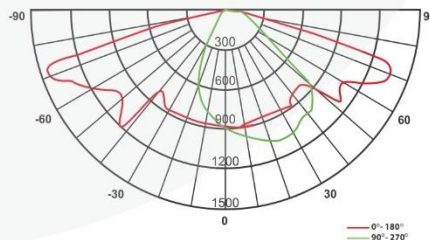
PIN LITHIUM



25/30/35



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SNL803 30w-150w	110Lm/w	3000k-7000k	3300Lm-16500Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	645*295*144	≥0,95	(-25° đến 60°)



IP 66-68

IK 08-10



RoHS



CitiSys | SOLAR LED LIGHT

Model - SNL804



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

PRODUCT FEATURES

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66 và IK08
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Tuổi thọ > 50.000h
- * Tấm năng lượng mặt trời:
 - + Công nghệ: Mono-crystalline
 - + Điện áp danh định: 18V
 - + Tuổi thọ danh định: > 20 năm
- * Pin lưu trữ:
 - + Công nghệ: Lithium LifeP04
 - + Dung lượng danh định: 60Ah
 - + Điện áp danh định: 12.8V
 - + Năng lượng lưu trữ: 768Wh
 - + Tuổi thọ danh định: > 10 năm

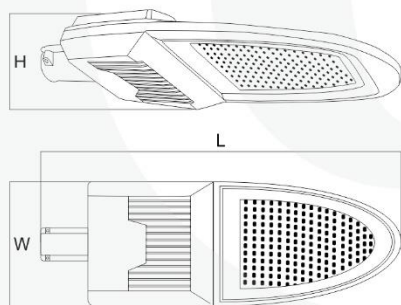
- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Lifetime > 50,000h
- * Solar panels:
 - + Technology: Mono-crystalline
 - + Nominal voltage: 18V
 - + Nominal lifetime: > 20 years
- * Battery:
 - + Technology: Lithium LifeP04
 - + Nominal capacity: 60Ah
 - + Nominal voltage: 12.8V
 - + Energy storage: 768Wh
 - + Nominal lifetime: > 10 years

PHẠM VI ỨNG DỤNG

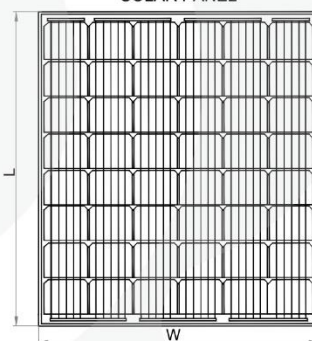
APPLICATION RANGE

- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

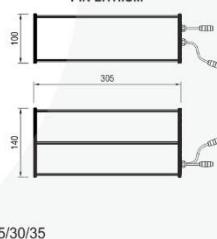
- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)

SOLAR PANEL



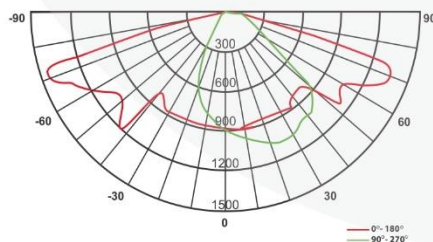
PIN LITHIUM



25/30/35

(Hình ảnh và kích thước chỉ mang tính chất tham khảo
Pictures and dimensions are for reference only)

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SNL804 30w-150w	110Lm/w	3000k-7000k	3300Lm-16500Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	L*W*H	≥0,95	(-25° đến 60°)

SOLAR LED LIGHT

CitiSys | SOLAR LED LIGHT
CITISYS GROUP

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66 và IK08
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Tấm Pin NLMT: Monocrystalline
- * PIN Lithium LiFePO4: 6.4 - 12.8V | 45 - 105 (±5)Ah - 672wh
- * Hiệu suất tấm pin: ≥ 22%
- * Tuổi thọ tấm pin: > 25 năm
- * Điện áp mạch mở (Voc): 21V
- * Dòng điện tối đa (Imp): 8A
- * Thời gian sạc: 4 giờ - 6 giờ
- * Tuổi thọ > 50.000h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Solar panels: Monocrystalline
- * Lithium LiFePO4 BATTERY: 6.4 - 12.8V | 45 - 105(±5)Ah - 672wh
- * Panel efficiency: ≥ 22%
- * Battery life: > 25 years
- * Open circuit voltage (Voc): 21V
- * Maximum current (Imp): 8A
- * Charging time: 4 hours - 6 hours
- * Lifetime > 50,000h

Model - SNL805

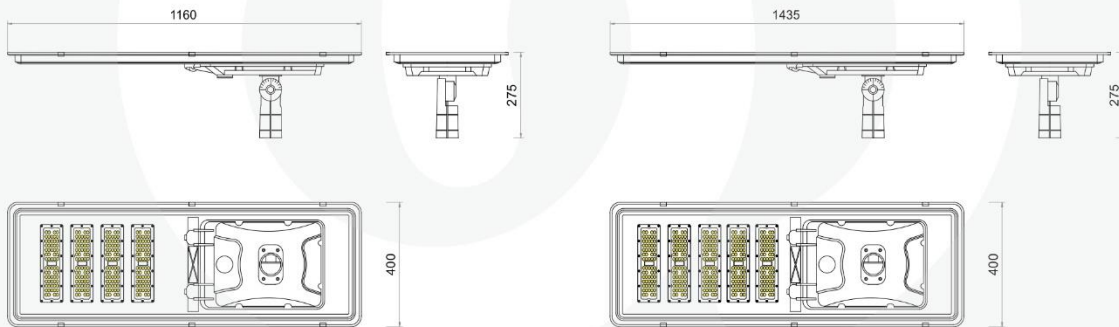


PHẠM VI ỨNG DỤNG

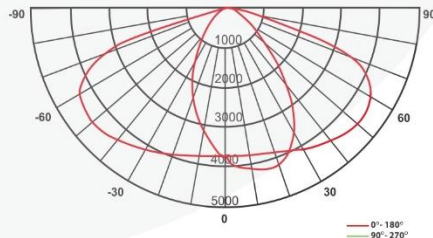
- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)

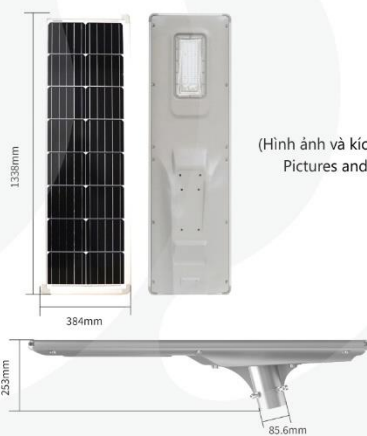


Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SNL805 30w-100w	110Lm/w	3000k-7000k	3300-11000Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	1160*400*275	≥0,95	(-25° đến 60°)
SNL805 100w-200w	110Lm/w	3000k-7000k	11000-22000Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	1435*400*275	≥0,95	(-25° đến 60°)

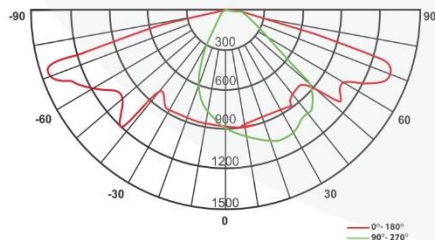


CitiSys | SOLAR LED LIGHT

Model - SNL806

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHNICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)(Hình ảnh và kích thước chỉ mang tính chất tham khảo
Pictures and dimensions are for reference only)

QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66 và IK08
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Tấm Pin NLMT: Monocrystalline
- * PIN Lithium LiFePO4: 6.4 - 12.8V | 45 - 105 (±5)Ah - 672wh
- * Hiệu suất tấm pin: ≥ 22%
- * Tuổi thọ tấm pin: > 25 năm
- * Điện áp mạch mở (Voc): 21V
- * Dòng điện tối đa (Imp): 8A
- * Thời gian sạc: 4 giờ - 6 giờ
- * Tuổi thọ > 50.000h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Solar panels: Monocrystalline
- * Lithium LiFePO4 BATTERY: 6.4 - 12.8V | 45 - 105(±5)Ah - 672wh
- * Panel efficiency: ≥ 22%
- * Battery life: > 25 years
- * Open circuit voltage (Voc): 21V
- * Maximum current (Imp): 8A
- * Charging time: 4 hours - 6 hours
- * Lifetime > 50,000h

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SNL806 30w-120w	110Lm/w	3000k-7000k	3300-13200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	1042*384*229	≥0,95	(-25° đến 60°)
SNL806 130w-240w	110Lm/w	3000k-7000k	14300-26400Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	1338*384*253	≥0,95	(-25° đến 60°)



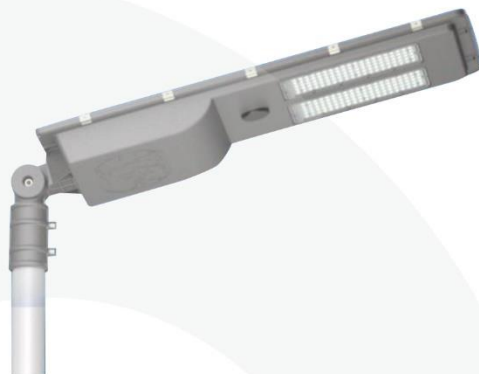
TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Đa dạng công suất
- * Hiệu suất ánh sáng cao
- * Góc chiếu sáng rộng
- * Hệ thống tản nhiệt tốt
- * Dễ dàng lắp đặt, bảo trì
- * IP66 và IK08
- * Sử dụng công nghệ module LED SMD siêu sáng (High Power)
- * Tấm Pin NLMT: Monocrystalline
- * PIN Lithium LiFePO4: 6.4 - 12.8V | 45 - 105 (±5)Ah - 672wh
- * Hiệu suất tấm pin: ≥ 22%
- * Tuổi thọ tấm pin: > 25 năm
- * Điện áp mạch mở (Voc): 21V
- * Dòng điện tối đa (Imp): 8A
- * Thời gian sạc: 4 giờ - 6 giờ
- * Tuổi thọ > 50.000h

PRODUCT FEATURES

- * Multiple power
- * High luminous efficiency
- * Wide beam angle
- * Good heat dissipation system
- * Easy to install and maintain
- * IP66 and IK08
- * Using LED module technology Super Bright SMD (High Power)
- * Solar panels: Monocrystalline
- * Lithium LiFePO4 BATTERY: 6.4 - 12.8V | 45 - 105(±5)Ah - 672wh
- * Panel efficiency: ≥ 22%
- * Battery life: > 25 years
- * Open circuit voltage (Voc): 21V
- * Maximum current (Imp): 8A
- * Charging time: 4 hours - 6 hours
- * Lifetime > 50,000h

Model - SNL807

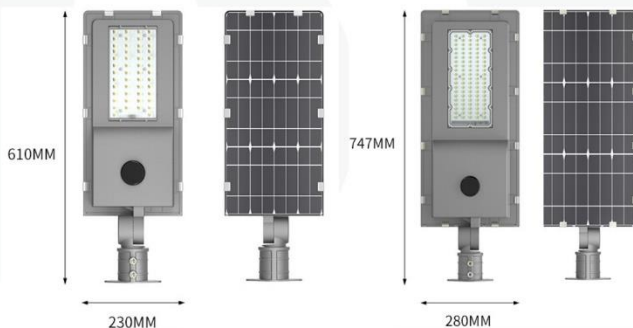
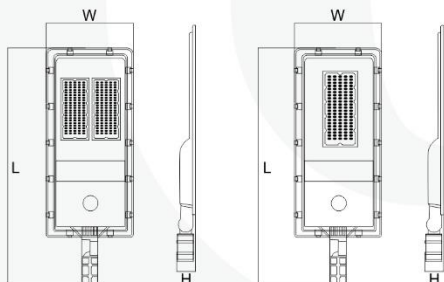


PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn, Quảng trường
- * Đại lộ, Đường đô thị, Cầu đường bộ
- * Sân bay, Đường cao tốc, Bến cảng
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ, Công viên
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden, Square
- * Boulevard, Urban Street, Bridges
- * Airport, Highway, Harbor
- * Car Park, Walkway, Park
- * Smart city option

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU
(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)


Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SNL807 30w-80w	110Lm/w	3000k-7000k	3300Lm-8800Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	610*230*80	≥0,95	(-25° đến 60°)
SNL807 90w-150w	110Lm/w	3000k-7000k	9900Lm-16500Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	747*280*80	≥0,95	(-25° đến 60°)
SNL807 160w-240w	110Lm/w	3000k-7000k	17600Lm-26400Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	1045*390*95	≥0,95	(-25° đến 60°)

LED Module

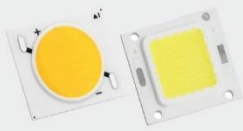


IP 66-68

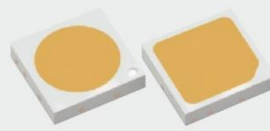
IK 08-10



RoHS



LUMICITY
LUMILEDS
OSRAM
PHILIPS
@iti-Electronic

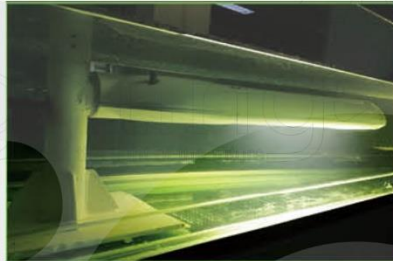


LUMICITY
LUMILEDS
CREE
OSRAM
NICHIA
PHILIPS
@iti-Electronic

Chips LED với hiệu suất và chất lượng ánh sáng vượt trội. Không có chất hàn eutectic tránh nguy cơ bị hỏng và mang lại hiệu quả ánh sáng tốt nhất cho bộ đèn.

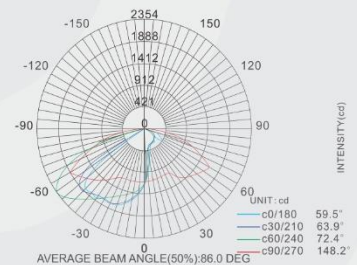
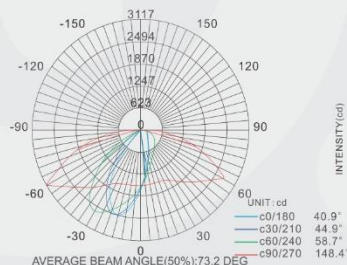
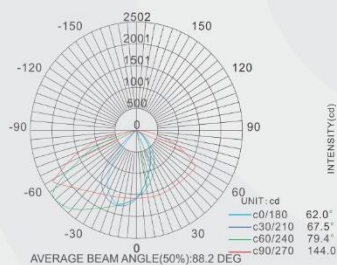


LED chips with high luminous efficiency and high light quality. No eutectic solder avoid the risk of damage and bring the best luminous efficiency for the luminaire.

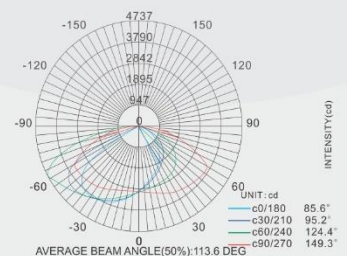
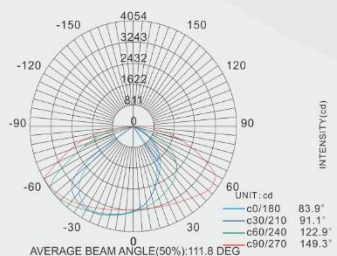


Quang trắc tham khảo, lựa chọn (Photometric reference, selection)

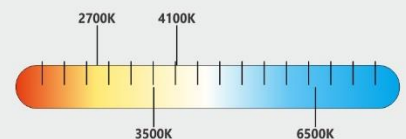
3030 TYPE



5050 TYPE



Nhiều màu sắc có sẵn theo tùy chọn
Multiple-choice colors of light



LED Module



IP 66-68 IK 08-10



RoHS



Mã hiệu Model	CT-M01
Công suất Power	30W-70W
Hiệu suất phát quang Light Efficacy	100lm-150lm/W
Điện áp đầu vào Input Voltage	42-48V
Chỉ số hiển thị màu Color Rendering	Ra70÷Ra80
Chip LED LED Chips	3030/5050
Kích thước Module Module Size	298*70*47mm
Góc chùm Beam Angle	80°150° 45°135° 30° 60° 90°

Mã hiệu Model	CT-M02
Công suất Power	30W-70W
Hiệu suất phát quang Light Efficacy	100lm-150lm/W
Điện áp đầu vào Input Voltage	42-48V
Chỉ số hiển thị màu Color Rendering	Ra70÷Ra80
Chip LED LED Chips	3030/5050
Kích thước Module Module Size	298*70*47mm 298*70*33mm
Góc chùm Beam Angle	80°150° 45°135° 30° 60° 90°

Mã hiệu Model	CT-M03
Công suất Power	30W-70W
Hiệu suất phát quang Light Efficacy	100lm-150lm/W
Điện áp đầu vào Input Voltage	42-48V
Chỉ số hiển thị màu Color Rendering	Ra70÷Ra80
Chip LED LED Chips	3030/5050
Kích thước Module Module Size	298*70*47mm
Góc chùm Beam Angle	80°150° 45°135° 30° 60° 90°



Mã hiệu Model	CT-M04
Công suất Power	30W-70W
Hiệu suất phát quang Light Efficacy	100lm-150lm/W
Điện áp đầu vào Input Voltage	42-48V
Chỉ số hiển thị màu Color Rendering	Ra70÷Ra80
Chip LED LED Chips	3030/5050
Kích thước Module Module Size	298*70*47mm 298*70*33mm
Góc chùm Beam Angle	80°150° 45°135° 30° 60° 90°

Mã hiệu Model	CT-M05
Công suất Power	30W-70W
Hiệu suất phát quang Light Efficacy	100lm-150lm/W
Điện áp đầu vào Input Voltage	42-48V
Chỉ số hiển thị màu Color Rendering	Ra70÷Ra80
Chip LED LED Chips	3030/5050
Kích thước Module Module Size	298*70*47mm
Góc chùm Beam Angle	80°150° 45°135° 30° 60° 90°

Mã hiệu Model	CT-M06
Công suất Power	30W-70W
Hiệu suất phát quang Light Efficacy	100lm-150lm/W
Điện áp đầu vào Input Voltage	42-48V
Chỉ số hiển thị màu Color Rendering	Ra70÷Ra80
Chip LED LED Chips	3030/5050
Kích thước Module Module Size	168*100*33mm
Góc chùm Beam Angle	80°150° 45°135° 30° 60° 90°



Mã hiệu Model	CT-M07
Công suất Power	30W-70W
Hiệu suất phát quang Light Efficacy	100lm-150lm/W
Điện áp đầu vào Input Voltage	42-48V
Chỉ số hiển thị màu Color Rendering	Ra70÷Ra80
Chip LED LED Chips	3030/5050
Kích thước Module Module Size	299*70*51mm
Góc chùm Beam Angle	80°150° 45°135° 30° 60° 90°

Mã hiệu Model	CT-M08
Công suất Power	30W-70W
Hiệu suất phát quang Light Efficacy	100lm-150lm/W
Điện áp đầu vào Input Voltage	42-48V
Chỉ số hiển thị màu Color Rendering	Ra70÷Ra80
Chip LED LED Chips	3030/5050
Kích thước Module Module Size	298*70*53mm
Góc chùm Beam Angle	80°150° 45°135° 30° 60° 90°

Mã hiệu Model	CT-M09
Công suất Power	30W-70W
Hiệu suất phát quang Light Efficacy	100lm-150lm/W
Điện áp đầu vào Input Voltage	42-48V
Chỉ số hiển thị màu Color Rendering	Ra70÷Ra80
Chip LED LED Chips	3030/5050
Kích thước Module Module Size	175*100*51mm
Góc chùm Beam Angle	80°150° 45°135° 30° 60° 90°

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHIP LED | TECHNICAL DATA CHIP LED
LUXEON 3030 2D Line
High flux, hot-color targeted 6V package

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHIP LED | TECHNICAL DATA CHIP LED
LUXEON 5050
High efficacy and lumens in a multi-die,
high power package, enabling low system costs.

No.LED	POWER (W)	Luminous flux of the luminaire(lm) 2700k-6500k
144	50	6750
	75	10125
	100	13500
	120	16200
192	75	10125
	100	13500
	120	16200
	150	20250
288	100	13500
	120	16200
	150	20250
	200	27000
384	180	24300
	200	27000
	220	29700
	250	33750

No.LED	POWER (W)	Luminous flux of the luminaire(lm) 2700k-6500k
56	50	6750
	75	10125
	100	13500
	120	16200
96	75	10125
	100	13500
	120	16200
	150	20250
128	100	13500
	120	16200
	150	20250
	200	27000
96	100	13500
	120	16200
	150	20250
	200	27000
144	180	24300
	200	27000
	220	29700
	250	33750
192	200	27000
	250	33750
	280	37800
	300	40500

CT-MD 01 - 220x50mm



CT-MD 02 - 215x50mm



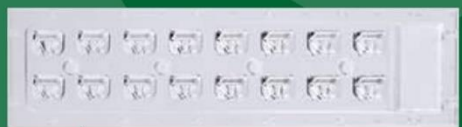
CT-MD 03 - 230x50mm



CT-MD 04 - 221x50mm

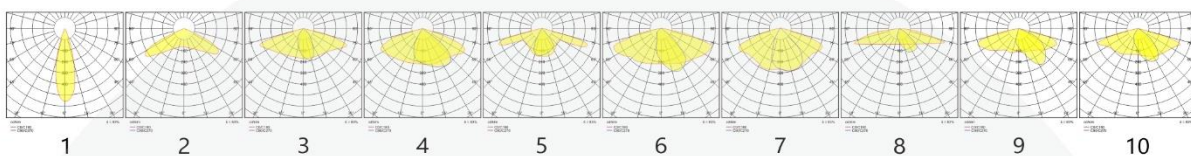


CT-MD 05 - 252x70mm

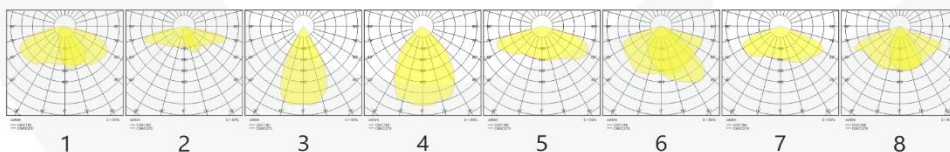


CT-MD 06 - 221x50mm





LOẠI TYPE	Phân phối ánh sáng Light Distribution	Phần số Part Number	Tên sản phẩm Product Name	Góc chùm (50%) Beam angle(50%)	Loại đèn LED LED Type	Kích thước (mm) Dimensions(mm)	Không đối xứng Đối xứng Asymmetrical Symmetrical	Độ rọi Độ sáng illuminance Brightness
V	1	CT-L01	4 in 1	30°	3030 5050	50*50	Symmetrical	illuminance
V-S	2	CT-L02		120°				
I-M	3	CT-L03		50°150°			Asymmetrical	Brightness
II-S	4	CT-L04		80°150°				
II-M	5	CT-L05		65°150°				
II-S	8	CT-L06	6 in 1	70°135°	3030			
II-S	9	CT-L07	8 in 1	70°135°				
V-S	6	CT-L08	6 in 1	70°135°	3030 5050		Symmetrical	illuminance
II-M	7	CT-L009		66°157°			Asymmetrical	Brightness



LOẠI TYPE	Phân phối ánh sáng Light Distribution	Phần số Part Number	Tên sản phẩm Product Name	Góc chùm (50%) Beam angle(50%)	Loại đèn LED LED Type	Kích thước (mm) Dimensions(mm)	Không đối xứng Đối xứng Asymmetrical Symmetrical	Độ rọi Độ sáng illuminance Brightness
II-M	1	CT-L10	12 in 1	65°150°	3030	50*50	Asymmetrical	Brightness
II-M	2	CT-L11	14 in 1	65°150°				
V-S	3	CT-L12		60°			Symmetrical	illuminance
V-S	4	CT-L13		90°				
III-M	5	CT-L14	12 in 1	70°140°			Asymmetrical	Brightness
V-M	8	CT-L15		165°			Symmetrical	illuminance
V-S	6	CT-L16		90°				
III-M	7	CT-L17		80°150°			Asymmetrical	Brightness



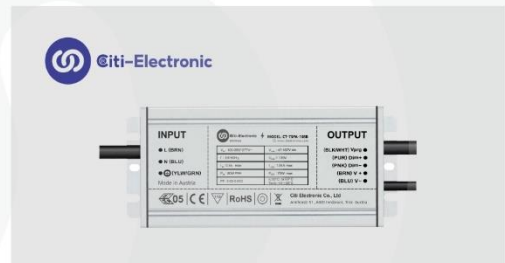
IP 66-68

IK 08-10



RoHS

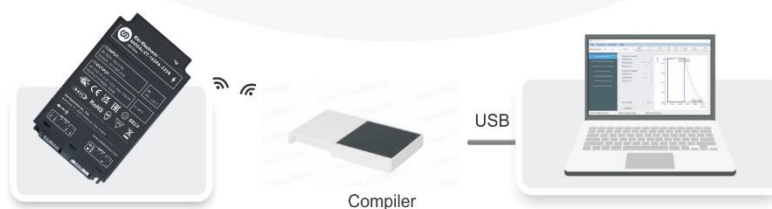
Dòng điện đơn | Single Current



Trình điều khiển Prog Dimmable | Prog Dimmable Driver



Sơ đồ kết nối lập trình NFC | NFC Programming connection diagram





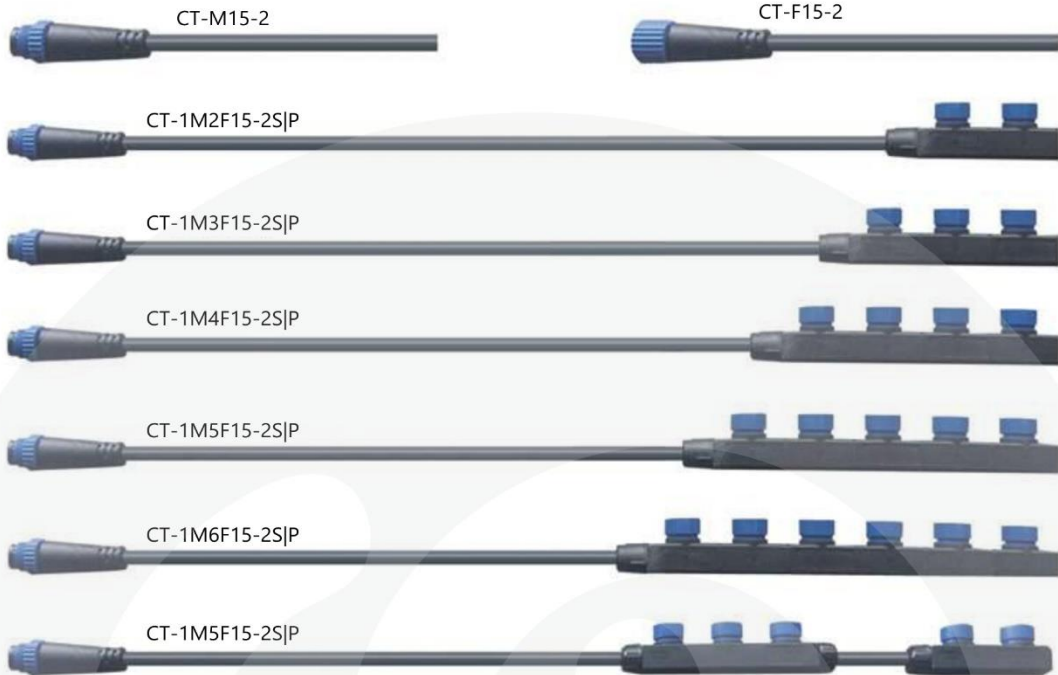
IP 66-68

IK 08-10



RoHS

Đầu nối chống thấm nước được đề xuất | Recommended Waterproof Connectors



Kiểu mẫu Model	Sự miêu tả Description
CT-M15-2	Đầu nối I68 cho 2 mô-đun song song và nối tiếp I68 connector for 2 modules both in parallel and in series
CT-F15-2	Đầu nối I68 cho 3 mô-đun song song và nối tiếp I68 connector for 3 modules both in parallel and in series
CT-1M2F15-2S P	Đầu nối I68 cho 4 mô-đun song song và nối tiếp I68 connector for 4 modules both in parallel and in series
CT-1M3F15-2S P	Đầu nối I68 cho 5 mô-đun song song và nối tiếp I68 connector for 5 modules both in parallel and in series
CT-1M4F15-2S P	Đầu nối I68 cho 6 mô-đun song song và nối tiếp I68 connector for 6 modules both in parallel and in series
CT-1M5F15-2S P	Đầu nối I68 cho 5 mô-đun song song và nối tiếp I68 connector for 5 modules both in parallel and in series

Thiết bị chống sét lan truyền (SPD) | Surge Protective Devices (SPD) Surge Protector





IP 66-68

IK 08-10



RoHS

**Thiết bị chống sét lan truyền**

Dòng xả tối đa (Imax) 10kA, 8 / 20us.

- Đáp ứng ANSI C 136.2 Mức nâng cao 10kV / 5kA, IEEE C622.41.2. Vị trí Loại C Phơi nhiễm thấp và MSSLC của Bộ Năng lượng Hoa Kỳ. Thông số mô hình.
- Công nghệ Varistor được đánh giá nhiệt độ.
- Tùy chọn SPD được kết nối song song và nối tiếp.
- Chống nước và chống bụi Ip66.

Surge Protection device

Maximum Discharge Current (Imax) 10kA, 8/20μs

- Meets ANSI C 136.2 Enhanced Level 10kV/5kA, IEEE C622.41.2. Location Category C Low Exposure and US Dept.of Energy MSSLC Model Spec.
- Thermally protected Varistor technology.
- Parallel and Series Connected SPD Options.
- Ip66 Water-proof and Dust-proof.

**Bộ điều khiển trung tâm**

QCVN : 12:2005/ BTTTT, QCVN : 15:2015/BTTTT
QCVN : 86:2019/BTTTT, QCVN : 117:2018/BTTTT

Central controller

QCVN : 12:2005/ BTTTT, QCVN : 15:2015/BTTTT
QCVN : 86:2019/BTTTT, QCVN : 117:2018/BTTTT

**Hệ thống thông minh**

Giám sát sever

Smart System

Monitor server

**Cáp bảo vệ**

QCVN : 73:2013/BTTTT

Shoring Cap

QCVN : 73:2013/BTTTT

**Tế bào quang điện**

QCVN : 73:2013/BTTTT

Photocell

QCVN : 73:2013/BTTTT

**Ổ cắm Nema**

QCVN : 73:2013/BTTTT

Nema Socket

QCVN : 73:2013/BTTTT

**Bộ giao tiếp đèn (NEMA)**

Điện áp hoạt động : 165 - 270VAC

Nhiệt độ hoạt động : 0 ÷ 75°C

Băng tần hoạt động : 433MHz

Tốc độ đường truyền : 0.3 - 19.2 Kbps (Mặc định 2.4 Kbps)

Giao tiếp : LoRa 433MHz

Công suất phát tối đa : 20dbm (100mW)

Chức năng : Điều khiển giám sát đèn, kết nối truyền dữ liệu về tủ điều khiển chiếu sáng.

Lamp Communicator (NEMA)

Operating voltage : 165 - 270VAC

Operating temperature : 0 ÷ 75°C

Operating frequency band : 433MHz

Line rate : 0.3 - 19.2 Kbps (Default 2.4 Kbps)

Interface : LoRa 433MHz

Maximum transmit power : 20dbm (100mW)

Function : Control and monitor lights, connect and transmit data to the cabinet lighting control.



IP 66-68

IK 08-10



RoHS

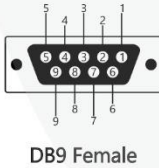
Bộ kết nối dữ liệu trung tâm

- Điện áp ngõ vào : 9 ÷ 35VDC
- Nhiệt độ hoạt động : 0 ÷ 75°C
- Đường truyền : 4G/3G/GPRS
- Băng tần hoạt động : Quad-band (GSM850, GSM900, DCS1800, PCS1900).
- Tự động dò băng tần.
- Hỗ trợ định vị tọa độ : GPS, GLONASS, BeiDou (Compass), Galileo, QZSS
- Tốc độ đường truyền : Data download : max 150 Mbps
Data upload : max 50 Mbps
- Hỗ trợ dịch vụ kết nối Internet : TCP/UDP/FPT/HTTP(S)
- Phần mềm nhúng : Lập trình nhúng firmware kết nối sever và đám mây trên chip CPU
- Cổng giao tiếp : RS232, RS485
Databits : 7 hoặc 8 bit
Parity : None, Odd, Even
Tốc độ bauds : tối đa 115200 bps
- Bảo mật đường truyền : Có cho phép thiết lập Password cho dữ liệu đường truyền



Chân cổng kết nối

- Thông số cổng giao tiếp :
- Port : RS232, RS485
 - Databits : 7 hoặc 8 bit
 - Parity : None, Odd, Even
 - Tốc độ bauds : tối đa 115200 bps



DB9 Female	Signal	Port
PIN2	TXD	RS232
PIN3	RXD	
PIN5	GND	
PIN6	A (485-)	RS485
PIN9	B (485+)	

Đầu kết nối

Cáp 10m với đầu nối xếp hạng IP66 mang lại sự dễ dàng lắp đặt đèn đường.
Đầu nối cáp 3/5 dây



Data center link modem

- Input voltage : 9 ÷ 35VDC
- Operating temperature : 0 ÷ 75°C
- Transmission line : 4G/3G/GPRS
- Operating frequency band : Quad-band (GSM850, GSM900, DCS1800, PCS1900).
- Automatic frequency detection.
- Support positioning coordinates : GPS, GLONASS, BeiDou (Compass), Galileo, QZSS
- Transmission speed : Data download : max 150 Mbps
Data upload : max 50 Mbps
- Internet connection service support : TCP/UDP/FPT/HTTP(S)
- Embedded software : Embedded programming firmware connecting server and cloud on chip CPU
- The web of communication : RS232, RS485
Databits : 7 or 8 bit
Parity : None, Odd, Even
Bauds rate : up to 115200 bps
- Transmission security : Is it allowed to set Password for data transmission

Connector pins

- Communication port parameters :
- Port : RS232, RS485
 - Databits : 7 or 8 bit
 - Parity : None, Odd, Even
 - Bauds rate : up to 115200 bps

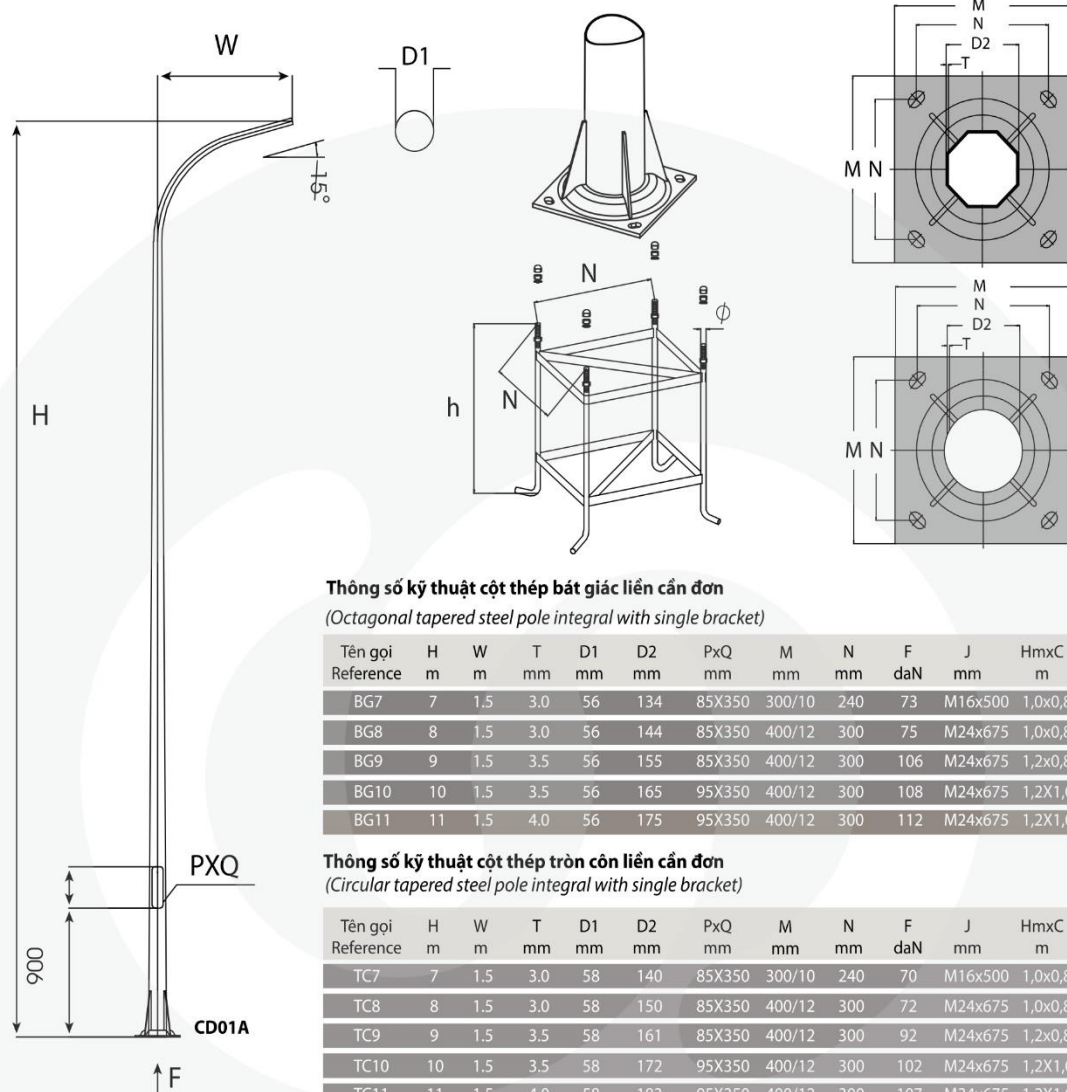
DB9 Female	Signal	Port
PIN2	TXD	RS232
PIN3	RXD	
PIN5	GND	
PIN6	A (485-)	RS485
PIN9	B (485+)	

Connector

10m cable with Ip66 rated connector offers easy installation of the street luminaires.
3/5 wire cable connector

Lighting Pole

CỘT THÉP LIỀN CẦN ĐƠN | SINGLE STEEL POLE



GHI CHÚ | NOTE

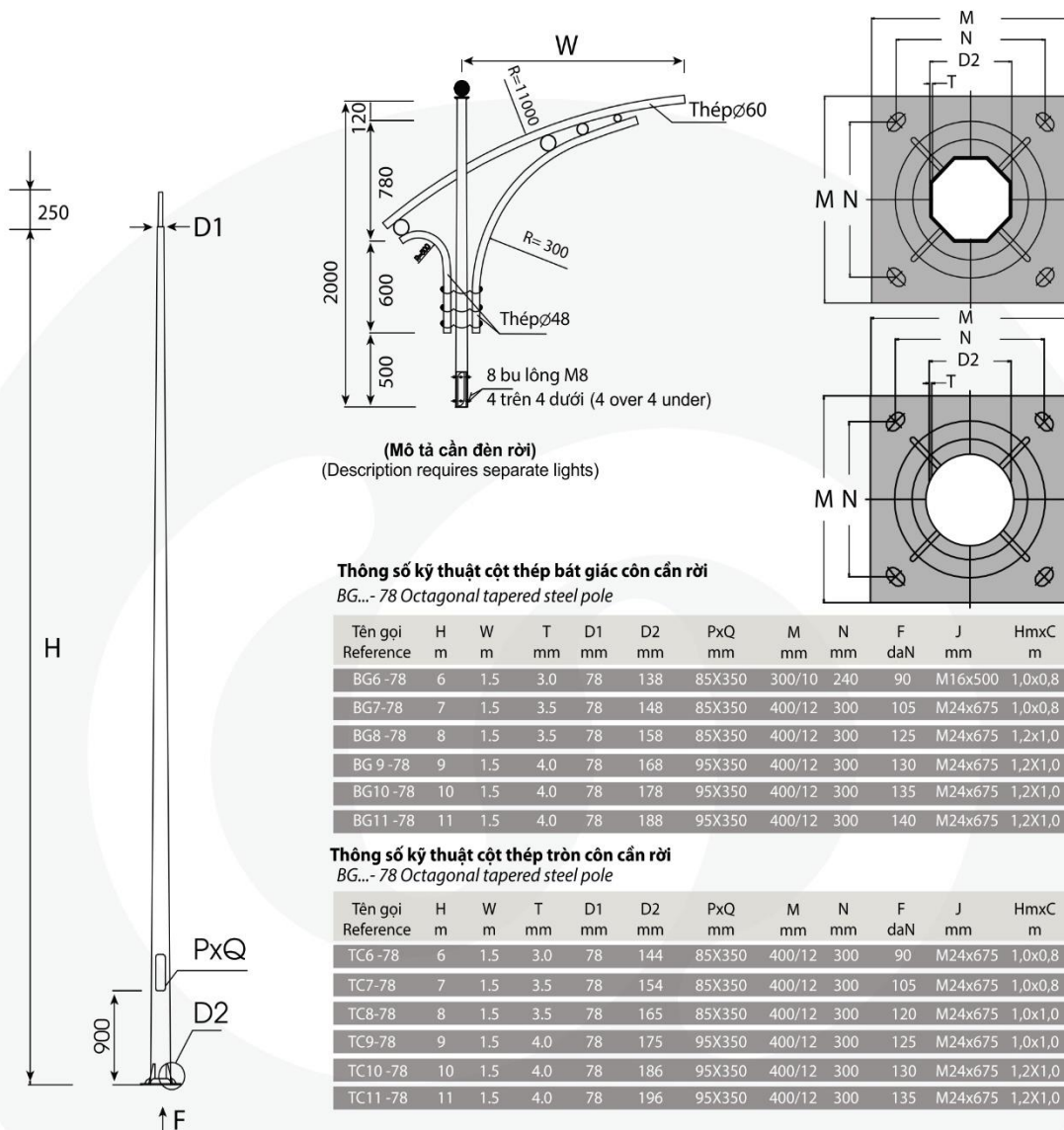
H: Chiều cao cột | Column height
W: Độ vươn cần | Boom reach
T: Độ dày tôn | Thickness of corrugated iron
D1: Đường kính ngọn | Top diameter
D2: Đường kính gốc | Original diameter
PxQ: Kích thước cửa cột | Column door size
M: Kích thước bích đế | Base flange size
N: Kích thước khung móng | Foundation frame size
F: Lực ngang đầu cột | horizontal force at the top of the column
HmxC: Kích thước khối bê tông móng | Size of foundation concrete block
J: bu lông móng cột | column foundation bolts



Máy chấn cột đèn 12m | 12m light pole bending machine

Lighting Pole

THÂN CỘT THÉP CẦN RỜI | STEEL POLE -78



Lighting Pole

CỘT THÉP CẦN RỜI ĐƠN | SINGLE STEEL POLE



CD02



CD03



CD04



CD05



Máy hàn tự động | Automatic welding machine



CD06



CD07



CD08



CD09



CD10



CD11



CD12



CD13



CD14



CD15



CD16



CD017



CD18



CD19



CD20



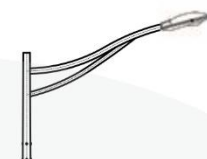
CD21



CD22



CD23



CD24



CD25



CD26



CD27



CD28



CD29



CD30



CD31



CD32



CD33



CD34



CD35



CD36



CD37



CD38



CD39



CD40



CD41



CD42



CD43



CD44



CD45

Lighting Pole

CỘT THÉP CÁN RỜI KÉP | DOUBLE STEEL POLE



CK01



CK02



CK03



CK04



CK05



CK06



CK07



CK08



CK09



CK10



CK11



CK12



CK13



CK14



CK15



CK16



CK17



CK18



CK19



CK20



CK21



CK22



CK23



CK24



CK25



CK26



CK27



CK28



CK29



CK30



CK31



CK32



CK33



CK34



CK35



CK36



CK37



CK38



CK39



CK40



CK41



CK42



CK43



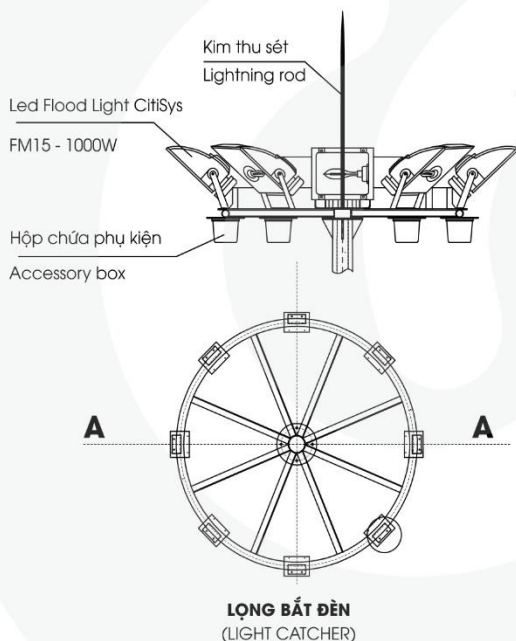
CK44



CK45

Lighting Pole

CỘT GIÀN ĐÈN NÂNG HẠ | LIFT DOWN LAMP POLE



PHẠM VI SỬ DỤNG

Application

Sử dụng cho chiếu sáng bãi đỗ xe, sân bay, bến cảng, sân ga, quảng trường, cầu vượt, khu vực trạm thu phí, sân vận động...
For lighting of parking-lots, airports, harbours, rail yards, squares, highway interchanges, toll-house areas, stadiums...

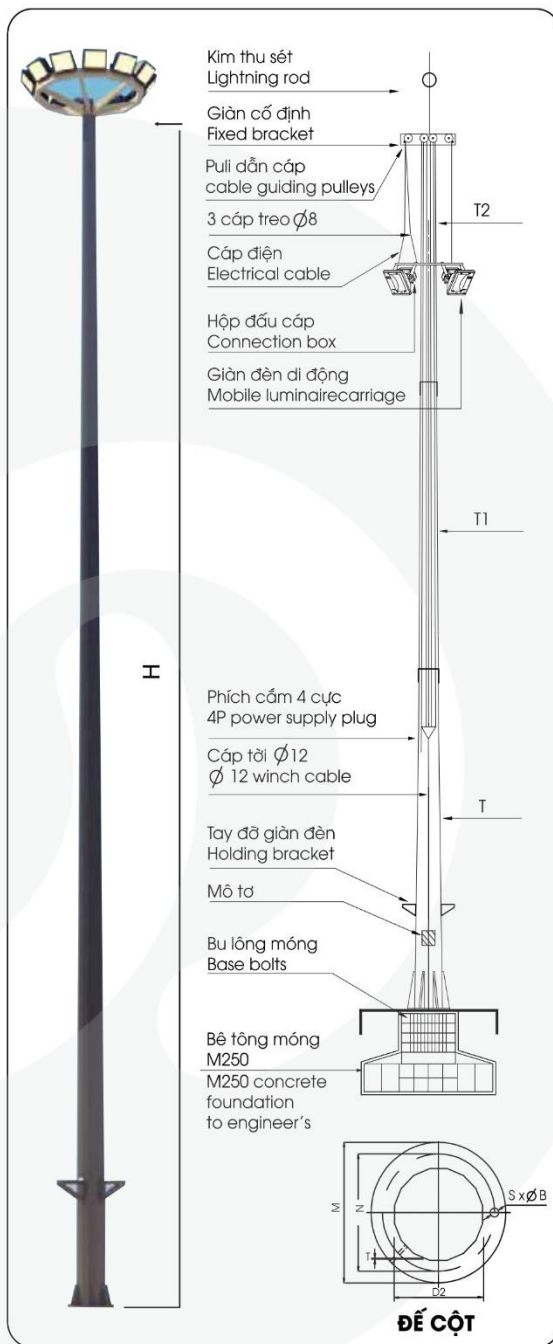
THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Speciation

Khối lượng nâng/ Lifting weight: 400Kg

Vận tốc nâng/ Lifting velocity: 4- 8 m/ ph

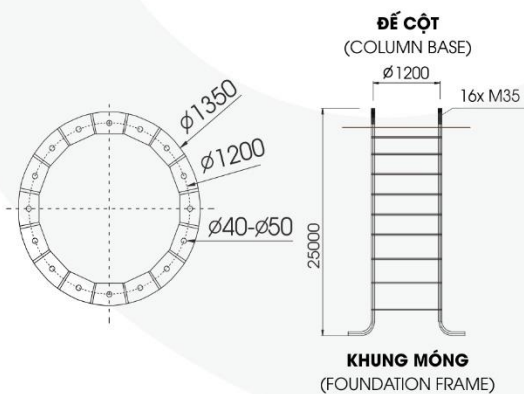
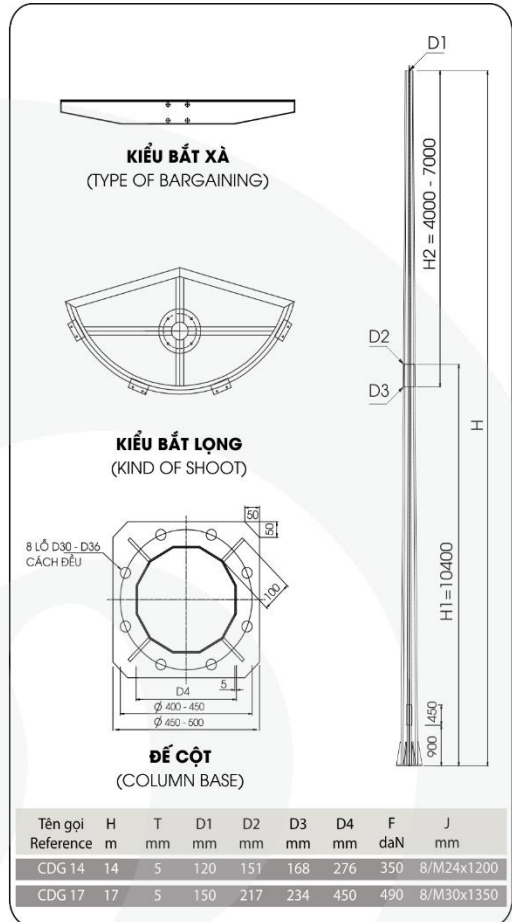
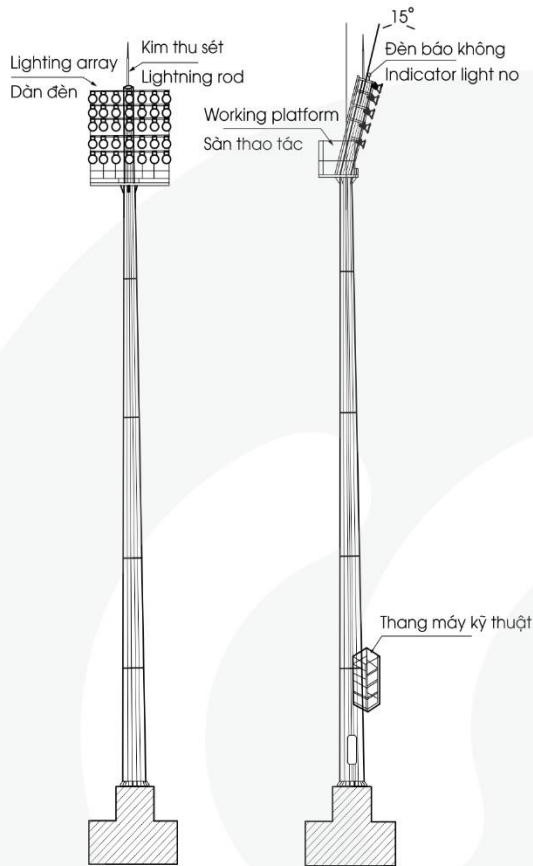
Nguồn cấp/ Power supply: 380/ 220V - 50 Hz



Tên gọi Reference	H m	T mm	D1 mm	D2 mm	F daN	Win speed	M mm	N mm	S x ØB mm	J mm
CDG 25A	25	6	260	585	1000	<45 m/s	950	800	18 x 36	18 / M30 x 1750
CDG 25B	25	8	260	583	1300	<52 m/s	950	800	20 x 42	18 / M30 x 1750
CDG 30A	30	6	260	685	1200	<45 m/s	1050	900	18 x 36	20 / M36x 1750
CDG 30A	30	8	260	683	1550	<52 m/s	1050	900	20 x 42	20 / M36x 1750

Lighting Pole

CỘT GIÀN ĐÈN CỐ ĐỊNH | FIXED LAMP POLE

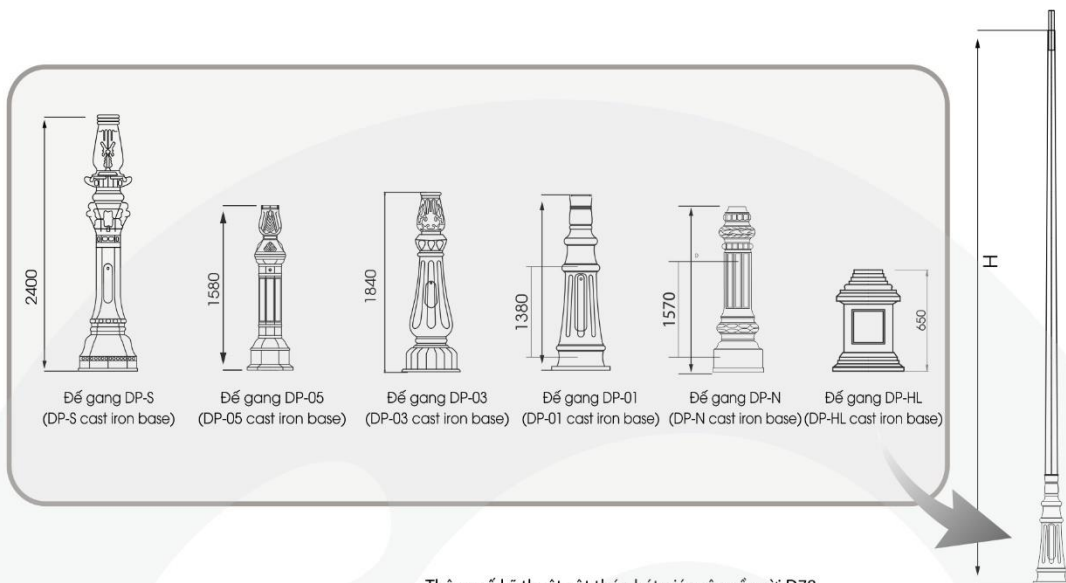


Tên gọi Reference	H m	T mm	D1 mm	D2 mm	F daN	Win speed	M mm	N mm	J mm
CDG 38	38	14	1050	400	2550	<70 m/s	1350	1200	16 / M35 x 2500



Lighting Pole

CỘT THÉP TRÊN ĐẾ GANG | STEEL POLE ON CAST IRON BASE



Thông số kỹ thuật cột thép bát giác côn cân rời D78

Tên gọi Reference	H m	W m	T mm	D1 mm	D2 mm	PxQ mm	M mm	N mm	F daN	J mm
BG8 -78	8	1.5	3.5	78	158	85X350	400/12	300	125	M24x675
BG 9 -78	9	1.5	4.0	78	168	95X350	400/12	300	130	M24x675
BG10 -78	10	1.5	4.0	78	178	95X350	400/12	300	135	M24x675
BG11 -78	11	1.5	4.0	78	188	95X350	400/12	300	140	M24x675

Thông số kỹ thuật cột thép tròn cân rời D78

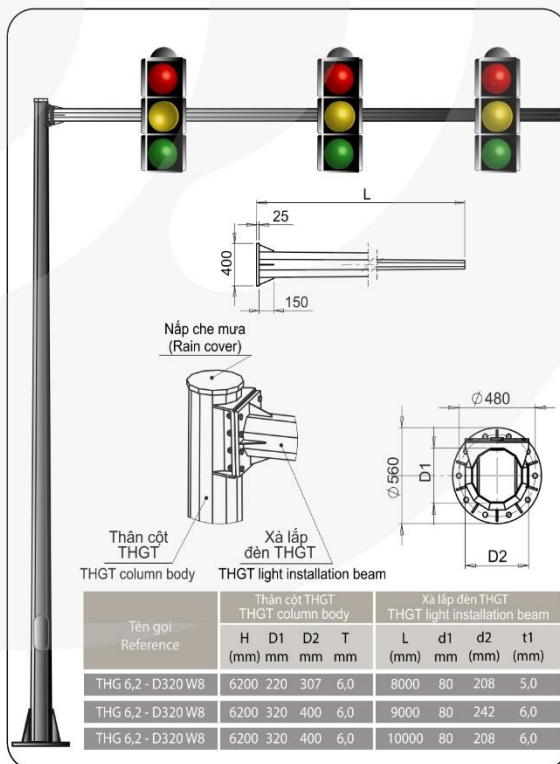
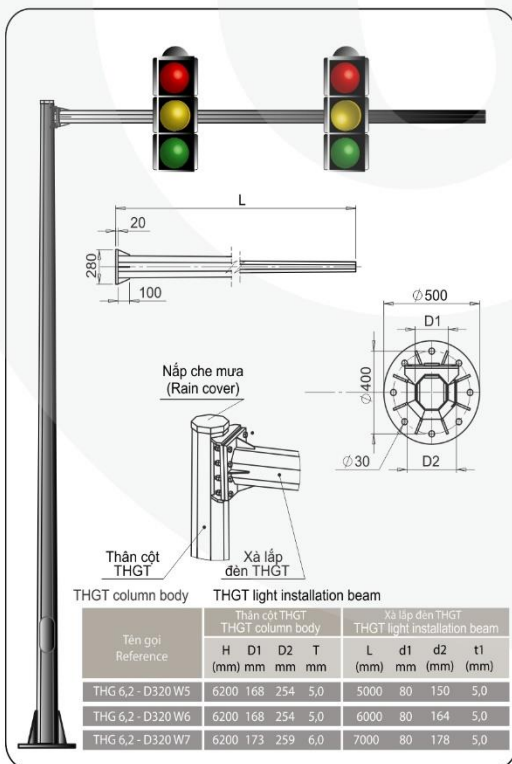
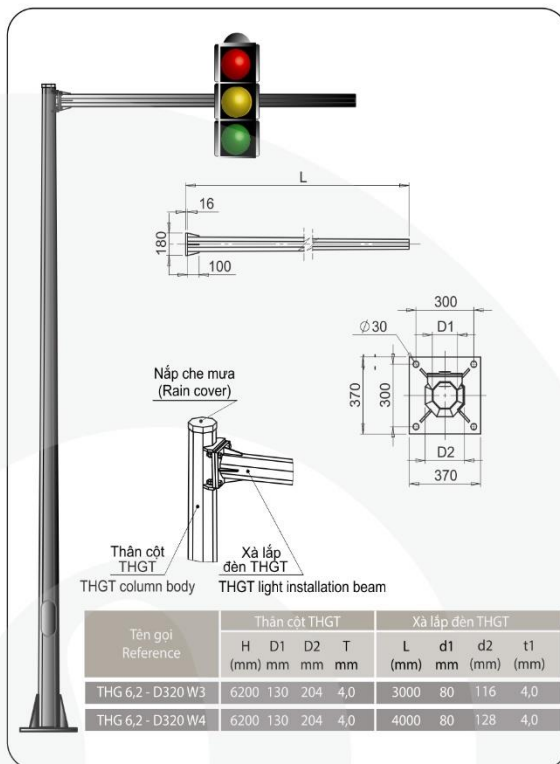
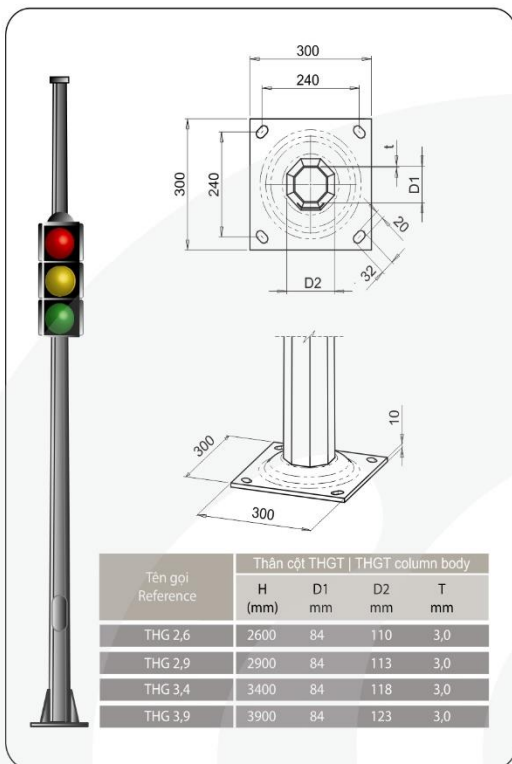
Tên gọi Reference	H m	W m	T mm	D1 mm	D2 mm	PxQ mm	M mm	N mm	F daN	J mm
TC8-78	8	1.5	3.5	78	165	85X350	400/12	300	120	M24x675
TC9-78	9	1.5	4.0	78	175	95X350	400/12	300	125	M24x675
TC10 -78	10	1.5	4.0	78	186	95X350	400/12	300	130	M24x675
TC11 -78	11	1.5	4.0	78	196	95X350	400/12	300	135	M24x675

- Ghép cột**
(Merge columns)
- Chọn đế gang
(Choose cast iron base)
 - Chọn cần đèn (CD...)
(Select the light lever (CD...))
 - Chọn cần kép (CK...)
(Select dual lever (CK...))
 - Chọn đèn
(Choose lights)



Lighting Pole

CỘT THÉP TÍN HIỆU GIAO THÔNG | TRAFFIC STEEL POLE



Decorative Pole

CHÚ THÍCH | NOTE:

- C01 Cột thép mạ kẽm, sơn tĩnh điện
Galvanized steel column, powder coated
- C02 Cột đèn trang trí đế gang C02
Decorative lamp post with cast iron base C02
- C03 Cột đế nhôm, gang đúc C03
Aluminum base column, cast iron C03
- C04 Cột thân nhôm hợp kim đúc áp lực
Pressure die-cast aluminum alloy column body
- C05 Cột đế gang đúc C05 (C05A + C05B)
Cast iron base column C05 (C05A + C05B)
- C06 Cột đế gang đúc C06
Cast iron base column C06
- C07 Cột đế gang đúc C07
Cast iron base column C07
- C08 Cột đế gang đúc C08
Cast iron base column C08
- C09 Cột đế nhôm, thân nhôm đúc áp lực
Aluminum base column, die-cast aluminum body
- C10 Cột đế gang sứ C10
Lion cast iron base column C10

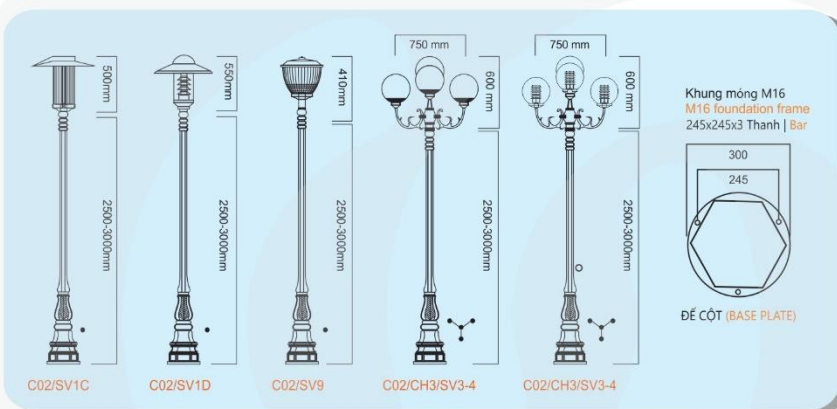
Giải thích mã hiệu sản phẩm | Product code explanation: Ví dụ | Ex: C06/CH6/SV3-4/Lamp; C01/sv2-2/20/Lamp

C06 (C01)	CH6 (--)	SV3-4 (SV2-2)	(--) 20	Lamp
Chủng loại cột Column type	Loại chùm đèn Type of chandelier	Loại đèn Lamp type Số lượng đèn Number of lights	Loại cột Column type	Nguồn sáng, công suất Light source, power (Compact, led, sodium,...)

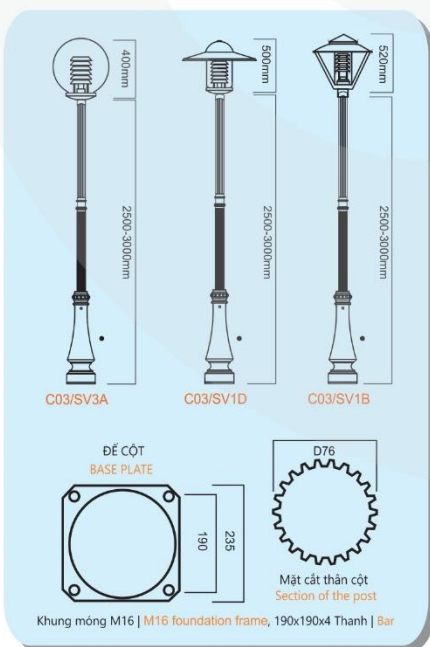
Ghép cột
Merge columns

- Chọn đế cột | Select the column base (C05, C06...)
- Chọn thân cột (thân sắt, gang, nhôm đúc áp lực...) | Select column body (iron body, cast iron, pressure cast aluminum...)
- Chọn chùm | Select beam (CH1, CH2...)
- Chọn đèn | Select lights (SV1, SV2...)
- Chọn nguồn sáng, công suất | Select light source, power (Compact, sodium...)

CỘT ĐÈN TRANG TRÍ ĐẾ GANG C02 | C02 DECORATIVE LAMP POST WITH CAST IRON BASE

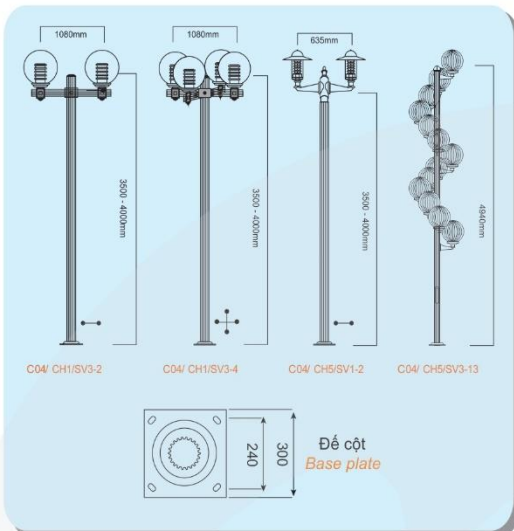


CỘT ĐÈN TRANG TRÍ C03 | DECORATIVE LAMP POST C03

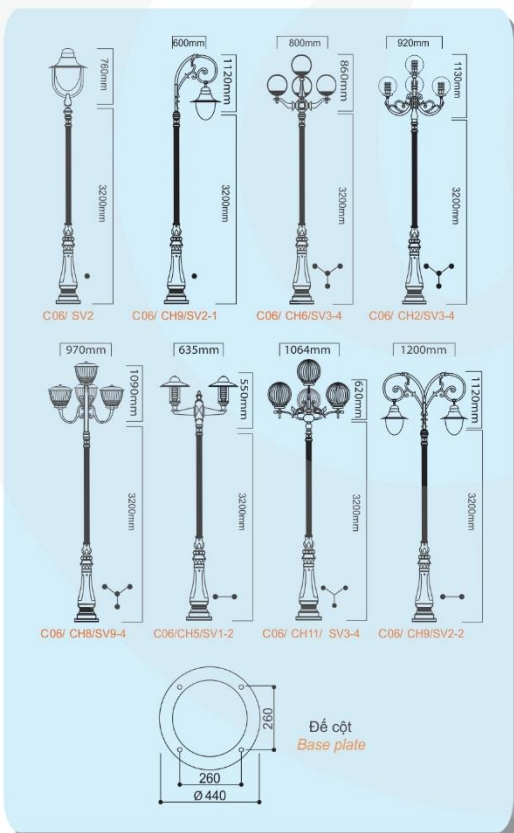


Decorative Pole

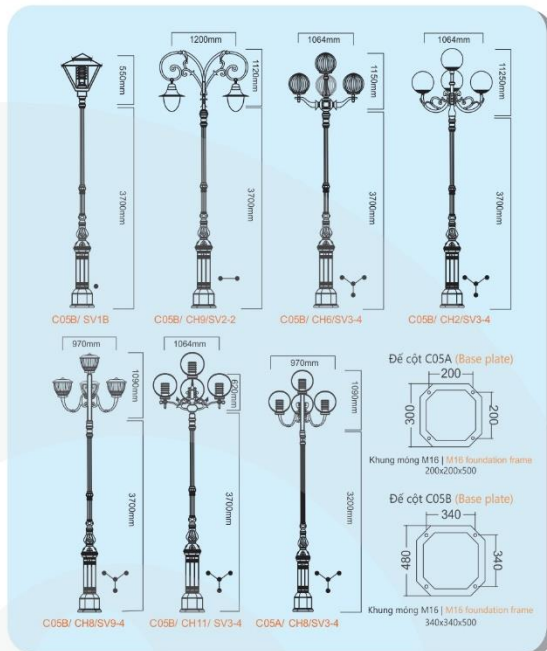
CỘT ĐÈN TRANG TRÍ THÂN NHÔM C04 | ALUMINUM BODY DECORATIVE LAMP POST C04



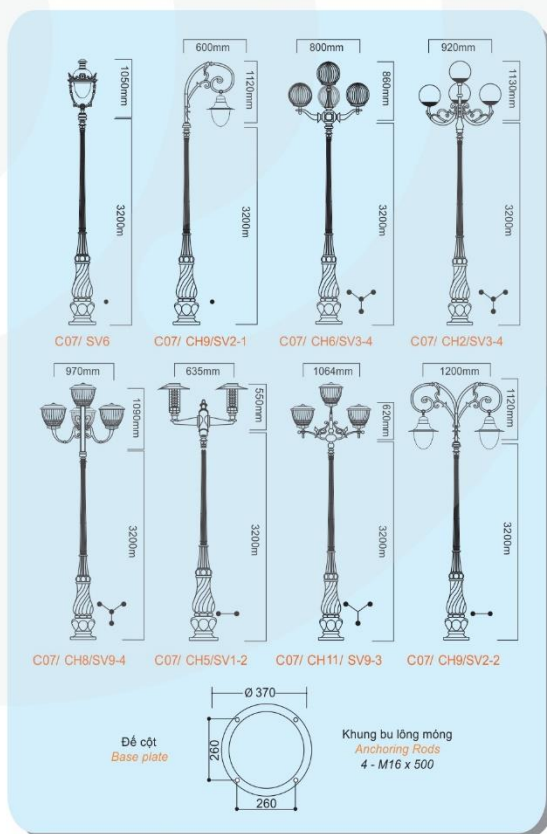
CỘT ĐÈN TRANG TRÍ ĐẾ GANG C06 | C06 DECORATIVE LAMP POST WITH CAST IRON BASE



CỘT ĐÈN TRANG TRÍ ĐẾ GANG C05 | C05 DECORATIVE LAMP POST WITH CAST IRON BASE

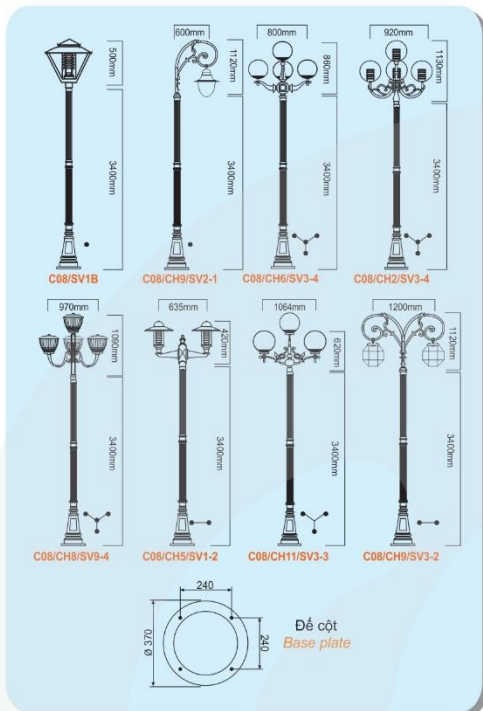


CỘT ĐÈN TRANG TRÍ ĐẾ GANG C07 | C07 DECORATIVE LAMP POST WITH CAST IRON BASE

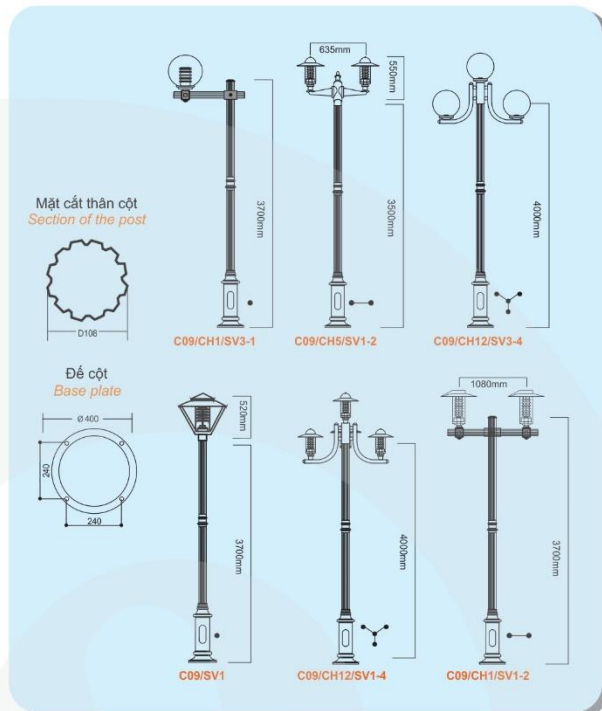


Decorative Pole

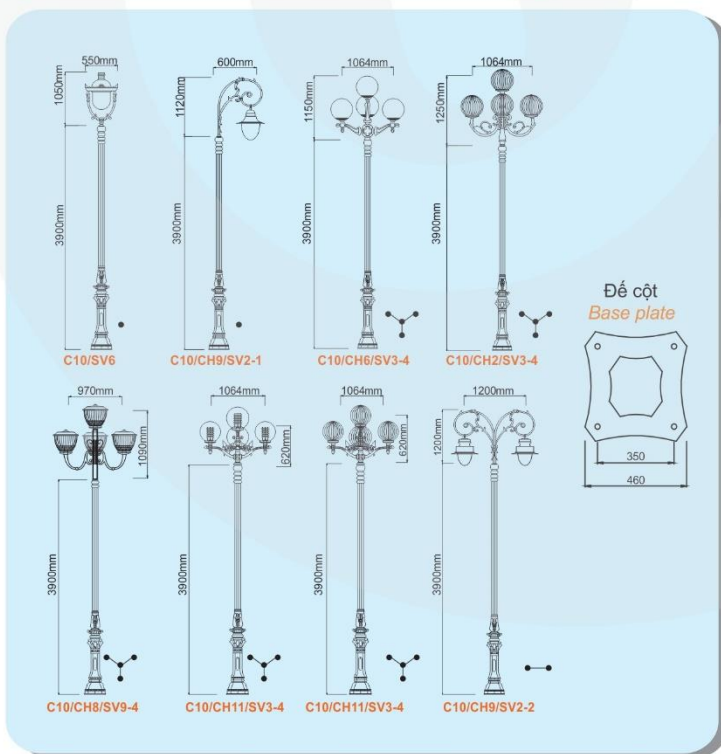
CỘT ĐÈN TRANG TRÍ ĐẾ GANG C08 | C08 DECORATIVE LAMP POST WITH CAST IRON BASE



CỘT ĐÈN TRANG TRÍ ĐẾ NHÔM C09 | DECORATIVE LAMP POST WITH ALUMINUM BASE C09



CỘT ĐÈN TRANG TRÍ ĐẾ GANG C10 | C10 DECORATIVE LAMP POST WITH CAST IRON BASE



THANK YOU !
CHÂN THÀNH CẢM ƠN !



JOINT STOCK COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
CITISYS

Trụ sở Chính: Số 9/11 Đường 10, P. Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Văn Phòng Miền Trung: 105 Phan Triêm, P. Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng.

Văn Phòng Miền Bắc: Số 3 Ngõ 205 đường Lương Thế Vinh, P. Trung Văn, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Nhà máy 1: KCN Tân Hồng, Xã Hoàn Sơn, Huyện Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.

Nhà máy 2: Thôn Tân Trung, Xã Châu Pha, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Email: Leo.citisys@gmail.com

Website: www.chieusangvn.com - **Website:** www.chieusangvn.com.vn

Head Office: No. 9/11 Street 10, Hiep Binh Chanh Ward, City, Thu Duc, Ho Chi Minh City.

Central Office: 105 Phan Triem, Hoa Xuan Ward, Cam Le District, Da Nang City.

Northern Office: No. 3 Lane 205 Luong The Vinh Street, Trung Van Ward, Nam Tu Lien District, Ha Noi City.

Factory 1: Tan Hong Industrial Park, Hoan Son Commune, Tu Son District, Bac Ninh Province.

Factory 2: Tan Trung Village, Chau Pha Commune, Phu My Town, Ba Ria Vung Tau Province.

Email: Leo.citisys@gmail.com

Website: www.chieusangvn.com - **Website:** www.chieusangvn.com.vn